

TÀI LIỆU PHÂN TÍCH CHUYÊN SÂU CÁC TÁC PHẨM VÀ PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI HIỆU QUẢ NLVH

PHƯƠNG PHÁP VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC – PHẦN 1

Nội dung bài học:

- Phân tích đề
- Tìm ý bám sát vấn đề nghị luận
- Cách viết mở đoạn, kết đoạn
- Luyện tập: Viết đoạn văn về 7 câu thơ đầu bài thơ Đồng chí

I. HÌNH THỨC ĐOẠN VĂN

Một đoạn văn được tính từ chỗ lùi đầu dòng viết hoa đến chỗ chấm xuống dòng.

Lưu ý:

- Lùi đầu dòng rõ ràng
- Không xuống dòng

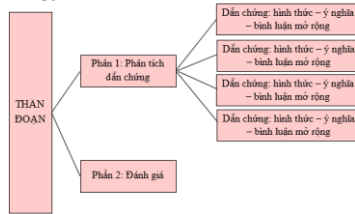
II. NỘI DUNG

Bước 1: Phân tích đề (1 phút - gạch chân vào đề)

nhằm triển khai các luận điểm để làm rõ vấn đề nghị luận.

II. PHƯƠNG PHÁP CHUNG

Mỗi phần thân đoạn đều gồm 2 phần chính: phân tích dẫn chứng và đánh giá. Có thể hình dung qua sơ đồ sau:



1. Phần 1: Phân tích dẫn chứng (bắt buộc, quan trọng nhất)

Nội dung:

→ Từ bao quát đến cụ thể, từ khái quát đến chi tiết, từ hình thức đến nội dung.

1. Niềm xúc động của tác giả khi đứng trước lăng Bác (khổ 1)

- Khổ thơ đầu tiên là những cảm xúc của VP khi đứng trước lăng Bác, từ đó thể hiện sự thành kính của nhà thơ với Bác.

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát

Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng

- Từ mảnh đất miền nam mấy chục năm khói lửa, nhà thơ Viễn Phương mới hành hương ra thăm miền Bắc. Câu đầu gợi đi như một lời thông báo nhưng chất chứa biết bao nỗi niềm, đây là lời người con ở phương xa lâu ngày mới được về thăm người cha già kính yêu. Có lẽ bởi vậy mà trong niềm sâu thẳm dâng lên nỗi xúc động nghẹn ngào.

- Cách xưng hô "con-Bác" quen thuộc mang đậm chất Nam Bộ gợi tình cảm ruột thịt gần gũi giữa nhà thơ với Bác, nhà thơ giống như một đứa con đi xa lâu ngày trở lại thăm người cha già. Chính cách xưng hô ấy đã kéo gần lại khoảng cách xa vời giữa Nam với Bắc xóa nhòa đi cách biệt giữa thời gian trước sau, địa vị thấp cao, sự cách biệt giữa âm dương cách trở. Và tình cảm ấy có lẽ không chỉ của riêng nhà thơ Viễn Phương mà là của bao người Việt Nam khi nghĩ về Bác, khi viết về Bác.

- Lưu ý: Nhà thơ Tố Hữu cũng từng viết:

Con ngựa Bác tường nghe lời non nước

GÓC NHÌN MỚI VỀ VĂN HỌC

CHUYÊN ĐỀ I: PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

A. Mẹo phương pháp viết NLVH nhanh cho học sinh khá giỏi

PHƯƠNG PHÁP VIẾT ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC – PHẦN 1

Nội dung bài học:

- *Phân tích đề*
- *Tìm ý bám sát vấn đề nghị luận*
- *Cách viết mở đoạn, kết đoạn*
- *Luyện tập: Viết đoạn văn về 7 câu thơ đầu bài thơ Đồng chí*

I. HÌNH THỨC ĐOẠN VĂN

Một đoạn văn được tính từ chỗ lùi đầu dòng viết hoa đến chỗ chấm xuống dòng.

Lưu ý:

- Lùi đầu dòng rõ ràng
- Không xuống dòng

II. NỘI DUNG

Bước 1: Phân tích đề (1 phút - gạch chân vào đề)

- Đọc kĩ đề để xác định được:
 - + Vấn đề nghị luận
 - + Phạm vi dẫn chứng
 - + Kiểu đoạn văn
 - + Dung lượng (khoảng bao nhiêu câu/dòng/trang giấy)
 - + Yêu cầu Tiếng Việt đi kèm

VD: Viết đoạn văn (khoảng 12 - 15 câu) theo cách lập luận tổng - phân - hợp nêu cảm nhận của em về những tín hiệu giao mùa trong khổ thơ thứ nhất bài “Sang thu” (Hữu Thỉnh). Trong đoạn văn có sử dụng thành phần biệt lập tình thái (gạch chân để chỉ rõ)
=> Phân tích đề:

- Vấn đề nghị luận: những tín hiệu giao mùa
- Phạm vi dẫn chứng: khổ thơ thứ nhất bài “Sang thu”

- Kiểu đoạn văn: Tổng - phân - hợp
- Dung lượng: đoạn văn khoảng 12 - 15 câu
- Yêu cầu Tiếng Việt đi kèm: Trong đoạn văn có sử dụng thành phần biệt lập tình thái (gạch chân để chỉ rõ)

VD: Nhà văn Nguyễn Quang Sáng trong tác phẩm “Chiếc lược ngà” đã diễn tả rất xúc động tình thương cha của nhân vật bé Thu khi cô bé nhận ông Sáu là cha trước khi ông Sáu phải lên đường. Bằng một đoạn văn (khoảng 12 - 15 câu) theo cách lập luận diễn dịch, em hãy nêu cảm nhận về tình cảm ấy của bé Thu. Trong đoạn văn có sử dụng câu ghép.

=> Phân tích đề:

- Vấn đề nghị luận: tình thương cha của bé Thu
- Phạm vi phân tích: cảnh chia tay trước khi ông Sáu lên đường
- Kiểu đoạn văn: diễn dịch
- Dung lượng: 12 - 15 câu
- Yêu cầu Tiếng Việt: sử dụng câu ghép

Lưu ý: Cùng 1 phạm vi dẫn chứng nhưng vấn đề nghị luận có thể khác nhau, khiến cho định hướng làm bài cũng khác nhau. Vì vậy **KHÔNG ĐƯỢC CHỦ QUAN** mà **PHẢI ĐỌC THẬT KỸ ĐỀ** để xác định đúng vấn đề nghị luận.

Bước 2: Lập ý (2 phút - gạch đầu dòng các từ khóa ra nháp)

- Huy động kiến thức nền về đối tượng cần nghị luận
- Bám sát yêu cầu đề bài, gạch ra các ý chính trong thân đoạn (có thể đặt những câu hỏi “là gì?”, “như thế nào?”, “thể hiện qua đâu?” để tìm ra ý chính)
- Bước này làm ra nháp, bằng các gạch đầu dòng và từ khóa. Các từ khóa cần ghi là:
 - + Nội dung chính của mỗi phần nhỏ trong đoạn thơ/đoạn trích văn xuôi cần phân tích
 - + Tên biện pháp tu từ + tác dụng

- + Đánh giá sau mỗi ý phân tích (thường là các tính từ)
- + Tình cảm, suy nghĩ của tác giả đã gửi gắm
- + Đặc sắc nghệ thuật: nhịp thơ, thể thơ, hình ảnh thơ, nhịp điệu trong văn xuôi, giọng văn, ngôn ngữ...
- + Dẫn chứng liên hệ mở rộng nếu có và vị trí muốn liên hệ

VD: Từ đề bài xác định được:

- Vấn đề nghị luận: **những tín hiệu giao mùa**
- Phạm vi phân tích: khổ 1 bài “Sang thu”.

=> Các ý chính là:

- Tín hiệu 1: hương ổi => đi liền với “bỗng”, “phả” => mùi hương đặc trưng của làng quê, giản dị, nồng nàn. Liên hệ “Gió thổi mùa thu hương cốm mới” - hương cốm
- Tín hiệu 2: gió se => đặc trưng của mùa thu xứ Bắc, làm sáng đậm hơn mùi hương ổi
- Tín hiệu 3: sương => Nhân hóa “chùng chình”, cố ý chậm lại, giăng mắc => không gian mơ hồ
- Tác giả giật mình, bối rối => vui, say sưa, tinh tế
- Đánh giá: nhiều giác quan, sinh động, gần gũi, tinh tế.
- Nghệ thuật: thể thơ 5 chữ, hình ảnh mộc mạc, nhẹ nhàng

VD: Từ đề bài xác định được:

- **Vấn đề nghị luận: vẻ đẹp (nội dung + nghệ thuật) của khổ thơ**
- Phạm vi phân tích: khổ 1 bài “Sang thu”.

=> Các ý chính là:

- Nội dung:
 - + “Bỗng” đặt đầu câu => bất ngờ, đột ngột, giật mình bởi hương ổi thân quen. Liên hệ chia sẻ của Hữu Thỉnh
 - + Hương ổi là tín hiệu đầu, nồng nàn, bao trùm không gian => đánh thức giác quan, sự cảm nhận
 - + Hương ổi trong gió se + động từ “phả” => sánh đậm, không gian đặc trưng làng quê xứ Bắc
 - + Sương giăng mắc, nhân quá qua “chùng chình” => gợi hình, gợi

cảm => tình tế

	+ cảm giác mơ hồ, say sưa cùng thiên nhiên => “hình như”: không chắc chắn => Thu về trong mọi giác quan - Nghệ thuật: + thể thơ 5 chữ đơn giản, gần gũi + Ngôn ngữ thơ tinh tế + Hình ảnh mộc mạc, sinh động
--	--

Lưu ý: Mỗi vấn đề nghị luận khác nhau sẽ có dàn ý khác nhau, cần bám sát vào vấn đề để xác định các ý chính và từ ngữ chủ đề xuyên suốt đoạn văn cần viết.

Bước 3: Viết đoạn văn (tối đa 40 phút - viết cẩn thận, sạch sẽ)

* **Bám sát kiểu đoạn văn mà đề yêu cầu:** Dưới đây là bố cục các kiểu đoạn văn thường gặp:

	Diễn dịch	Tổng - phân - hợp	Quy nạp
Mở đoạn	Câu chủ đề	Câu chủ đề	Câu giới thiệu (không nêu vấn đề)
Thân đoạn	Lí lẽ + dẫn chứng	Lí lẽ + dẫn chứng	Lí lẽ + dẫn chứng
Kết đoạn	Câu gợi mở/cảm xúc (không chốt lại vấn đề)	Câu chủ đề	Câu chủ đề

* **Phương pháp viết MỞ ĐOẠN (1 - 2 câu => chuẩn bị trước khi đi thi)**

1. **Đoạn văn diễn dịch và tổng - phân - hợp: mở đoạn phải nêu được câu chủ đề**

- a. **Mở đoạn trực tiếp:** Nêu vấn đề và phạm vi dẫn chứng (câu chủ đề)
- **Công thức:** **Trong tác phẩm** + tên tác phẩm, + tên tác giả + **đã ghi dấu ấn đậm nét/khó phai trong lòng bạn đọc khi miêu tả/điển tả/... thành công/một cách tinh tế/...** + vấn đề nghị luận qua + phạm vi dẫn chứng.
 - **VD:** Mở đoạn cho đề bài ở VD1:
Trong thi phẩm “Sang thu”, nhà thơ Hữu Thỉnh đã ghi dấu ấn đậm nét trong lòng bạn đọc khi diễn tả một cách tinh tế những tín hiệu giao mùa qua khổ thơ đầu tiên.
 - **VD:** Mở đoạn cho đề bài: Bằng 1 đoạn văn diễn dịch, nêu cảm nhận của em về nhân vật bé Thu trong buổi chia tay trước khi ông Sáu lên đường làm nhiệm vụ.
Trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà”, nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã ghi dấu ấn khó phai trong lòng bạn đọc khi diễn tả một cách xúc động về nhân vật bé Thu trong buổi chia tay trước khi ông Sáu lên đường làm nhiệm vụ.
- b. **Mở đoạn gián tiếp:** Dẫn dắt + nêu vấn đề và phạm vi dẫn chứng (câu chủ đề)
- **Cách 1:** Dẫn dắt từ phong cách nghệ thuật của tác giả
 - + Công thức: **Trong nền văn học hiện đại/trung đại Việt Nam**, + tên tác giả + điểm đáng lưu ý về tác giả (PCNT). **Tiêu biểu cho phong cách độc đáo/ấn tượng ấy chính là thi phẩm/truyện ngắn/...** + tên tác phẩm => Câu chủ đề.
 - + VD: *Trong nền văn học hiện đại Việt Nam, Phạm Tiến Duật có giọng thơ sôi nổi, trẻ trung, pha chút ngang tàng mà sâu sắc, những trang thơ như “ngọn lửa đèn” của cả một thế hệ nhà thơ thời chống Mỹ. Tiêu biểu cho phong cách độc đáo ấy chính là thi phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” => Câu chủ đề*
 - **Cách 2:** Dẫn dắt từ đề tài
 - + Công thức: **Viết về** + đề tài, **nếu như** + 2 đến 3 tác giả, tác phẩm về đề tài đó và đặc điểm nổi bật, **thì** + tác giả chính cùng đặc điểm nổi bật của tác phẩm => Câu chủ đề.

- + VD: Nếu như nhắc đến mùa thu trong thi ca, người ta hay nhớ đến những sắc, những hương đặc trưng như sắc vàng phai trong thơ Xuân Diệu: “Đây mùa thu tới, mùa thu tới / Với áo mơ phai dệt lá vàng”, hay như hương cốm nồng nàn trong thơ Nguyễn Đình Thi: “Sáng mát trong như sáng năm xưa / Gió thổi mùa thu hương cốm mới”; thì tín hiệu bắt đầu mùa thu trong thơ Hữu Thỉnh lại là hương ổi chín trong làn gió se.
=> Câu chủ đề

- Cách 3: Dẫn dắt từ nhận định

- + Công thức: Tên tác giả của nhận định + đã từng viết/đã từng nói rằng/ đã từng tâm niệm rằng/...: “Trích dẫn nhận định”. Nhận định này khiến chúng ta nhớ về + tác giả hoặc tác phẩm + điểm liên quan với nhận định
=> Câu chủ đề
- + VD: Nhà thơ Đỗ Trung Lai đã từng nói: sáng tác của Phạm Tiến Duật là “Một góc bảo tàng tươi sống về Trường Sơn thời chống Mỹ”. Nhận định này khiến chúng ta nhớ về thi phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” - “một góc bảo tàng tươi sống” về những người lính lái xe Trường Sơn. => Câu chủ đề

2. Đoạn văn quy nạp: mở đoạn không nêu câu chủ đề, không khái quát nội dung toàn đoạn

- Công thức 1: Nếu phải chọn ra ý nghĩa nhân văn nhất của thơ ca trong đời sống thì đó là việc thơ ca đã cống hiến cho cuộc đời này những tiếng lòng đẹp đẽ, những vẻ đẹp trong sáng, đầy cảm xúc trong tâm hồn các thi nhân.
+ Tên nhà thơ + cũng đã có những vần thơ ý nghĩa như thế + trích thơ.
VD: Nếu phải chọn ra ý nghĩa nhân văn nhất của thơ ca trong đời sống thì đó là việc thơ ca đã cống hiến cho cuộc đời này những tiếng lòng đẹp đẽ, những vẻ đẹp trong sáng, đầy cảm xúc trong tâm hồn các thi nhân. Nhà thơ Chính Hữu cũng đã có những vần thơ ý nghĩa như thế: “Quê hương anh nước mặn đồng chua /.../ Đồng chí”.
- Công thức 2: Nếu phải chọn ra ý nghĩa cao cả nhất của văn chương trong

đời sống thì đó là việc văn chương đã cống hiến cho cuộc đời này những câu chuyện đẹp đẽ, những nhân vật gần gũi mà ấn tượng cùng bao suy ngẫm sâu xa trong tâm hồn các nghệ sĩ. + Tên nhà văn + cũng đã viết lên/xây dựng những trang văn / nhân vật ý nghĩa như thế + trích dẫn chứng (trong phạm vi đề bài).

VD: Nếu phải chọn ra ý nghĩa cao cả nhất của văn chương trong đời sống thì đó là việc văn chương đã cống hiến cho cuộc đời này những câu chuyện đẹp đẽ, những nhân vật gần gũi mà ấn tượng cùng bao suy ngẫm sâu xa trong tâm hồn các nghệ sĩ. Nhà văn Lê Minh Khuê cũng đã viết lên những trang văn ý nghĩa như thế: “Việc của chúng tôi là ngồi đây... “những con quỷ mắt đen”.

- Tự do: Dẫn dắt từ những thông tin liên quan đến tác phẩm

VD: Mở đoạn cho đoạn văn quy nạp phân tích nhân vật bé Thu khi từ biệt cha: Từ một câu chuyện của cô giao liên trên đường công tác, nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã xúc động viết nên truyện ngắn “Chiếc lược ngà”. Trong những trang văn ấy, ta bắt gặp một bé Thu ương ngạnh, gan lì, ngỡ như không bao giờ chịu nhận ông Sáu là ba, nhưng cuối cùng em đã cất tiếng gọi “Ba...a...a...” ngay tại thời khắc éo le nhất...

Lưu ý: Cách viết mở đoạn áp dụng cho mọi đề bài:

- Bước 1: Dùng câu dẫn sau:

- + *Thơ: Nếu phải chọn ra ý nghĩa nhân văn nhất của thơ ca trong đời sống thì đó là việc thơ ca đã cống hiến cho cuộc đời này những tiếng lòng đẹp đẽ, những vẻ đẹp trong sáng, đầy cảm xúc trong tâm hồn các thi nhân.*

- + *Văn xuôi: Nếu phải chọn ra ý nghĩa cao cả nhất của văn chương trong đời sống thì đó là việc văn chương đã cống hiến cho cuộc đời này những câu chuyện đẹp đẽ, những nhân vật gần gũi mà ấn tượng cùng bao suy ngẫm sâu xa trong tâm hồn các nghệ sĩ.*

- Bước 2: Tùy vào kiểu đoạn văn để viết câu chủ đề hoặc giới thiệu dẫn chứng

*** Phương pháp viết KẾT ĐOẠN (1-2 câu, chuẩn bị trước khi thi)**

1. Đoạn văn tổng phân hợp, quy nạp: kết đoạn phải nêu được câu chủ đề

- Công thức: **Như vậy/Tóm lại, bằng** + đặc sắc nghệ thuật của đối tượng phân tích, + tên tác giả + **đã khắc họa thành công** + vấn đề nghị luận, **để lại trong lòng bạn đọc những ấn tượng thật khó phai mờ.**
- VD: Đoạn văn quy nạp phân tích cảnh ra khơi trong 2 khổ đầu bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” (Huy Cận).

Như vậy, bằng những hình ảnh tráng lệ, những so sánh kì vĩ, độc đáo, tác giả Huy Cận đã khắc họa thành công cảnh ra khơi trong hai khổ thơ đầu bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”, để lại trong lòng bạn đọc những ấn tượng khó phai mờ.

2. Đoạn văn diễn dịch: Kết đoạn không nêu câu chủ đề, không tổng kết lại nội dung toàn đoạn.

- Gợi ý:
 - + Sử dụng câu cảm thán bộc lộ cảm xúc cá nhân của mình.
 - + Sử dụng nhận định về tác giả, tác phẩm.
- VD: Đoạn văn diễn dịch phân tích cảnh ra khơi trong 2 khổ đầu bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” (Huy Cận).

Những câu thơ của Huy Cận như một bức tranh thật kì vĩ và ấn tượng biết bao!

III. LUYỆN TẬP

Đề bài: Bằng một đoạn văn tổng hợp - phân tích - tổng hợp khoảng 12 - 15 câu, em hãy phân tích những cơ sở hình thành tình đồng chí trong 7 câu thơ đầu bài thơ “Đồng chí” (Chính Hữu).

Bước 1: Phân tích đề (gạch chân)

- Vấn đề nghị luận: cơ sở hình thành tình đồng chí.
- Phạm vi dẫn chứng: 7 câu đầu bài thơ “Đồng chí”
- Kiểu đoạn văn: tổng - phân - hợp
- Dung lượng: 12 - 15 câu (tối đa chỉ được lên đến 18 câu)
- Yêu cầu Tiếng Việt: không có

Bước 2: Lập ý

- Cơ sở: sự tương đồng 8
- Tương đồng về nguồn gốc xuất thân => đôi “quê hương anh” - “làng tôi” => miền quê nghèo, nông dân mặc áo lính
- Tương đồng về lí tưởng, lòng yêu nước => từ xa lạ, cùng nhập ngũ để chiến đấu bảo vệ quê hương
- Tương đồng về nhiệm vụ, hoàn cảnh sống: điệp + hoán dụ => gấn bó, chia ngọt sẻ bùi để hoàn thành nhiệm vụ
- * liên hệ: “Giá từng thước đất”

=> Tình đồng chí được hình thành, là một quá trình

- “Đồng chí” + dấu chấm than đứng tách riêng => nốt lặng, dồn nén cảm xúc, kết đọng và gợi mở.

=> Tác giả thấu hiểu, trân trọng

- Nghệ thuật: lời thơ giản dị, xúc động

Bước 3: Viết đoạn văn

Nếu phải chọn ra ý nghĩa nhân văn nhất của thơ ca trong đời sống thì đó là việc thơ ca đã cống hiến cho cuộc đời này những tiếng lòng đẹp đẽ, những vẻ đẹp trong sáng, đầy cảm xúc trong tâm hồn các thi nhân. Nhà thơ Chính Hữu cũng đã có những vần thơ ý nghĩa như thế viết về cơ sở hình thành tình đồng chí đồng đội giữa những người lính cách mạng: “Quê hương anh nước mặn đồng chua /.../ Đồng chí”. Tình đồng chí được xây dựng dựa trên ở sở những điểm chung giữa những con người từ xa lạ trở nên thân quen và thành tri kỉ. Trước tiên là điểm chung về hoàn cảnh xuất thân. Người lính buổi đầu kháng Pháp đều ra đi từ những vùng quê nghèo, là những người nông dân nơi “nước mặn đồng chua” hoặc ở chốn “đất cày lên sỏi đá”. “Quê hương anh” và “làng tôi” ấy tuy cách xa nhau nhưng trong kết cấu câu thơ song hành, thủ pháp đối đã cho thấy sự soi chiếu để rồi nhận ra những tương đồng trong cảnh ngộ của bao người lính. Phải chăng chính nguồn gốc xuất thân của các anh đã làm nên bệ phóng cho tình đồng chí? Những câu thơ mộc mạc, tự nhiên, gần gũi như lời thăm hỏi. Họ hiểu nhau, thương nhau, chia sẻ với nhau bằng tình tương thân tương ái vốn có từ lâu giữa những người nông dân chân lấm tay bùn, nhưng “tự phương trời” họ về đây không phải do cái nghèo đói xô đẩy, mà do họ có một lí tưởng chung, cùng một

mục đích cao cả. Và đã từ khi nào các anh trở thành tri kỉ của nhau: “Súng bên súng, đầu sát bên đầu / Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”. “Súng bên súng”, đầu sát bên đầu” và “đêm rét chung chăn” là biện pháp điệp, là hình ảnh hoán dụ diễn tả sự cùng chung chí hướng, ý hợp tâm đầu của đôi bạn tâm giao, của đôi “tri kỉ”. Chia ngọt sẻ bùi mới “thành đôi tri kỉ”. Hiểu bạn như hiểu mình mới thành “đôi tri kỉ”. Qua cảm nhận và tấm lòng của một người lính làm thơ như Chính Hữu, tình đồng chí vẫn luôn sáng trong, gắn bó và giản dị như thế: “Đồng đội ta/ là hóp nước uống chung/ Năm cơm bẻ nửa/ Là chia nhau một trưa nắng, một chiều mưa/ Chia khắp anh em một mẫu tin nhà/ Chia nhau đứng trong chiến hào chật hẹp/ Chia nhau cuộc đời, chia nhau cái chết.” (“Giá từng thước đất”). Bạn chiến đấu thành tri kỉ, về sau trở thành đồng chí! Đó là cả một quá trình, từ “anh” - “tôi” xa lạ, thành “anh với tôi” rồi là “đôi tri kỉ” và cuối cùng trở thành “đồng chí”. “Đồng chí!” - hai tiếng vang lên cùng dấu chấm than như một nốt lặng trong nhịp thơ, như lắng đọng lại tất cả, diễn tả niềm tự hào xúc động ngân nga mãi trong lòng. Xúc động khi nghĩ về một tình bạn đẹp. Tự hào về mối tình đồng chí cao cả thiêng liêng, cùng chung lí tưởng chiến đấu vì quê hương, đất nước. Như vậy, bằng giọng điệu thủ thỉ tâm tình như lời kể chuyện, tâm sự của hai người đồng đội nhớ lại kỉ niệm về những ngày đầu tiên gặp gỡ, nhà thơ Chính Hữu đã khắc họa một cách xúc động và đầy trân trọng về cơ sở hình thành tình đồng chí qua bảy câu thơ đầu của thi phẩm “Đồng chí”, để lại bao ấn tượng khó phai trong lòng bạn đọc.

Phân tích bài viết mẫu:

Phần	Lập ý	Diễn đạt hoàn chỉnh trong đoạn
Mở đoạn	Dẫn dắt	Nếu phải chọn ra ý nghĩa nhân văn nhất của thơ ca trong đời sống thì đó là việc thơ ca đã cống hiến cho cuộc đời này những tiếng lòng đẹp đẽ, những vẻ đẹp trong sáng, đầy cảm xúc trong tâm hồn các thi nhân.
	Nêu vấn đề	Nhà thơ Chính Hữu cũng đã có những vần thơ ý nghĩa như thế viết về cơ sở hình thành tình đồng chí đồng đội

		<i>giữa những người lính cách mạng</i>
--	--	--

	Phạm vi phân tích	<i>“Quê hương anh nước mặn đồng chua /.../ Đồng chí”.</i>
Thân đoạn	Cơ sở: sự tương đồng	<i>Tình đồng chí được xây dựng dựa trên ở sở những điểm chung giữa những con người từ xa lạ trở nên thân quen và thành tri kỉ.</i>
	Tương đồng về nguồn gốc xuất thân => đôi “quê hương anh” - “làng tôi” => miền quê nghèo, nông dân mặc áo lính	<i>Trước tiên là điểm chung về hoàn cảnh xuất thân. Người lính buổi đầu kháng Pháp đều ra đi từ những vùng quê nghèo, là những người nông dân nơi “nước mặn đồng chua” hoặc ở chốn “đất cày lên sỏi đá”. “Quê hương anh” và “làng tôi” ấy tuy cách xa nhau nhưng trong kết cấu câu thơ song hành, thủ pháp đối đã cho thấy sự soi chiếu để rồi nhận ra những tương đồng trong cảnh ngộ của bao người lính. Phải chăng chính nguồn gốc xuất thân của các anh đã làm nên bệ phóng cho tình đồng chí?</i>
	Tương đồng về lí tưởng, lòng yêu nước => từ xa lạ, cùng nhập ngũ để chiến đấu bảo vệ quê hương	<i>Những câu thơ mộc mạc, tự nhiên, gần gũi như lời thăm hỏi. Họ hiểu nhau, thương nhau, chia sẻ với nhau bằng tình tương thân tương ái vốn có từ lâu giữa những người nông dân chân lấm tay bùn, nhưng “tự phương trời” họ về đây không phải do cái nghèo đói xô đẩy, mà do họ có một lí tưởng chung, cùng một mục đích cao cả.</i>
	Tương đồng về nhiệm vụ, hoàn cảnh sống: điệp + hoán dụ => gần bó, chia ngọt sẻ bùi để hoàn thành nhiệm vụ * liên hệ: “Giá từng thước đất”	<i>Và đã từ khi nào các anh trở thành tri kỉ của nhau: “Súng bên súng, đầu sát bên đầu / Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”. “Súng bên súng”, đầu sát bên đầu” và “đêm rét chung chăn” là biện pháp điệp, là hình ảnh hoán dụ diễn tả sự cùng chung chí hướng, ý hợp tâm đầu của đôi bạn tâm giao, của đôi “tri kỉ”. Chia ngọt sẻ bùi mới “thành đôi tri kỉ”. Hiểu bạn như hiểu mình mới thành “đôi tri kỉ”. Qua cảm nhận và tấm lòng của một người lính làm thơ như Chính Hữu, tình đồng chí vẫn</i>

		<i>luôn sáng trong, gần bó và giản dị như thế: “Đồng đội ta/ là hộp nước uống chung/ Năm cơm bẻ nửa/ Là chia nhau một trưa nắng, một chiều mưa/ Chia khắp anh em một mẩu tin nhà/ Chia nhau đứng trong chiến hào chật hẹp/ Chia nhau cuộc đời, chia nhau cái chết.” (“Giá từng thước đất”).</i>
	=> Tình đồng chí được hình thành, là một quá trình	<i>Bạn chiến đấu thành tri kỉ, về sau trở thành đồng chí! Đó là cả một quá trình, từ “anh” - “tôi” xa lạ, thành “anh với tôi” rồi là “đôi tri kỉ” và cuối cùng trở thành “đồng chí”.</i>
	“Đồng chí” + dấu chấm than đứng tách riêng => nốt lặng, dồn nén cảm xúc, kết đọng và gọi mở.	<i>“Đồng chí!” - hai tiếng vang lên cùng dấu chấm than như một nốt lặng trong nhịp thơ, như lắng đọng lại tất cả, diễn tả niềm tự hào xúc động ngân nga mãi trong lòng. Xúc động khi nghĩ về một tình bạn đẹp. Tự hào về mối tình đồng chí cao cả thiêng liêng, cùng chung lý tưởng chiến đấu vì quê hương, đất nước.</i>
Kết đoạn	=> Tác giả thấu hiểu, trân trọng	<i>Như vậy, bằng giọng điệu thủ thỉ tâm tình như lời kể chuyện, tâm sự của hai người đồng đội nhớ lại kỉ niệm về những ngày đầu tiên gặp gỡ, nhà thơ Chính Hữu đã khắc họa một cách xúc động và đầy trân trọng về cơ sở</i>
	Nghệ thuật: lời thơ giản dị, xúc động	<i>hình thành tình đồng chí qua bảy câu thơ đầu của thi phẩm “Đồng chí”, để lại bao ấn tượng khó phai trong lòng bạn đọc.</i>

PHƯƠNG PHÁP VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC – PHẦN 1

Nội dung bài học:

- *Phân tích đề, tìm ý*
- *Phương pháp viết mở bài*
- *Phương pháp viết kết bài*
- *Luyện tập bài văn về “Viếng lăng Bác”*

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐỀ VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Có 4 dạng đề nghị luận văn học thường gặp:

- Dạng 1: Phân tích / Cảm nhận => Dạng đề cơ bản nhất.

VD: Cảm nhận của em về hình ảnh người lính lái xe trong ba khổ thơ cuối thi phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” (Phạm Tiến Duật).

- Dạng 2: Chứng minh nhận định => Dạng đề hay gặp trong đề thi học sinh giỏi, thi chuyên

VD: Qua bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh, hãy làm sáng tỏ ý kiến: “*Sang thu* của Hữu Thỉnh không chỉ có hình ảnh đất trời nên thơ mà còn có hình tượng con người trước những biến chuyển của cuộc đời ở thời khắc giao mùa”.

- Dạng 3: So sánh văn học

VD: So sánh hình ảnh người lính cách mạng ở bài thơ “Đồng chí” (Chính Hữu) và “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” (Phạm Tiến Duật).

- Dạng 4: Liên hệ

VD: Cảm nhận của em về hai khổ thơ
sau: “Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hòa ca

Ta nhập vào hoa ca
Một nốt trầm xao xuyến
Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc

41

(Trích “Mùa xuân nho nhỏ”- Thanh Hải)

Từ đó liên hệ với tinh thần cống hiến của nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” (Nguyễn thành Long) để làm rõ vẻ đẹp của những con người cống hiến tự nguyện và lặng lẽ cho cuộc đời chung.

Lưu ý: *Dạng 1 là dạng cơ bản nhất, là tiền đề để làm được tất cả các dạng còn lại, cũng là dạng đề thi vào 10 của các tỉnh thành. Bởi vậy những phương pháp dưới đây sẽ tập trung giúp học sinh làm thành thạo dạng 1 (dạng đề phân tích, cảm nhận).*

II. CÁC BƯỚC LÀM BÀI DẠNG ĐỀ PHÂN TÍCH, CẢM NHẬN

1. Bước 1: Phân tích đề (2 phút - gạch chân vào đề)

a. Cách làm: Gạch chân vào đề:

- Vấn đề nghị luận: đề bài yêu cầu làm rõ điều gì? (thường nằm sau chữ “về...”, “cảm nhận của em về...”, “phân tích về...”)
- Phạm vi phân tích: những khổ thơ nào, đoạn trích nào, nhân vật nào... cần phân tích

VD: Cảm nhận của em về khúc tâm tình của người cha qua đoạn thơ.

“Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc
Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
 Còn quê hương thì làm phong tục.
 Con ơi tuy thô sơ da thịt Lên đường
 Không bao giờ nhỏ bé được
 Nghe con.”

42

(Nói với con – Y Phương, Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục 2015)

=> Vấn đề nghị luận: khúc tâm tình của người cha

=> Phạm vi phân tích: đoạn thơ được trích trong đề (14 câu thơ cuối bài)

b. Mục đích của bước làm này

- Để xác định những gì cần nêu trong Mở bài và Kết bài
- Định hướng hệ thống luận điểm trong Thân bài
- Xác định được những từ khóa cần nhắc lại nhiều lần trong quá trình viết (những từ chủ đề trong vấn đề nghị luận)

2. Bước 2: Lập ý (5 phút - Ghi nhanh ra nháp hoặc gạch vào đề)

a. Cách làm:

- Dàn ý cơ bản của dạng đề phân tích:

Phần	Nội dung
Mở bài	Dẫn dắt + Đặt vấn đề
Thân bài	Luận điểm 1: Khái quát Luận điểm 2: Phân tích, làm sáng tỏ giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật Luận điểm 3: Khái quát vấn đề
Kết bài	Khẳng định lại vấn đề + Cảm nhận của bản thân

- Ở bước này cần ghi nhanh ra nháp hoặc gạch vào đề những luận điểm trong THÂN BÀI:

+ LD 1: Khái quát

- Tác giả: Cuộc đời, sự nghiệp, phong cách sáng tác (những thông

tin chưa nêu ở mở bài)

- Tác phẩm: Hoàn cảnh sáng tác, nội dung chính, đối với thơ thì khái quát thêm về mạch cảm xúc, đối với truyện thì khái quát thêm về tình huống truyện.

43

- Vấn đề nghị luận: Vị trí trong tác phẩm, nội dung chính

+ LD 2: Phân tích, cảm nhận (Dựa vào vấn đề nghị luận và phạm vi phân tích để xây dựng hệ thống luận cứ. Trả lời những câu hỏi từ khái quát đến cụ thể để lập ý, huy động kiến thức nền đã được học):

- Câu hỏi 1 - Khái quát: Vấn đề nghị luận được thể hiện với những đặc điểm chính nào? Phạm vi phân tích được chia thành mấy phần? Nội dung chính của từng phần là gì? => Từ đó lập ra các luận cứ
- Câu hỏi 2 - Cụ thể: Trong mỗi luận cứ có các ý nhỏ nào? Trong mỗi luận cứ, tác giả sử dụng những biện pháp nghệ thuật nào? Tác dụng là gì? Các hình ảnh có ý nghĩa như thế nào? Nếu là truyện/nhân vật thì có những nét tính cách gì, suy nghĩ, hành động ra sao?... => Từ đó lập ra các ý nhỏ trong mỗi luận cứ
- Đánh dấu vào những ý muốn liên hệ mở rộng hoặc đi sâu phân tích

+ LD 3: Đánh giá

- Đặc sắc nội dung, nghệ thuật của vấn đề nghị luận
- Tài năng, tấm lòng của tác giả
- Liên hệ bản thân (nếu có)

VD: Cảm nhận của em về tình cảm của tác giả Viễn Phương thể hiện trong hai khổ thơ đầu bài thơ “Viếng lăng Bác”.

=> Vấn đề nghị luận: tình cảm của tác giả Viễn Phương

=> Phạm vi phân tích: hai khổ thơ đầu bài thơ “Viếng lăng Bác”.

=> Lập ý:

LD 1: Khái quát

- Viễn Phương:
 - + cây bút tiêu biểu của nền văn nghệ kháng chiến
 - + chất thơ mộc mạc, giản dị, chân thành, giàu cảm xúc, tình cảm và lòng biết ơn đối với quê hương, đất nước.
- “Viếng lăng Bác”: 44
 - + 1976
 - + Nhà thơ ra thăm lăng Bác
 - + Sau khi nước nhà thống nhất
- 2 khổ đầu: tình cảm của tác giả khi đến lăng và khi cùng dòng người vào lăng viếng Bác

LD 2: Phân tích

- Luận cứ 1: Niềm xúc động, tình cảm thân thương, kính trọng khi đến lăng Bác
 - + xưng hô “con” - “Bác” + “miền Nam” => tình cảm kính yêu, triu mến, thiêng liêng
(Liên hệ về cách xưng hô đặc biệt giữ nhân dân và Chủ tịch HCM)
 - + “thăm” => nói giảm nói tránh
 - + hàng tre:
 - tả thực: khung cảnh ngoài lăng
 - ẩn dụ: con người VN kiên cường, bền bỉ trước “bão táp mưa sa”
 - Ôi! => câu cảm thán bộc lộ trực tiếp cảm xúc
- Luận cứ 2: Tấm lòng thành kính, tiếc thương khi cùng dòng người vào lăng viếng Bác:
 - + Nghệ thuật sóng đôi, ẩn dụ: “mặt trời đi qua trên lăng” + “mặt trời trong lăng”
 - mặt trời của tự nhiên, đem lại hơi ấm, ánh sáng, sự sống cho muôn loài.
 - mặt trời trong lăng ẩn dụ chỉ Bác Hồ - người đã soi đường chỉ lối cho cách mạng Việt Nam => ca ngợi sự vĩ đại, công lao to lớn của Bác + bày tỏ lòng tôn kính, tự hào, biết ơn vô hạn đối với Bác
 - + Mặt trời “rất đỏ” => trái tim tràn đầy nhiệt huyết cách mạng, giàu lòng yêu nước, thương dân của Người => mặt trời tự nhiên dường như cũng đang ngày ngày chiêm ngưỡng mặt trời của dân tộc.

+ Điệp từ “ngày ngày” => tiếp nối thời gian liên tục, tạo nhịp điệu chậm rãi, sâu lắng.

+ Hình ảnh ẩn dụ “kết tràng hoa”

- tả thực (những bông hoa tươi thắm kết thành tràng hoa dâng lên Người).
- biểu tượng => mỗi người con đang xếp hàng vào lăng viếng Bác mỗi ngày là một bông hoa ngát thơm, họ xếp thành hàng dài tựa những tràng hoa, dòng người đổ vào lăng viếng Bác với tấm lòng thành kính, dâng lên Người những gì tốt đẹp nhất.

+ “Bảy mươi chín mùa xuân” chỉ bảy mươi chín năm cuộc đời Bác, một cuộc đời đẹp như những mùa xuân và chính Người đã làm ra mùa xuân cho đất nước, dân tộc. Biên độ câu thơ kéo dài thành chín chữ sâu lắng, âm điệu câu thơ thì mượt mà, giàu hình ảnh và sâu sắc hơn.

LĐ 3: Đánh giá:

- Nội dung đoạn thơ
- Nghệ thuật của 2 đoạn thơ

b. Mục đích của bước làm này

- Giúp người viết xây dựng được hệ thống luận điểm chặt chẽ, khi viết không bị thiếu ý, thừa ý, quên ý.
- Làm chủ thời gian khi viết, chủ động căn giờ để hoàn thành bài.

Lưu ý: Tùy vào khả năng làm chủ kiến thức mà bước 2 này em có thể làm một cách cụ thể hay khái quát:

- + Nếu đã nắm chắc kiến thức rồi thì chỉ cần ghi lại những ý chính
- + Nếu chưa nắm chắc kiến thức thì cần ghi chi tiết hơn nội dung của từng ý
- + Chỉ ghi những từ khóa chính, không ghi cả câu dài dòng gây mất thời gian.

3. Bước 3: Viết bài (65 đến 70 phút - trình bày sạch sẽ, cẩn thận)

Trình tự viết: Viết lần lượt từng phần MB, TB, KB theo dàn ý cơ bản đã nêu ở bước 2

4. Bước 4: Đọc lại bài (3 phút - nếu còn thời gian)

- Chú ý đọc lại những câu mở đoạn, kết đoạn xem đã viết đúng, rõ ràng chưa.
- Soát lỗi chính tả.
- Nếu có lỗi cần sửa thì gạch đi sửa lại thật sạch sẽ.

III. PHƯƠNG PHÁP VIẾT TỪNG PHẦN NHỎ TRONG BÀI VIẾT

Tại đây hướng dẫn phương pháp viết từng phần nhỏ trong bài viết theo trình tự:

- Mở bài + Kết bài
- Thân bài: LD 1 + LD 3
- Thân bài: LD 2: Phân tích thơ
- Thân bài: LD 2: Phân tích văn xuôi
- Cách liên hệ mở rộng, tạo điểm nhấn trong bài viết

1. PHƯƠNG PHÁP VIẾT MỞ BÀI (5 phút)

a. Cấu trúc

Mở bài = Dẫn dắt + Nêu vấn đề và phạm vi phân

tích Trong đó:

- + Dẫn dắt là phần không bắt buộc nhưng nên có để mở bài hay và ấn tượng => Phần được sáng tạo linh hoạt, có thể chuẩn bị trước khi đi thi.
- + Nêu vấn đề và phạm vi phân tích là phần BẮT BUỘC phải nêu đúng và đủ => Phần cố định, phụ thuộc vào từng đề bài khác nhau.

b. Cách viết

* **Mở bài trực tiếp:** giới thiệu tác giả, tác phẩm => Nêu vấn đề nghị luận và phạm vi phân tích.

VD: Viễn Phương là một cây bút tiêu biểu của nền văn nghệ kháng chiến. Thơ ông mộc mạc, giản dị, giàu cảm xúc, thể hiện sâu sắc tình cảm, lòng biết ơn đối với quê hương, đất nước. Tiêu biểu trong sự nghiệp sáng tác của Viễn Phương phải kể tới đó là thi phẩm “Viếng lăng Bác”. Bài thơ đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc về tình cảm kính yêu, tha thiết của tác giả qua hai khổ thơ đầu: “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác /.../ Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.”

=> **Nhận xét:** Cách viết này nhanh, đảm bảo đúng, đủ, nhưng không ấn tượng.

* **Mở bài gián tiếp:** Dẫn dắt từ đề tài/phong cách sáng tác/nhận định/cảm nhận cá nhân... + Nêu vấn đề và phạm vi phân tích

Dưới đây là một số cách dẫn dắt:

- Cách 1: Dẫn dắt từ đề tài sáng tác

- + Trình tự viết: Nêu tên đề tài => dẫn ra khoảng 2 đến 3 tác phẩm thuộc đề tài đó => Dẫn vào tác phẩm => Dẫn vào vấn đề cần nghị luận
- + Công thức: Trong nền văn học Việt Nam hiện đại, + tên đề tài + không biết tự bao giờ đã trở thành cội nguồn sáng tác cho biết bao người nghệ sĩ. Chúng ta từng biết tới...+ trích dẫn 2 - 3 tác phẩm, tác giả tiêu biểu viết về đề tài đó. Và khi đến với những sáng tác của + tên tác giả, chúng ta lại thêm một lần nữa được nhìn về một tác phẩm nổi bật thuộc đề tài này đó là + tên tác phẩm => Nêu vấn đề cần nghị luận.

Hoặc: Trong nền văn học Việt Nam hiện đại, + tên đề tài + không biết tự bao giờ đã trở thành cội nguồn sáng tác cho biết bao người nghệ sĩ. Và + tên tác giả + là một trong những cây bút tiêu biểu sáng tác về đề tài này. Tên tác phẩm + của ông/bà + đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc bằng những trang thơ/trang văn đậm màu sắc + đặc điểm của đề tài trong tác phẩm của họ => Nêu vấn đề

- + VD: Trong nền văn học Việt Nam hiện đại, **đề tài người lính** không biết tự bao giờ đã trở thành cội nguồn sáng tác cho biết bao người nghệ sĩ. Và **Phạm Tiến Duật** là một trong những cây bút tiêu biểu sáng tác về đề tài này. **Thi phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật** đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc bằng những **trang thơ** đậm màu sắc **trẻ trung, sôi nổi, ngang tàng mà sâu sắc**. => Nêu vấn đề

- Cách 2: Dẫn dắt từ phong cách sáng tác của tác giả

- + Trình tự viết: Đi sâu vào phong cách của tác giả => Tác phẩm => Nêu vấn đề
- + Công thức: Mỗi người nghệ sĩ trong quá trình sáng tác đều có một chất giọng của riêng mình. Nếu + 1 số tác giả và phong cách tương ứng + thì + tác giả chính + lại ghi dấu ấn trên thi đàn/văn đàn bằng chất giọng + phong cách của tác giả chính. Tên tác phẩm + chính là kết tinh của phong cách ấy. => nêu vấn đề.

- + Ví dụ: *Mỗi người nghệ sĩ trong quá trình sáng tác đều có một chất giọng của riêng mình. Nếu **Kim Lân có chất văn giản dị, chân chất, mộc mạc khi viết về người nông dân của làng quê Bắc Bộ** thì **Nguyễn Quang Sáng lại ghi dấu ấn trên văn đàn bằng chất giọng đôn hậu, hào sảng đặc trưng cho người nông dân Nam Bộ**. Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” chính là kết tinh cho phong cách độc đáo ấy của Nguyễn Quang Sáng.* => nêu vấn đề.

- Cách 3: Dẫn dắt từ nhận định, đoạn thơ có nội dung phù hợp

- + Trình tự: Trích nhận định/ đoạn thơ => Khái quát nội dung của nhận định/đoạn thơ đó => Nêu tác giả tác phẩm => Nêu vấn đề
- + Công thức 1 (Nhận định): “Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự giải bày và gửi gắm tâm tư” (Lê Ngọc Trà). Phải chăng tác phẩm nghệ thuật chính là câu nói để tác giả bộc lộ cảm xúc và người đọc từ đó được đồng cảm, thấu hiểu và sẻ chia. Tác giả + cũng đã mượn trang thơ/trang văn + tên tác phẩm + để bộc lộ/gửi gắm những tâm tư, tình cảm của mình về + nội dung chính của tác phẩm => Nêu vấn đề nghị luận

=> Cách này dùng cho các tác phẩm thơ và văn xuôi giàu tình cảm, cảm xúc như “Đồng chí”, “Bếp lửa”, “Ánh trăng”, “Mùa xuân nho nhỏ”, “Viếng Lăng Bác”, “Sang thu”, “Nói với con”, “Làng”, “Chiếc lược ngà”...

VD: “Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự giải bày và gửi gắm tâm tư” (Lê Ngọc Trà). Phải chăng tác phẩm nghệ thuật chính là câu nói để tác giả bộc lộ cảm xúc và người đọc từ đó được đồng cảm, thấu hiểu và sẻ chia. **Nhà thơ Bằng Việt cũng đã mượn trang thơ “Bếp lửa” để gửi gắm những tâm tư, tình cảm của mình về tình bà cháu hay rộng hơn là tình yêu đối với gia đình, với quê hương, xứ sở.** => Nêu vấn đề nghị luận.

- + Công thức 2 (nhận định): “Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do chính cuộc sống viết ra” (Andecxen). Tên tác giả + cũng đã

xuất phát từ những kỉ niệm / giá trị thực trong đời sống để rồi viết lên một câu chuyện đẹp mang tên + tên tác phẩm. Tác phẩm đã gây ấn tượng trong lòng bạn đọc bởi + nội dung đặc sắc của tác phẩm. => Nêu vấn đề.

=> Cách này áp dụng cho các tác phẩm truyện

VD: “*Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do chính cuộc sống viết ra*” (Andecxen). **Nhà văn Nguyễn Thành Long** cũng đã xuất phát từ những giá trị thực trong đời sống để rồi viết lên một câu chuyện đẹp mang tên “**Lặng lẽ Sa Pa**”. Tác phẩm đã gây ấn tượng trong lòng bạn đọc bởi **vẻ đẹp phẩm chất của những con người trẻ tuổi, trẻ lòng luôn biết suy nghĩ và cống hiến cho Tổ quốc**. => Nêu vấn đề.

+ Công thức 3 (đoạn thơ): Tôi vẫn còn nhớ nhà thơ Chế Lan Viên từng viết :

“Ôi Tổ quốc ta yêu như máu thịt
Như mẹ cha ta như vợ như chồng
Ôi Tổ quốc nếu cần ta chết
Cho mỗi ngôi nhà ngọn núi con sông”

Lịch sử vẻ vang của dân tộc được làm nên từ những thế hệ đã hi sinh xương máu vì bình yên “cho mỗi ngôi nhà ngọn núi con sông” của Tổ quốc như thế. Họ không chỉ sống mãi trong lòng dân tộc mà còn sáng mãi trên những trang văn, trang thơ bất hủ. Tên tác phẩm và tác giả + cũng đã khắc họa một cách chân thực và đầy tự hào về những người chiến sĩ anh dũng ấy. => Nêu vấn đề.

=> Cách này dùng cho các tác phẩm viết về đề tài người lính

VD: Tôi vẫn còn nhớ nhà thơ Chế Lan Viên từng viết:

“Ôi Tổ quốc ta yêu như máu thịt
Như mẹ cha ta như vợ như chồng
Ôi Tổ quốc nếu cần ta chết
Cho mỗi ngôi nhà ngọn núi con sông”

Lịch sử vẻ vang của dân tộc được làm nên từ những thế hệ đã hi sinh xương máu vì bình yên “cho mỗi ngôi nhà ngọn núi con sông” của Tổ quốc như thế. Họ không chỉ sống mãi trong lòng dân tộc mà còn sáng

mãi trên những trang văn, trang thơ bất hủ. **Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê** cũng đã khắc họa một cách chân thực và đầy tự hào về những **nữ thanh niên xung phong** dũng cảm ấy. => **Nêu vấn đề.**

- Cách 4: Dẫn dắt từ cảm nhận cá nhân, có lồng ghép kiến thức lí luận văn học

+ Trình tự viết: Nêu suy nghĩ cá nhân về giá trị của văn chương => Dẫn ra tác giả tác phẩm => Nêu vấn đề.

+ Công thức: Nếu phải chọn ra ý nghĩa nhân văn nhất của thơ ca trong đời sống thì đó là việc thơ ca đã cống hiến cho cuộc đời này những tiếng lòng đẹp đẽ, những vẻ đẹp trong sáng, đầy cảm xúc trong tâm hồn các thi nhân. => Tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận

Hoặc: Nếu phải chọn ra ý nghĩa cao cả nhất của văn chương trong đời sống thì đó là việc văn chương đã cống hiến cho cuộc đời này những câu chuyện đẹp đẽ, những nhân vật gần gũi mà ấn tượng cùng bao suy ngẫm sâu xa trong tâm hồn các nghệ sĩ.

+ Một số cách dẫn dắt khác:

1. Dostoevski đã từng viết khi lý giải về động lực cầm bút của mình: “Tôi hãy còn một trái tim, một dòng máu nóng để yêu thương, cảm thông và chia sẻ.” Còn R.Targo – nhà thơ vĩ đại của Ấn Độ lại bày tỏ mong muốn sau khi từ giã cõi đời được nhắn nhủ lại một lời: “Tôi đã từng yêu”. Có phải bởi những nhà văn, nhà thơ vĩ đại – họ chính là những con người đã sống, đã yêu hết mình và thấm thía hơn ai hết giá trị của cuộc sống. Chính điều này đã khiến cho tác phẩm của bất cứ nhà thơ nhà văn nào khi viết đều dường như muốn thoát ra hết chính mình, một tác phẩm đã viết, phải viết bằng cả lý trí, tâm hồn, cả trái tim và lòng dũng cảm. (Tác phẩm) là một trong số những bài thơ như thế. Nó được viết ra bởi những thấm thía về (đề tài) của + (Tác giả) + (Dẫn vào vấn đề cần nghị luận). 51

2. Trên đỉnh núi Odenzơ kỳ diệu, nơi có những vòm hoa thạch thảo tím tím, mơ màng, Andecxen đã nhặt lấy những hạt giống trên luống

đất của người dân cày mà dệt lên những bài ca bất tận. Những phù sa của một dòng sông Mixixipi miền Tây nước Mỹ đã bồi đắp cho những trang văn của Mác Tuên để rồi đến tận bây giờ, hơi ẩm và chất mặn nồng của con người miền Tây vẫn gây ra những ám ảnh, gợi cho ta nhớ về những chuyến phiêu lưu, những cuộc đời ưa mạo hiểm. Có thể thấy, thành công của mỗi người nghệ sĩ đều phải bắt nguồn từ việc anh ta buộc chặt trái tim mình với cuộc đời và nếu được, xin hãy đem tâm hồn mình trao về một miền đất. Có phải vì thế mà (tên tác giả) đã ... (Dẫn vào bài thơ và vấn đề nghị luận).

3. Nếu phải tìm bản nhạc hay nhất, có lẽ tôi sẽ chọn văn chương. Bởi chỉ khi đến với văn chương, người nghệ sĩ mới được tự do để trái tim dẫn dắt, được thể hiện quan niệm của chính mình và rồi mang đến cho người đọc biết bao giai điệu cảm xúc với nhiều cung bậc. Và tác giả... đã để tác phẩm của mình là nốt ngân đầy sáng tạo trong bản hòa tấu của văn học, đặc biệt là đoạn trích...

Lưu ý: Để có 1 MỞ BÀI hay:

- 5 phút/1 mở bài, có thể chuẩn bị trước khi đi thi
- Nêu ĐÚNG VÀ ĐỦ vấn đề nghị luận và phạm vi phân tích. Hãy gạch chân vấn đề cần nghị luận trong đề bài để nhớ phải đưa vào trong MB. Trích đoạn thơ, đoạn văn cần phân tích hoặc nêu vị trí trích đoạn đó trong tác phẩm.
- Dẫn dắt để có MB gián tiếp:cần
 - + Nếu dùng nhận định để dẫn dắt: sử dụng chính những từ khóa trong nhận định để nêu về tác giả hoặc tác phẩm cần phân tích. Phân tích

- + Nếu dùng đoạn thơ để dẫn dắt: trích thơ xong cần có 1, 2 câu nêu cảm nhận về nội dung của đoạn thơ đó, sau đó dẫn dắt đến vấn đề nghị luận.
- + Nếu dẫn dắt từ đề tài: khẳng định sự phổ biến của đề tài đó, nêu về một vài tác giả và tác phẩm cùng đề tài, chỉ ra tác giả, tác phẩm cần phân tích là một điểm sáng trong mảng đề tài đó.
- Một số từ, cụm từ, cấu trúc câu dùng để dẫn dắt:
 - + Trong nền văn học Việt Nam hiện đại...
 - + thật vậy, quả thật,... => khi muốn khẳng định
 - + tuy nhiên, trái ngược với điều đó... => khi đưa ra đối tượng trái ngược
 - + Trong đó không thể không kể tới..., Tiêu biểu trong đó phải kể tới...
 - + Bên cạnh đó..., không chỉ vậy...
 - + Điều này được thể hiện rõ qua... => khi nêu phạm vi phân tích
 - + nhà thơ, thi sĩ, thi nhân, tác giả, người cầm bút, ngòi bút..., tác phẩm, thi phẩm, bài thơ, trang thơ..., độc giả, bạn đọc, người yêu thơ, người tiếp nhận...=> sử dụng linh hoạt để tránh lặp từ

2. PHƯƠNG PHÁP VIẾT KẾT BÀI (5 phút)

a. Cấu trúc

Kết bài = Tổng kết lại vấn đề nghị luận và phạm vi phân tích + Liên hệ, mở rộng Trong đó:

- + Tổng kết lại vấn đề nghị luận và phạm vi phân tích là phần **BẮT BUỘC** phải nêu => Là phần cố định, phụ thuộc vào đề bài.
- + Liên hệ mở rộng là phần không bắt buộc nhưng nên có để tạo sự cân xứng với mở bài
=> Là phần sáng tạo linh hoạt, tùy theo mở bài để có cách viết tương ứng.

b. Cách viết

* Cách viết phần Tổng kết vấn đề và phạm vi phân tích:

- Trình tự viết: Tổng kết đặc sắc nghệ thuật của dẫn chứng vừa phân tích => Khẳng định nội dung chính của vấn đề nghị luận.
- Công thức (Câu tổng kết): Tóm lại, bằng + đặc sắc nghệ thuật của dẫn chứng vừa phân tích trong bài, tên tác giả + đã tái hiện / khắc họa thành công + vấn đề nghị luận.

* Cách viết liên hệ mở rộng:

- Cách 1: Mở rộng về đề tài

+ Công thức: Câu tổng kết => Đọc những trang thơ/trang văn ấy, ta lại càng thêm trân quý tình cảm/tâm lòng/tài năng của một cây bút xuất sắc viết về + tên đề tài, góp phần làm nên diện mạo nền văn học Việt Nam phong phú và vô cùng sâu sắc.

+ VD: Tóm lại, bằng **giọng thơ trẻ trung, phóng khoáng, hình ảnh thơ chân thực mà đầy lạc quan, tếu táo, vui tươi, nhà thơ Phạm Tiến Duật đã khắc họa thành công hình ảnh người lính lái xe Trường Sơn qua bốn khổ thơ đầu của thi phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”.** Đọc những trang thơ ấy, ta lại càng thêm trân quý tài năng của một cây bút xuất sắc viết về **đề tài người lính cách mạng**, góp phần làm nên diện mạo nền văn học Việt Nam phong phú và vô cùng sâu sắc.

- Cách 2: Mở rộng về phong cách sáng tác

+ Công thức: Câu tổng kết => Phạm vi phân tích + chính là một điểm sáng cho phong cách + điểm đáng chú ý về phong cách của tác giả. Những giá trị/ trang thơ/ trang văn ấy sẽ luôn sống mãi với thời gian và ghi dấu ấn không thể phai mờ trong trái tim bạn đọc.

+ VD: Như vậy, bằng **nghệ thuật miêu tả tâm lí tài tình, sắc sảo, nhà văn Kim Lân đã khắc họa thành công tình yêu làng, yêu nước của ông Hai trong phân đoạn khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc. Một phân đoạn nhỏ trong truyện ngắn “Làng” chính là điểm sáng cho phong cách viết văn giản dị, chân chất, mộc mạc của Kim Lân, của một cây bút “một**

lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy của đời sống nông thôn” . Những ***trang văn*** ấy sẽ luôn sống mãi với thời gian và ghi dấu ấn không thể phai mờ trong trái tim bạn đọc.

- Cách 3: Mở rộng về nhân định / đoạn thơ

+ Công thức (nhận định tương ứng với công thức 1 trong cách 3 phần mở bài): Câu tổng kết => Trang thơ ấy không chỉ là tiếng lòng thiết tha, sự giải bày và gửi gắm tâm tư của + tên tác giả + mà còn là sợi dây kết nối những tâm hồn đồng điệu, là khúc ca sẽ mãi ngân lên. Đúng như quy luật tồn tại và giá trị bất hủ của thơ ca bao đời nay: “Từ bao giờ cho đến bây giờ, từ Hômerơ cho đến Kinh thi, đến ca dao Việt Nam, thơ vẫn là một sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại. Nó đã ra đời giữa những vui buồn của loài người và nó sẽ kết bạn với loài người cho đến ngày tận thế” (Hoài Thanh).

=> Cách này dùng cho những bài thơ giàu tình cảm.

+ VD: ***Bằng thể thơ năm chữ giản dị, hình ảnh thơ trong sáng, gần gũi, nhà thơ Thanh Hải đã bộc lộ tâm nguyện muốn hiến dâng những gì tốt đẹp nhất cho cuộc đời qua ba khổ thơ cuối thi phẩm “Mùa xuân nho nhỏ”***. Trang thơ ấy không chỉ là tiếng lòng thiết tha, sự giải bày và gửi gắm tâm tư của ***Thanh Hải*** mà còn là sợi dây kết nối những tâm hồn đồng điệu, là khúc ca sẽ mãi ngân lên. Đúng như quy luật tồn tại và giá trị bất hủ của thơ ca bao đời nay: “Từ bao giờ cho đến bây giờ, từ Hômerơ cho đến Kinh thi, đến ca dao Việt Nam, thơ vẫn là một sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại. Nó đã ra đời giữa những vui buồn của loài người và nó sẽ kết bạn với loài người cho đến ngày tận thế” (Hoài Thanh).

- Cách 4: Mở rộng về cảm xúc, ấn tượng cá nhân (khẳng định sức sống lâu bền của những tác phẩm có giá trị) => không có công thức, linh hoạt và sáng tạo tùy theo sở thích cá nhân.

Lưu ý: Để có một KẾT BÀI ấn tượng:

- Đủ 2 phần: khẳng định lại vấn đề nghị luận và liên hệ mở rộng:
 - + Khẳng định lại vấn đề là phần bắt buộc phải có
 - + Liên hệ mở rộng không bắt buộc và tùy vào sở thích, khả năng của mỗi người
- Dung lượng tương xứng với MB, không để tình trạng đầu voi đuôi chuột
- Nên viết theo cấu trúc “ĐẦU CUỐI TƯƠNG ỨNG” với MB. MB dẫn dắt từ đâu thì KB tổng kết tại đó:
 - + MB dẫn dắt từ đề tài, chủ đề thì KB cũng tổng kết về đề tài, chủ đề ấy
 - + MB dẫn dắt từ đoạn thơ hay nhận định thì KB cũng kết lại bằng đoạn thơ hay nhận định tương tự
 - + ...
- Câu kết và đặc biệt là những chữ cuối cùng nên có thanh điệu trầm, nhẹ để tạo sự lắng đọng.

LUYỆN TẬP

Đề bài: *Cảm nhận của em về tình cảm của tác giả Viễn Phương thể hiện trong hai khổ thơ đầu bài thơ “Viếng lăng Bác”.*

Bước 1: Phân tích đề

- Vấn đề nghị luận: tình cảm của tác giả Viễn Phương
- Phạm vi phân tích: hai khổ thơ đầu bài thơ “Viếng lăng Bác”.

Bước 2: Lập ý

LĐ 1: Khái quát

- Viễn Phương:
 - + cây bút tiêu biểu của nền văn nghệ kháng chiến
 - + chất thơ mộc mạc, giản dị, chân thành, giàu cảm xúc, tình cảm và lòng biết ơn đối với quê hương, đất nước.
- “Viếng lăng Bác”:
 - + 1976, Nhà thơ ra thăm lăng Bác, Sau khi nước nhà thống nhất

- + Bài thơ thể hiện tấm lòng, tình cảm, sự thành kính, biết ơn đối với Bác
- 2 khổ đầu: tình cảm của tác giả khi đến lăng và khi cùng dòng người vào lăng viếng Bác

LD 2: Phân tích

- Luận cứ 1: Niềm xúc động, tình cảm thân thương, kính trọng khi đến lăng Bác (khổ 1)
 - + xưng hô “con” - “Bác” + “miền Nam” => tình cảm kính yêu, triu mến, thiêng liêng
 - (Liên hệ về cách xưng hô đặc biệt giữ nhân dân và Chủ tịch HCM)
 - + “thăm” => nói giảm nói tránh
 - + hàng tre:
 - tả thực: khung cảnh ngoài lăng
 - ẩn dụ: con người VN kiên cường, bền bỉ trước “bão táp mưa sa”
 - Ôi! => câu cảm thán bộc lộ trực tiếp cảm xúc
- Luận cứ 2: Tấm lòng thành kính, tiếc thương khi cùng dòng người vào lăng viếng Bác (khổ 2):
 - + Nghệ thuật sóng đôi, ẩn dụ: “mặt trời đi qua trên lăng” + “mặt trời trong lăng”
 - mặt trời của tự nhiên, đem lại hơi ấm, ánh sáng, sự sống cho muôn loài.
 - mặt trời trong lăng ẩn dụ chỉ Bác Hồ - người đã soi đường chỉ lối cho cách mạng Việt Nam => ca ngợi sự vĩ đại, công lao to lớn của Bác + bày tỏ lòng tôn kính, tự hào, biết ơn vô hạn đối với Bác
 - + Mặt trời “rất đỏ” => trái tim tràn đầy nhiệt huyết cách mạng, giàu lòng yêu nước, thương dân của Người => mặt trời tự nhiên dường như cũng đang ngày ngày chiêm ngưỡng mặt trời của dân tộc.
 - + Điệp từ “ngày ngày” => tiếp nối thời gian liên tục, tạo nhịp điệu chậm rãi, sâu lắng.
 - + Hình ảnh ẩn dụ “kết tràng hoa”
 - tả thực (những bông hoa tươi thắm kết thành tràng hoa dâng lên Người).

- biểu tượng => mỗi người con đang xếp hàng vào lăng viếng Bác mỗi ngày là một bông hoa ngát thơm, họ xếp thành hàng dài tựa những tràng hoa, dòng người đổ vào lăng viếng Bác với tấm lòng thành kính, dâng lên Người những gì tốt đẹp nhất.
- + “Bảy mươi chín mùa xuân” chỉ bảy mươi chín năm cuộc đời Bác, một cuộc đời đẹp như những mùa xuân và chính Người đã làm ra mùa xuân cho đất nước, dân tộc. Biên độ câu thơ kéo dài thành chín chữ sâu lắng, âm điệu câu thơ thì mượt mà, giàu hình ảnh và sâu sắc hơn.

LĐ 3: Đánh giá:

- Nội dung đoạn thơ
- Nghệ thuật của 2 đoạn thơ

*Chú thích

Màu chữ	Nội dung	Cách sử dụng
Chữ màu đen	kiến thức nền => không thể thiếu trong bài	phải nắm chắc
Chữ màu đỏ	dẫn dắt, liên kết câu, đoạn văn => tùy từng bài, có nhiều cách khác nhau	học hỏi, áp dụng, sáng tạo thêm
Chữ màu xanh	liên hệ, mở rộng => tùy từng bài, nguồn tham khảo phong phú	học hỏi, áp dụng, sáng tạo thêm

Bài làm

Mở bài: Dẫn dắt + nêu vấn đề và phạm vi phân tích

Nếu phải chọn ra ý nghĩa nhân văn nhất của thơ ca trong đời sống thì đó là việc thơ ca đã cống hiến cho cuộc đời này những tiếng lòng đẹp đẽ, những vẻ đẹp trong sáng, đầy cảm xúc trong tâm hồn các thi nhân. Nhà thơ Viễn Phương cũng đã có những vần thơ ý nghĩa như thế khi bộc lộ tình cảm, cảm xúc, tấm lòng thành kính vô hạn đối với Bác Hồ kính yêu trong thi phẩm “Viếng lăng Bác”. Đặc biệt, hai khổ thơ đầu của thi phẩm này đã thể hiện một cách xúc động tình cảm của tác giả Viễn Phương khi đứng trước lăng và khi cùng dòng người vào lăng viếng Bác:

“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát

Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa, đứng thẳng hàng.

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...”

Thân bài:

LĐ 1: Khái quát

Những vần thơ thật giản dị và xúc động, bồi hồi, thể hiện niềm cảm xúc dâng trào của tác giả Viễn Phương. Nhắc đến nhà thơ Viễn Phương là nhắc đến một thi sĩ với hồn thơ nhẹ nhàng, man mác, giản dị. Thơ ông lay động lòng người bởi sự tinh tế trong cách diễn đạt cảm xúc, hình ảnh thơ mộc mạc mà sâu sắc. Bởi “Viễn Phương là một con người rất đa mang, rất nặng lòng với quá khứ, với cách mạng, quá khứ đấu tranh của dân tộc lẫn vào sâu sắc với thơ anh, với hồn anh, với đời anh” (Nhà văn, nhà báo Mai Văn Tạo). Bài thơ “Viếng lăng Bác” được sáng tác năm 1976 khi đất nước đã thống nhất, lăng Bác được khánh thành và tác giả được vào thăm lăng Bác. Bằng tình cảm chân thành, bình dị của một người con miền Nam cùng cảm xúc nồng ấm, thiết tha, nhà thơ Viễn Phương đã sáng tác bài thơ này như một sự tinh động của một quả chín tròn mọng, ngọt ngào, như sự tươi tắn ngát hương của một đóa hoa đẹp hay như màu xanh thắm và độ rắn rỏi, thẳng thắn của loài tre quê hương giàu phẩm chất trước nỗi niềm xúc động và thành kính vô hạn đối với Bác. Mạch cảm xúc được bắt đầu và tiếp nối theo trình tự cuộc vào lăng viếng Bác. Cứ như thế, hai khổ thơ đầu vang lên thể hiện tình cảm của tác giả khi đến lăng và khi cùng dòng người vào lăng viếng Bác.

LĐ 2: Phân tích

- **Luận cứ 1: Niềm xúc động, tình cảm thân thương, kính trọng khi đến lăng Bác (khổ 1)**

Trước tiên, những vần thơ bình dị, thiết tha đều đặn, từ tốn vang lên như chất chứa cả một niềm mong mỏi, chân thành của nhà thơ Viễn Phương khi đến lăng Bác:

“Con ở miền Nam ra thăm lăng
Bác Đã thấy trong sương hàng tre

bát ngát Ôi! Hàng tre xanh xanh
Việt Nam Bão táp mưa sa đứng
thẳng hàng.”

Trong dòng thơ đầu tiên cất lên, cụm từ “ở miền Nam” như thông báo cho Bác biết rằng người con ấy đến từ một nơi rất xa xôi – miền Nam – mảnh đất anh hùng suốt mấy chục năm trời chiến đấu gian khổ chỉ mong có ngày giành được độc lập, thống nhất, mảnh đất mà Bác vẫn luôn đau đáu một nỗi nhớ một niềm mong. Động từ “thăm” cũng như một sự nói giảm nói tránh hay mặt khác còn là sự đấu tranh, đối lập giữa lí trí và thể xác. Dù nhà thơ không muốn tin Bác đã mất rồi nhưng sự thật hiện tại vẫn là thế. Cách xưng hô của tác giả trong câu thơ đầu tiên này càng khiến cho ta xúc động. Đó là cách xưng hô “Con” – “Bác” rất gần gũi, thân thương của người dân Nam Bộ. Dường như nó đã xóa tan đi mọi khoảng cách giữa một vị lãnh tụ vĩ đại và một công dân. **Bởi vì trong thâm tâm mọi người, Bác là người thân trong gia đình, là vị lãnh tụ vĩ đại nhưng thân tình và giản dị biết bao:**

“Nơi đây sống một người tóc bạc
Người không con mà có triệu con
Nhân dân ta gọi Người là Bác
Cả đời Người là của nước non”

(“Quê hương Việt Bắc” - Nguyễn Đình Thi)

Tiếp đến lăng Bác, hình ảnh đầu tiên tác giả Viễn Phương bắt gặp sau làn sương sớm mai là hàng tre xanh bát ngát, thấp thoáng bóng dáng quen thuộc của làng quê: “Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát”. **Thật giản dị xiết bao khi che chở và canh giữ cho giấc ngủ ngàn thu của vị Cha già dân tộc lại chính là những gì gần gũi và thân thuộc nhất. Phải chăng chính điều đó đã khiến trái tim của người con miền Nam lần đầu đến viếng lăng Bác phải xúc động nghẹn ngào.** Khổ thơ đầu tiên này tác giả Viễn Phương đã dùng đến ba câu thơ để tập trung khắc họa hình ảnh hàng tre - một hình ảnh không chỉ tả thực không gian bên ngoài lăng Bác mà còn ẩn chứa bao ý nghĩa sâu xa. Từ cảm thán “Ôi” biểu thị bao niềm xúc động tự hào của tác giả. Và, cái “bát ngát”, “xanh xanh” trải khắp không gian kia còn là cái “bát ngát”, mênh mông của cảm xúc con người. “Hàng tre xanh xanh” mộc mạc nhưng “bão táp mưa sa đứng thẳng hàng” đã nhấn mạnh sức sống bền bỉ của tre xanh hay cũng chính là của dân tộc Việt Nam dù trải qua bao khó khăn gian khổ trong hai cuộc kháng chiến trường kì. Bằng nghệ

thuật ẩn dụ tinh tế, nhà thơ Viễn Phương đã gọi lên tinh thần đoàn kết, kiên cường, bền bỉ của dân tộc Việt Nam luôn sẵn sàng bên Bác thực hiện lí tưởng cao cả qua hình ảnh hàng tre. **Hàng tre nơi lăng Bác, hàng tre trong thơ Viễn Phương thân thuộc mà thiêng liêng đến thế!**

Luận cứ 2: Tấm lòng thành kính, tiếc thương khi cùng dòng người vào lăng viếng Bác (khổ 2):

Từ những hàng tre thẳng hàng ngày ngày canh giấc ngủ cho Bác, nhà thơ khắc họa những hình ảnh nơi lăng Bác và cùng với đó là cảm xúc tiếc thương dâng trào khi cùng dòng người vào lăng viếng Bác:

“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”

Theo vòng quay tuần hoàn của tạo hóa, ngày ngày có một mặt trời đi qua trên lăng, chợt ngỡ ngàng cúi mình chiêm ngưỡng những ánh sáng chói lọi, rực rỡ, đỏ một màu chứa chan tình thương của một mặt trời bình yên, thanh thản trong lăng kia tỏa ra. Với nghệ thuật ẩn dụ đặc sắc, cách xây dựng hình ảnh sóng đôi thật tự nhiên, Viễn Phương đã khéo léo ví Bác như một mặt trời rạng rỡ, đỏ rực. Một ngày qua, ông được chiêm ngưỡng hai ánh mặt trời tỏa sáng ngời ngời, rực rỡ cả một không gian, chứa chan dòng chảy thành kính vô tận của hàng vạn con người: Mặt trời vũ trụ – Mặt trời chân lí. Mặt trời của vũ trụ ngày ngày chiếu sáng, sưởi ấm cho thế gian, để hoa nở rộ, để trái chín cành, để người người hớn hở làm việc, để chim trời cất lên những khúc nhạc tươi vui. Thế nhưng luồng ánh sáng rực rỡ vĩnh viễn của vũ trụ cũng im lặng thao thức trước một mặt trời của chân lý cao cả – Bác Hồ. Bác xuất hiện như vàng thái dương dần nhô lên giữa rừng núi xa xăm, xua tan đi bóng đêm mù mịt tăm tối bao trùm, quét sạch hơi đông lạnh lẽo, đón đầu, bẻ gãy đi mọi cùm gông, xiềng xích. **Dưới hơi ấm của chân lý bừng chói rực rỡ, những đời nô lệ câm lặng lại ngào ngạt nở hoa, để mỗi kiếp người lại hăm hở, sung sướng được trọn vẹn làm người.** Trái tim Bác như vẫn luôn “rất đỏ” một tình yêu mênh mông, vô tận. **Bóng hình Bác lòng lòng được chấp cánh bát ngát bay lên đã che chở, dẫn dắt cho cả dân tộc vượt qua tăm tối đêm trường để đến với một nền tự do huy hoàng, rạng rỡ:**

“Bác ơi, tim Bác mênh mông thế

Ôm cả non sông, mọi kiếp người!”
(Tố Hữu)

Đề rồi giờ đây, tại chôn Người yên nghỉ, ngày ngày là dòng người đi trong thương nhớ. Qua những vần thơ của Viễn Phương, điệp từ “ngày ngày” tiếp tục vang lên nhằm thể hiện sự tiếp nối thời gian liên tục, tạo nhịp điệu chậm rãi, sâu lắng cho đoạn thơ:

“Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”

Đây là một hình ảnh tả thực diễn tả dòng người đi trong nỗi xúc động, bồi hồi trong lòng tiếc thương kính cẩn. Nhưng bên cạnh đó, đây cũng là một hình ảnh ẩn dụ đẹp, một sự sáng tạo của nhà thơ. Cuộc đời của mỗi chúng ta đã nở hoa dưới ánh sáng của Bác. Những bông hoa tươi thắm đó đang dâng lên Người những gì đẹp nhất. Đó cũng là sự tri ân của dân tộc đối với Bác. Biên độ câu thơ của Viễn Phương đến đây được kéo dài thành chín chữ đầy sâu lắng, như một sự ngân dài của tấm lòng thành kính, tiếc thương. “Bảy mươi chín mùa xuân” là hình ảnh hoán dụ mang ý nghĩa tượng trưng cho bảy mươi chín năm cuộc đời của Bác. Con người bảy mươi chín mùa xuân ấy đã sống một cuộc đời đẹp như những mùa xuân, đã làm nên bao mùa xuân đẹp cho đất nước, cho dân tộc. **Đúng như những vần thơ mà Tố Hữu đã ngợi ca tấm lòng vĩ đại của Bác dành cho đất nước, dành cho nhân dân:**

“Bác để tình thương cho chúng con
Một đời thanh bạch, chẳng vàng son
Mong manh áo vải hồn muôn trượng
Hơn tượng đồng phơi những lối mòn.”

LĐ 3: Đánh giá

Bài thơ “Viếng lăng Bác” hay cụ thể là hai khổ thơ trên được ra đời khi Viễn Phương lần đầu tiên đến thăm lăng Bác và cũng là lần đầu tiên được trực tiếp đứng bên Người. Dòng cảm xúc bởi vậy mà trào dâng xúc động, thiết tha nghẹn ngào và chất chứa trong từng vần thơ. Đặc sắc của hai khổ thơ là sự kết hợp khéo léo giữa chất tự sự và trữ tình, ngôn ngữ thơ giản dị, mộc mạc, đậm chất Nam Bộ, cách sử dụng những hình ảnh thơ chân thực gợi nhiều trường liên tưởng như hàng tre bát ngát “bão táp mưa sa đứng thẳng hàng”, hình ảnh “mặt trời trong lăng rất đỏ”, hình ảnh dòng người “kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”... **Trải qua bao dòng chảy thời**

gian, những vần thơ ấy vẫn chạm đến trái tim người đọc bởi nội dung và nghệ thuật đặc sắc, đã bày tỏ niềm xúc động cùng lòng biết ơn sâu sắc đến Bác - vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam.

Kết bài:

Đã có rất nhiều áng văn thơ bất hủ viết về Bác, về sự nghiệp cách mạng sáng ngời của Người, “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương xứng đáng góp mặt trong những tác phẩm thi ca xuất sắc nhất viết về Bác. Bằng tình cảm trân trọng, kính yêu của người con miền Nam, Viễn Phương đã nói lên tình cảm của hàng triệu con người Việt Nam dành cho vị cha già dân tộc, tình cảm của tác giả được bộc lộ đầy xao xuyến, nghẹn ngào trong hai khổ thơ đầu của thi phẩm. **Bác sẽ luôn là mặt trời sáng nhất, ấm áp nhất trong trái tim mỗi con người Việt Nam. Hình ảnh về Bác, về sự nghiệp và cuộc đời của Bác đâu chỉ gây xúc động cho Viễn Phương, cho con người, dân tộc Việt Nam mà còn truyền cảm hứng cho rất nhiều người dân, dân tộc trên thế giới. Đúng như nhà thơ người Cu Ba từng viết: “Hồ Chí Minh - tên người là cả một miền thơ”.**

**CHUYÊN ĐỀ II: TUYỂN TẬP NHẬN ĐỊNH, LIÊN HỆ THEO TỪNG VĂN
BẢN HỌC SINH CẦN NẮM CHẮC, HỌC THUỘC LÒNG.**

ST T	Tác phẩm	Nhận định, liên hệ mở rộng	
		Tác giả	Tác phẩm
1	ĐỒNG CHÍ	- “Chính Hữu đã tạo cho mình một giọng thơ, một phong cách thơ riêng, chất giọng và phong cách đó không thể hoà lẫn vào bất kì một giọng thơ nào khác, kể cả những tác giả quân đội. (Ngô Vĩnh Bình) - “Cái tài và cái tình trong thơ Chính Hữu khiến những vần thơ đậm màu bộ đội và màu giai cấp vượt qua cả chiến tuyến.” (Thùy An) - “Chính Hữu là một nhà thơ tài năng, có cảm hứng sáng tác độc đáo mà sâu sắc, chặt chẽ, cẩn thận trong từng con chữ, từng ý, từng vần. Ông sáng tác hơi ít nhưng lại tinh. Trong thơ ông có tư tưởng triết học mà không phải nhà thơ nào cũng có.” (Nhà văn Hồ Phương)	-Liên hệ với cái lạnh của rừng hoang: “Rét Thái Nguyên rét về Yên Thế/Gió qua rừng, Đèo Khế gió sang. (Tố Hữu) -Liên hệ tinh thần chiến đấu của người lính: “Người ra đi đầu không ngoảnh lại Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.” (Nguyễn Đình Thi) -Liên hệ với tình đồng chí, đồng đội: “Ba thằng quặp chặt gió lùa vào đầu?/ Nửa đêm sương gọi mái đầu/ Chòi cao phần phật mấy tàu lá khô.” (Lê Kim)
2	BT TTXK K	- “Thơ ông mang hơi thở của cả một thời đại nhưng bằng một khí phách ngang tàng, chất bụi bặm và kiêu bạc của người lính thời chống Mỹ.	“Quê hương anh nước mặn đồng chua/ Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá/ Anh với tôi đôi người xa lạ/ Từ phương trời chẳng hẹn

		<i>Thơ ông có sức mạnh của cả một binh đoàn trùng trùng ra trận.”</i> (Nguyễn Văn Thọ) -“<i>Sáng tác của Phạm Tiến Duật là “Một góc bảo tàng tươi sống về Trường Sơn thời chống Mỹ.”</i> (Đỗ Trung Lai) -“<i>Tôi gắn bó máu thịt với Trường Sơn và có thể nói Trường Sơn đã để ra nhà thơ Phạm Tiến Duật. Trước đây, bây giờ và sau này nếu tôi viết được chút gì neo lại trong lòng bạn đọc chính là nhờ những năm tháng ở Trường Sơn.”</i> (Phạm Tiến Duật)	<i>quen nhau.”</i> (Chính Hữu) -“<i>Đoàn giải phóng quân một lần ra đi/ Nào có sá chi đâu ngày trở về/Ra đi ra đi bảo tồn sông núi/Ra đi ra đi thà chết chứ lùi.”</i> (Phan Huỳnh Điểu) -“<i>Khi lên xe ta chưa quen nhau Lúc xuống xe ta đã thành bè bạn.”</i> (Phạm Tiến Duật) -“<i>Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước Mà lòng phơi phới dậy tương lai.”</i> (Tố Hữu)
3	ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ	-“<i>Huy Cận có năng lực cảm nhận cuộc sống thật đặc biệt, có thể nghe được từ những biểu hiện tinh vi của tạo vật đến những biến đổi lớn lao trong vũ trụ vô cùng vô tận. Đây là nhà thơ có “cái nghiêng tai kì diệu”.</i> (Xuân Diệu) -“<i>Bài thơ của tôi là một cuộc chạy đua giữa con người và thiên nhiên, và con người đã chiến thắng. Tôi coi đây là khúc tráng ca, ca ngợi con người lao động với tinh thần làm chủ, với niềm vui.”</i> (Huy Cận) -“<i>Con người sống trong xã hội và sống trong vũ trụ....là thành viên</i>	-Đoàn thuyền người dân chài lên đường trong cảnh bình minh đẹp nhất: <i>“Khi trời trong, gió nhẹ sớm mai hồng Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.”</i> (Tế Hanh) -Vẻ đẹp khỏe khoắn của những con thuyền khi ra khơi: <i>“Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã/ Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang/ Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng/Rướn thân trắng bao la thâu góp gió..”</i> (Tế Hanh)

		<i>của vũ trụ. Đó là hai cực của cuộc sống, hai cực của tư tưởng, hai cực của nhà thơ”.</i> (Huy Cận)	-Sự trù phú, giàu đẹp của đất nước: <i>“Trời xanh đây là của chúng ta/Núi rừng đây là của chúng ta/Những cánh đồng thơm ngát/những ngả đường bát ngát/ Những dòng sông đỏ nặng phù sa.”</i>
4	ÁNH TRĂNG	-“Nguyễn Duy muốn đứng giữa hôm nay và nhìn lại hôm qua từ tâm trạng riêng, tiếng thơ anh như một lời cảnh tỉnh, lời nhắc nhở (...). Không chỉ qua thể thơ, giọng điệu mà chất dân gian của thơ Nguyễn Duy ngấm trong cả cách cảm, lối nghĩ, trong quá trình “dàn dựng” hình tượng thơ. Tất cả cái đó vừa rất dân tộc, rất truyền thống lại khá hiện đại, khá mới.” (Lê Quang Hưng)	-Liên hệ với sự thay đổi hoàn cảnh sống tác động đến suy nghĩ của con người: <i>“Mình về thành thị xa xôi/ Nhà cao còn thấy núi đồi nữa chăng/ Phố đông còn nhớ bản làng/ Sáng đèn còn nhớ mảnh trăng giữa rừng.”</i> -Liên hệ với sự lãng quên quá khứ của người lính sau thời bình: <i>“Khéo trách người sao quá vội vàng/Bỏ lại bao kỉ niệm quá khứ/Khéo trách người sao quá phũ phàng/Lãng quên những yêu thương tình tự.”</i>
5	BẾP LỬA	-“Ở Bằng Việt, cái sôi nổi, rạo rực của tuổi trẻ vừa như được nén lại, đồng thời lại được nêu lên bởi suy nghĩ... Một tâm hồn nhiều suy nghĩ, rung động tinh tế, một chủ nghĩa trữ tình xao động, bồi hồi, khi đậm đà, duyên dáng, khi âm vang, sâu thẳm.” (Lê Đình Ky)	-Liên hệ với kỉ niệm tuổi thơ bên bà: <i>“Tiếng gà trưa/Mang bao nhiêu hạnh phúc/Đêm cháu về nằm mơ/Giấc ngủ hồng sắc trứng.”</i> (Xuân Quỳnh) -Liên hệ với tình yêu quê hương đất nước:

		-“<i>Chất thơ hào hoa mà đậm thắm, tinh tế mà hồn nhiên, hào sảng mà trẻ trung, tươi mới mà gợi cảm, ấm áp và trí tuệ</i>” chính là nguồn nhiệt năng tỏa sáng từ “<i>Bếp lửa</i>” đến với những trang thơ ngày nay của Bằng Việt.” (Trần Quang Quý)	“<i>Quê hương mỗi người chỉ một Như là chỉ một mẹ thôi Quê hương nếu ai không nhớ Sẽ không lớn nổi thành người..</i>” (Nguyễn Trung Quân)
6	SANG THU	-“<i>Thơ Hữu Thỉnh nghiêng về những suy tư và dày đặc những câu hỏi. Đó là lí do khiến thơ Hữu Thỉnh mang cái nhìn chiêm nghiệm về cuộc đời. Mặt khác, đã từng trải qua cuộc chiến tranh gian khổ, ác liệt nên thơ Hữu Thỉnh là sự thăng hoa của kinh nghiệm sống, là sự ngân vọng của những kỉ niệm sâu sắc về một thời bom đạn.</i>” (Hà Thị Anh)	-Liên hệ với sự giao mùa: “<i>Thế là thu đã chớm sang/Trên cành lá biếc trở vàng băng khuâng.</i>” (Sao Mai) -Liên hệ với đặc trưng của mùa thu: “<i>Sáng mát trong như sáng năm xưa Gió thổi mùa thu hương cốm mới.</i>” (Nguyễn Đình Thi)
7	VIỄN LĂNG BÁC	-“<i>Viễn Phương là một con người rất đa mang, rất nặng lòng với quá khứ, với cách mạng, quá khứ đấu tranh của dân tộc lẫn vào sâu sắc với thơ anh, với hồn anh, với đời anh.</i>” (Trần Thanh Đạm) -“<i>Thơ Viễn Phương nền nã, thì thầm, man mác, băng khuâng, day dứt, không gút mắt, cầu kỳ, kênh kiệu, khoa ngôn. Hình ảnh nào trong đời sống anh cũng tìm thấy chất thơ.</i>”	-Niềm tiếc thương vô hạn của dân tộc với vị cha già kính yêu: “<i>Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa/Đời tuôn nước mắt trời tuôn mưa.</i>” (Tố Hữu) -Liên hệ với hình ảnh hàng tre xanh bên lăng Bác: “<i>Bão bùng thân bọc lấy thân/ Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm./Thương nhau tre chẳng ở riêng/Lũy thành từ đó mà nên đồi</i>

		(Mai Văn Tạo)	người.” (Nguyễn Duy)
8	MÙA XUÂN NHỎ	-“<i>Thanh Hải chưa phải là một nhà thơ lớn. Nhưng một khi tiếng nói của cách mạng vút lên được thành thơ thì dấu chưa phải một nhà thơ lớn vẫn rất quý.</i>” (Hoàng Trung Thông) -“<i>Nhà thơ Thanh Hải đã gửi lại cho đời “Một mùa xuân nho nhỏ”, “một nốt trầm xao xuyến”, nhưng đó là mùa xuân còn mãi như ngọn lửa nhỏ sẽ mãi nhen lên, đó là một nốt trầm cứ vang ngân không dứt.</i>” (Lê Khánh Mai)	-Liên hệ với hình ảnh thiên nhiên đất trời lúc vào thu: “<i>Mặt trời lên càng tỏ/ Bông lúa chín thêm vàng/ Sương treo trên đầu cỏ/ Sương lại càng long lanh/ Bay vút tận trời xanh/ Chiến chiến cao tiếng hát.</i>” (Trần Hữu Thung) -Liên hệ với tinh thần tự nguyện, dâng hiến vì quê hương: “<i>Nửa mái đầu chóm bạc/ Còn gì cho quê hương/ Thân xin làm chiếc lá/ Thân xin làm hạt sương.</i>” (Viễn Phương)
9	NÓI VỚI CON	-“<i>Thơ Y Phương như một bức tranh thổ cẩm đan dệt nhiều màu sắc khác nhau, phong phú và đa dạng nhưng trong đó có một màu sắc chủ đạo, âm điệu chính là bản sắc dân tộc rất đậm nét và độc đáo. Nét độc đáo nằm ở cả nội dung và hình thức. Với Y Phương, thơ của dân tộc Tày nói riêng và thơ Việt Nam nói chung có thêm một giọng điệu mới, một phong cách mới.</i>”	-Bản sắc quê hương đậm đà trong thơ Y Phương: “<i>Nàng về già gạo Cao Bằng/ Để anh gánh nước Cao Bằng về ngâm/Nước Cao Bằng ngâm thì trắng gạo.</i>” (Dân ca) -Liên hệ với câu thơ “Con đường cho những tấm lòng”: “<i>Gập ghềnh xuống biển lên non/ Con đường tình nghĩa ai còn nhớ chăng?</i>”

			(Ca dao)
10	LÀNG	-“Chỉ với ba truyện “Vợ nhặt”, “Làng”, “Con chó xấu xí”, Kim Lân đã có thể dàng hoàng ngôi vào chiếu trên trong làng văn Việt Nam.” -“Khi viết về nạn đói, người ta thường viết về sự khốn cùng và bi thảm. Khi viết về con người năm đói người ta hay nghĩ đến những con người chỉ nghĩ đến cái chết. Tôi muốn viết một truyện ngắn với ý khác. Trong hoàn cảnh khốn cùng, dù cận kề bên cái chết nhưng những con người ấy không nghĩ đến cái chết mà vẫn hướng tới sự sống, vẫn hi vọng, tin tưởng vào tương lai. Họ vẫn muốn sống, sống cho ra con người.” (Kim Lân)	-“Có thể nói linh hồn của truyện ngắn Làng là nhân vật ông Hai. Kim Lân đã đưa vào văn học một bức chân dung sống động, đẹp một vẻ riêng về người nông dân Việt Nam những ngày đầu kháng chiến, những con người bình thường và những điều tốt đẹp của họ-lòng yêu làng, yêu nước-được khơi dậy và hoàn thiện để ngày càng đẹp đẽ.” (Trịnh Bích Ba) -“Truyện ngắn này không phải viết về đời sống nơi tản cư mà viết về tình cảm của con người với làng xóm, quê hương. Truyện viết về chính những người dân làng tôi.Tôi yêu ngôi làng của tôi và không tin dân làng tôi có thể đi theo giặc Pháp. Tôi viết truyện ngắn Làng như thế để khẳng định niềm tin của mình và minh oan cho làng tôi.” (Kim Lân)
11	LẶNG LỄ SAPA	-“Mỗi truyện ngắn của Nguyễn Thành Long tương tự một trang đời, một mảng, một nét của cuộc sống chắt ra. Ta thường gặp ở Nguyễn Thành Long những nhận xét nhỏ nhỏ như nhắc khẽ người đọc”	-“Tác phẩm như một bài thơ về vẻ đẹp trong cách sống và suy nghĩ của con người lao động bình thường mà cao cả, những mẫu người của một giai đoạn lịch sử có nhiều gian khổ và hi sinh nhưng

		(Tô Hoài)	<i>cũng thật trong sáng, đẹp đẽ. Từ hình ảnh những con người ấy gợi lên cho ta những suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc sống, của lao động tự giác, về con người và về nghệ thuật.”</i>
12	CHIẾC LƯỢC NGÀ	<i>-“Nguyễn Quang Sáng có tài kể chuyện. Bằng một lối văn mộc mạc, anh cứ thủ thỉ kể hết cuộc tình này đến cuộc tình khác như một người nông dân Nam Bộ kể chuyện đời xưa và chuyện tiểu lâm. Ấy vậy mà với những trang viết mộc mạc này, Nguyễn Quang Sáng đã chạm tới những rung động vi nhiệm của tình yêu.”</i> (Phan Đắc Lập) <i>-“Trong sự nghiệp văn chương, Nguyễn Quang Sáng là một trong những nhà văn xuất sắc của Việt Nam.”</i> (Nguyễn Quang Thiều)	<i>-“Tác phẩm thuộc loại truyện đọc đã thấy hay, khơi dậy trong ta những tình cảm cao đẹp.”</i> <i>-“Trong các chuyện tôi thích Chiếc lược ngà nhất, vì lối viết đơn giản như kể chuyện, thật tình, đậm chất Nam Bộ. Nhân vật trong các truyện đều gần gũi, giản dị, sống phóng khoáng, rất anh hùng mà cũng rất đời thường.”</i> (Phan Đông Thúc)
12	NHŨNG NGÔI SAO XA XÔI	<i>-“Tôi hay để ý những tình huống ghê gớm trong cuộc sống, để dẫn đến làm thế nào giải quyết một tâm thế của đời sống, làm cho người ta tha thứ nhau, rồi người ta sống hòa bình hơn, và người ta thương yêu nhau hơn. Đây là ý của tôi.”</i> (Lê Minh Khuê)	<i>-“O du kích nhỏ giương cao súng/Thằng Mỹ lênh khênh bước cúi đầu/Ra thế to gan hơn béo bụng/Anh hùng đâu cứ phải mày râu/”</i> (Tố Hữu)¹⁰ <i>-“Chuyện kể rằng: em, cô gái mở đường/ Để cứu con đường đêm</i>

			<i>đẩy khỏi bị thương/Cho đoàn xe kịp giờ ra trận/Em đã lấy tình yêu Tổ quốc mình thắp lên ngọn lửa/Đánh lạc hướng thù. Húng lấy luồng bom..”</i> (Lâm Thị Mỹ Dạ)
13	TRUYỆ N KIỀU	<i>- “Nguyễn Du viết Kiều đất nước hóa thành văn..”</i> (Chế Lan Viên) <i>- “Nguyễn Du vĩ đại vì Nguyễn Du là nhà thơ nhân đạo chủ nghĩa.”</i> (Nguyễn Lộc)	<i>- “Thúy Kiều không còn là con người bình thường mà phải là một nhân cách, một thước đo, một nguyên lý sống để mọi giá trị thực hay giả của đời sống đối chiếu với nó hay soi mình vào đó sẽ bộc lộ tất cả những bản chất tuyệt vời, cao đẹp hay bi ối, xấu xa không thể ngụy trang, che giấu được.”</i> (Nguyễn Lộc)

CHUYÊN ĐỀ III : BÌNH GIẢNG HIỂU SÂU HƠN VỀ CHUYÊN ĐỀ LÝ LUẬN VĂN HỌC (Tham khảo thêm)

LÝ LUẬN VĂN HỌC PHẦN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

I. TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. Khái niệm

- Tác phẩm văn học là một công trình nghệ thuật ngôn từ do một cá nhân hay một tập thể sáng tạo nên nhằm thể hiện những khái quát về cuộc sống, con người và biểu hiện tâm tư, tình cảm, thái độ của chủ thể trước thực tại bằng hình tượng nghệ thuật.
- Tác phẩm văn học bao giờ cũng là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan,
- Tác phẩm văn học không phải là một sản phẩm cố định. Nó mang tính lịch sử, đa nghĩa, nó có sự biến đổi về văn bản và có sự khác nhau trong cảm thụ của người đọc ở từng giai đoạn lịch sử khác nhau,

2. Tác phẩm văn học là một hệ thống chỉnh thể

Tính chỉnh thể của tác phẩm văn học được xem xét chủ yếu trong mối quan hệ giữa nội dung và hình thức,

Nội dung và hình thức của tác phẩm văn học có quan hệ mật thiết như tâm hồn và thể xác:

- Nội dung bao gồm: Đề tài, chủ đề, tư tưởng chủ đạo được biểu hiện qua nhân vật.
- Hình thức: Ngôn ngữ, kết cấu, thể loại.

3. Nội dung và hình thức của tác phẩm văn học

a. Nội dung của tác phẩm văn học

*** Khái niệm**

- Nội dung của tác phẩm bắt nguồn từ mối quan hệ giữa văn học và hiện thực. Đó là mối quan hệ nhất định của con người đối với hiện tượng đời sống được phản ánh. Đó vừa là cuộc sống được ý thức, vừa là đánh giá cảm xúc đối với cuộc sống đó.
- Nội dung của tác phẩm văn học là một hiện tượng của đời sống được khai thác bằng nghệ thuật, được chiếu sáng bởi lý tưởng của tác giả, được xuyên suốt bằng vòng tư tưởng của tác giả. (Gilaiép)

*** Các khái niệm thuộc về nội dung**

- Đề tài là phạm vi cuộc sống được nhà văn lựa chọn, khái quát, bình giá và thể hiện trong văn bản.

Ví dụ: “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố viết về đề tài người nông dân,

- Chủ đề: Là nội dung cuộc sống được nhân tính trong tác phẩm,

Ví dụ: “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố có chủ đề: Miêu tả nỗi thống khổ của người nông dân dưới chế độ siêu cao thuế nặng của bọn thực dân và phe phong kiến địa chủ. Đồng thời miêu tả mâu thuẫn giữa nông dân với bọn cường hào, quan lại Chủ đề không lệ thuộc vào độ dài ngắn của văn bản và mỗi văn bản có thể có nhiều chủ đề

- Tư tưởng chủ đề: Là thái độ, tư tưởng, tình cảm của nhà văn đối với cuộc sống, con người được thể hiện trong tác phẩm. Ví dụ: “Tắt đèn” thể hiện sự cảm thông, chia sẻ sâu sắc và gắn bó máu thịt với người thông dân của Ngô Tất Tố, trong thời tác phẩm thể hiện thái độ của nhà văn Với bọn què lì lại, địa chủ

- Cảm ứng nghệ thuật, Là tình cảm chủ yếu của văn bản. Đó là những trạng thái tâm hồn, cảm xúc được thể hiện đậm đà, nhuần nhuyễn trong văn bản. Ví dụ: “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố có cảm hứng yêu thương, căm giận.

b. Hình thức tác phẩm

*** Khái niệm**

- Hình thức là sự biểu hiện của nội dung, là cách thể hiện nội dung,

- Hình thức được xây dựng dựa trên chất liệu là ngôn ngữ đời sống kết hợp với sự sáng tạo độ độ của nhà văn

- Hình thức của tác phẩm văn học được xây dựng bằng sự tổng hợp sinh động của một hệ thống những phương tiện thể hiện nhằm diễn đạt cả về bên ngoài lẫn tổ chức bên trong của nội dung tác phẩm trong một quan hệ chính thể thống nhất

*** Các khái niệm về hình thức của tác phẩm văn học**

- Ngôn từ: Là yếu tố thứ nhất của văn bản văn học. Nhờ ngôn từ tạo nên chi tiết, hình ảnh, nhân vật trong văn bản. Ngôn từ hiện diện trong câu, hình ảnh, giọng điệu và mang tính cá thể. Có ngôn từ tài hoa của Nguyễn Tuân, trong sáng, tinh tế của Nguyễn Thành Long; chân quê của Kim Lân...

- Kết cấu: Là sắp xếp, tổ chức các thành tố của văn bản thành một đơn vị thống nhất, hoàn chỉnh, có ý nghĩa. Bất kể văn bản văn học nào cũng đều phải có một kết cấu nhất định. Kết cấu phải phù hợp với nội dung.

+ Có kết cấu hoành tráng với nội dung.

+ Có kết cấu đầy bất ngờ của truyện cười.

+ Có kết cấu mở theo dòng suy nghĩ của tùy bút, tạp văn.

CHUYÊN ĐỀ IV: TUYỂN CHỌN NHỮNG NHẬN ĐỊNH LÝ LUẬN VĂN HỌC HAY, SÂU SẮC.

I. MỘT SỐ QUAN NIỆM NHẬN ĐỊNH VỀ VĂN HỌC

- Văn học, đó là tư tưởng đi tìm cái đẹp trong ánh sáng. (Charles DuBos)
- Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than. (Nam Cao-“Trăng sáng”).
- Văn học phản ánh hiện thực nhưng không phải là chụp ảnh sao chép hiện thực một cách hời hợt nông cạn. Nhà văn không bẽ nguyên si các sự kiện, con người vào trong sách một cách thụ động, giản đơn. Tác phẩm nghệ thuật là kết quả của một quá trình nuôi dưỡng cảm hứng, thai nghén sáng tạo ra một thế giới hấp dẫn, sinh động. Thể hiện những vấn đề có ý nghĩa sâu sắc, bản chất của đời sống xã hội con người. Nhân vật trong tác phẩm của một thiên tài thực sự nhiều khi thật hơn cả con người ngoài đời, bởi sức sống lâu bền, bởi ý nghĩa điển hình của nó. Qua nhân vật ta thấy cả một tầng lớp, một giai cấp, một thời đại, thậm chí có nhân vật vượt lên khỏi thời đại, có ý nghĩa nhân loại, vĩnh cửu sống mãi với thời gian. (LLVH)
- Cuộc đời là nơi xuất phát cũng là nơi đi tới của văn học (Tố Hữu)
- Nghệ thuật đó là sự mô phỏng tự nhiên. (Puskin)
- Văn học là nhân học (Gorki) .
- Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói tình cảm của con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư. (Lê Ngọc Trà)
- Văn chương có loại đáng thờ và loại không đáng thờ. Loại không đáng thờ là loại chỉ chuyên chú ở văn chương, loại đáng thờ là loại chuyên chú ở con người. (Nguyễn Văn Siêu).
- Văn học thực chất là cuộc đời. Văn học sẽ không là gì cả nếu không vì cuộc đời mà có. Cuộc đời là nơi xuất phát và cũng là nơi đi tới của văn học. (Tố Hữu)
- Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo. Vì vậy đòi hỏi người sáng tạo phải có phong cách nổi bật, tức là có cái gì rất riêng mới lạ trong phong cách của mình. (Văn học 12 nhận định)

- Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự tự giải bày và gửi gắm tâm tư. (Lê Ngọc Trà).
- Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình, nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng hướng tới chân lý. (M.Gorki)
- Những cuộc chiến qua đi, những trang lịch sử của từng dân tộc được sang trang, các chiến tuyến có thể được dựng lên hay san bằng. Nhưng những tác phẩm đi xuyên qua mọi thời đại, mọi nền văn hóa hoặc ngôn ngữ cuối cùng vẫn nằm ở tính nhân bản của nó. Có thể màu sắc, quốc kỳ, ngôn ngữ hay màu da chúng ta khác nhau. Nhưng máu chúng ta đều có màu đỏ, nhịp tim đều giống nhau. Văn học cuối cùng là viết về trái tim con người. Maxim Malien)
- Cảm động lòng người trước hết không gì bằng tình cảm và tình cảm là cái gốc của văn chương. (Bạch Cư Dị)
- Nói nghệ thuật tức là nói đến sự cao cả của tâm hồn. Đẹp tức là một cái gì cao cả. Đã nói đẹp là nói cao cả. Có khi nhà văn miêu tả một cái nhìn rất xấu, một tội ác, một tên giết người nhưng cách nhìn, cách miêu tả phải cao cả. (Nguyễn Đình Thi)
- Không có gì nghệ thuật hơn bản thân lòng yêu quý con người. (Van Gốc)
- Văn chương bắt hủ cổ kim đều viết bằng huyết lệ. (Lâm Ngũ Đường)
- Con người đến với cuộc sống từ nhiều nẻo đường, trên muôn vàn cung bậc phong phú nhưng tiêu điểm mà con người hướng đến vẫn là con người. (Đặng Thai Mai)
- Cuộc sống còn tuyệt vời biết bao trong thực tế và trên trang sách. Nhưng cuộc sống cũng bi thảm biết bao. Cái đẹp còn trộn lẫn niềm sầu buồn. Cái nên thơ còn lóng lánh giọt nước mắt ở đời. (“Nhật ký của Nguyễn Văn Thạc”)
- Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu. Tình yêu con người, ước mơ cháy bỏng vì một xã hội công bằng, bình đẳng, bác ái chuôn luôn thôi thúc các nhà văn sống và viết, vắt cạn kiệt những dòng suy nghĩ, hiến dâng máu nóng của mình cho nhân loại (leptonxtoi)
- Tôi khuyên bạn nên đọc truyện cổ tích... thơ ngụ ngôn, các tuyển tập ca dao... Hãy đi sâu vào vẻ đẹp quyến rũ của ngôn ngữ bình dân, hãy đi sâu vào những câu hài hòa cân đối trong các bài ca, trong truyện cổ tích... Bạn sẽ thấy ở đó sự phong

phú lạ thường của các hình tượng, sự giản dị sức mạnh làm say đắm lòng người, vẻ đẹp tuyệt vời của những định nghĩa...Hãy đi sâu vào những tác phẩm của nhân dân, nó trong lành như nguồn nước ngọt ngào, tươi mát, róc rách từ khe núi chảy ra. (M. Gorki)

KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH

A. Kiến thức cơ bản

1. Xuất xứ: Đoạn trường tân thanh (Truyện Kiều)
2. Vị trí: Phần “Gia biến và lưu lạc”
3. Chủ đề: Qua tâm trạng của Kiều, Nguyễn Du thể hiện niềm cảm thông thương cảm cho số phận khổ đau đồng thời trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của người con gái bạc phận mà chẳng bạc lòng.
4. Hoàn cảnh
 - Gia đình gặp nạn, Kiều phải bán mình cho Mã Giám Sinh để chuộc cha và em.
 - Theo Mã Giám Sinh về làm vợ nhưng thực chất Kiều bị lừa vào lầu xanh làm ca kỹ.
 - Không chấp nhận cảnh nhuốc nhơ, Kiều đã quyết liệt quyên sinh.
 - Sợ mất món hàng lớn, Tú Bà đã dụ nàng ra ở lầu Ngưng Bích hứa tìm nơi tử tế để nàng yên bề gia thất nhưng thực chất là rắp tâm đẩy nàng vào vòng tục lụy. Vì thế, tâm trạng Kiều ở lầu Ngưng Bích là tâm trạng bi kịch.

B. Luyện tập

Câu 1: Cảm nhận của em về tâm trạng của Kiều trong đoạn trích sau:

*Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung
Bốn bề bát ngát xa trông
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia
Bẽ bàng mây sớm đèn khuya
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng
Trông người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống những rày trông mai chờ
Bên trời góc bể bơ vơ
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai*

*Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ
Sân lai cách mấy nắng mưa
Có khi gốc tử đã vừa người ôm*

253

- I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận
- II. Giới thiệu chung về đoạn trích (A)
- III. Cảm nhận

1. Nỗi cô đơn, buồn tủi, bẽ bàng (6 câu đầu)

- “Lầu Ngưng Bích” có nghĩa là giọt biếc đọng lại. Lầu là nơi cao sang, quyền quý, nơi hứa hẹn một cuộc sống nhung lụa, ấm êm, “êm đềm trướng rủ màn che”.
- “Khóa xuân” là điển tích nói về nơi giam hãm tuổi xuân của những người con gái đẹp “Một nền Đồng Tước khóa xuân hai Kiều”. Ngưng Bích bỗng hóa thành địa ngục trần gian, thành ngục thất tinh thần, giam hãm tuổi xuân, giam cầm lòng xuân của người con gái.

⇒ Câu thơ đầu tưởng chỉ là một lời giới thiệu nhưng đã gợi ra một hoàn cảnh bi kịch trớ trêu của Kiều.

- Trong cảnh ngộ cô đơn éo le ấy, nàng chỉ còn biết trái lòng mình lên cảnh vật, gửi gắm tâm hồn vào thiên nhiên, lắng nghe tiếng thổn thức phát ra từ tận đáy con tim:

*Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung
Bốn bề bát ngát xa trông
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia*

- Cảnh tượng nơi lầu Ngưng Bích này thật đẹp khoáng đạt như bức tranh được dệt gấm thêu hoa: có núi non xa, vàng trăng gần đều hút chung vào tầm mắt, xa xa có những cồn cát vàng, những nẻo đường bụi cuốn.
- Câu thơ thứ hai với hai vế tiểu đối, hai từ ngữ đối lập “xa - gần” cùng từ “ở chung” như góp phần hoàn thiện thêm cái cảnh tượng thật nên thơ nhưng cũng thật quạnh quẽ trước lầu đồng thời gợi lên hình ảnh lầu Ngưng Bích chơi vơi giữa mênh mông trời nước. Nhìn hút về phía chân trời, Kiều thấy vàng trăng như ngự trên đỉnh non, trăng và non như chung một khung trời.

⇒ Có thể nói, lầu Ngưng Bích giống như một ốc đảo và Kiều chính là người dạt vào ốc đảo ấy, bị tách biệt với thế giới xung quanh. Câu thơ không tả

mà gọi đôi mắt xa xăm, vời vợi, một nỗi buồn cam lạng, không biết ngỏ cùng ai. Nơi quê người đất khách, Kiều chỉ có trăng và non, chỉ có thiên nhiên bầu bạn ở chung.

- Từ “tám trăng” là một sáng tạo ngôn từ của một nghệ sĩ bậc thầy về ngôn ngữ. Vì sao tác giả không dùng từ ánh trăng, vàng trăng, hay minh trăng mà lại là tám trăng. “Tám” vốn là từ để chỉ vật có mặt phẳng mỏng mà dài như tám gỗ, tám ván, tám thảm...hay dùng để chỉ những vật nhỏ bé nhưng không đáng giá bao nhiêu nhưng lại được trân trọng như “tám áo manh quần, đồng quà tám bánh”; dùng để chỉ cá nhân hay tình cảm trân trọng như tám thân, tám lòng, tám chồng, tám thịnh tình.
- Trong cảnh ngộ của Kiều lúc này chất chứa bao nỗi cô đơn, nỗi buồn, Kiều muốn tìm một sự chia sẻ, đồng cảm. Nhìn ra xa bốn bề chỉ có vàng trăng kia là tri kỉ. Với Kiều trăng không chỉ là vật thể kỳ vĩ, xa xôi của tự nhiên mà trăng như vật thể nhỏ bé, như một tám thân, tám lòng, tám tình, một người bạn thật gần gũi, thân thương chia sẻ nỗi lòng. Có lẽ lúc này chỉ có trăng mới hiểu nỗi cô đơn, bề bồng, nỗi sợ hãi của Kiều, hơn thế, trăng là người chứng giám cho đêm thê nguyên của Kiều và Kim Trọng:

Vàng trăng vàng vạc giữa trời

Đinh ninh hai miệng một lời song song

⇒ Trăng là bạn, là yếu tố gợi nhắc kỷ niệm thiêng liêng là hình bóng chàng Kim nên trăng thật gần gũi, thân tình và xiết bao yêu mến. Có lẽ bởi thế mà phải là tám trăng mới thật hợp lý với nội tâm nhân vật trong hoàn cảnh này. Từ lầu Ngưng Bích nhìn ra xa, Kiều chỉ thấy:

Bốn bề bát ngát xa trông

Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia.

- Câu thơ sáu chữ “bốn bề bát ngát xa trông” mà chữ nào cũng gọi lên cái mệnh mông, rợn ngợp của kg trước lầu Ngưng Bích. Các từ “bốn bề bát ngát” trong câu thơ ba gợi tả rõ nét sự mệnh mông, rợn ngợp ấy. Cùng với nghệ thuật đảo ngữ, câu thơ làm ta cảm nhận rõ hơn cái rộng lớn, mệnh mông của cảnh vật, cũng như cái trống trải của tâm hồn Thúy Kiều.
- Đặc biệt ở câu thơ “Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia” càng khắc họa rõ hơn tô đậm thêm cái mệnh mông của khung cảnh xung quanh Kiều. Cảnh có đẹp, có

rộng lớn nhưng thiếu vắng sự sống. Không một mái nhà, một dáng người hay một bóng cây, một tiếng chim để có thể cảm nhận thấy dấu hiệu của sự sống. Trong không gian ấy nhìn đến hút tầm mắt cũng chỉ thấy những cồn cát nối tiếp nhau trải dài đến vô tận và những lớp bụi đường bay theo gió cuốn. “bụi hồng” là bụi có sắc đỏ, theo gió mà bốc lên gọi không gian mờ mịt. Cái mờ mịt của không gian hay cũng là mờ nhạt của tương lai, cuộc đời Kiều. Nó còn xa xôi gọi về cõi hồng trần, tang thương khiến cho con người khổ đau muôn nỗi.

- Câu thơ với Các vế câu đối xứng nhau cùng những danh từ xen lẫn những chỉ từ “nọ - kia” gọi lên cảnh lầu ngưng Bích tầng tầng lớp lớp, bốn bề đều mênh mông bát ngát, xa xôi mù mịt như đợt sóng dồi tầng tầng lớp lớp trong tâm trí, xô đẩy thêm nữa cái tâm trạng ngổn ngang như trăm mối tơ vò của người con gái.

⇒ Như vậy, bốn câu thơ với những nét vẽ gợi nhiều hơn tả được miêu tả theo trình tự từ cao xuống thấp, từ xa đến gần đó khắc họa khung cảnh thiên nhiên ở lầu ngưng Bích rất đẹp, rộng lớn, mênh mông nhưng hoang vắng, hoàn toàn không có dấu hiệu của sự sống, không có sự giao lưu giữa người với người. Lầu Ngưng Bích hiện lên chơi vơi giữa mênh mông trời nước, núi non và hình ảnh hiện lên nhỏ bé, cô đơn giữa không gian mênh mông ấy. Những hình ảnh “non xa, trăng gần, cát vàng, bụi hồng có thể là những hình ảnh thực nhưng cũng có thể là hình ảnh mang tính ước lệ để gợi sự mênh mông rộng ngợp của không gian, qua đó diễn tả hoàn cảnh và tâm trạng cô đơn, lẻ loi của Kiều.

- Nếu như bốn câu trên, tác giả thể hiện nỗi lòng Kiều một cách gián tiếp thông qua miêu tả cảnh thiên nhiên thì đến hai câu thơ tiếp theo, Nguyễn Du diễn tả trực tiếp tâm trạng của nàng Kiều

Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,

Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.

- Hai câu thơ diễn tả chính xác cảnh ngộ của Kiều. Từ láy “Bẽ bàng” đặt đầu câu gợi nỗi tủi sầu, xót xa, ê chề của nàng Kiều khi hết ngày này qua ngày khác nàng phải thui thủi một mình ở lầu ngưng Bích, nơi đất khách quê người. Trong hoàn cảnh ấy, Kiều chỉ cũng biết làm bạn với mây với đèn trong cõi vũng tuần hoàn ước lệ “mây sớm đèn khuya”.
- Cụm từ “Mây sớm, đèn khuya” với cặp từ trái nghĩa sớm, khuya gợi thời gian

tuần hoàn khép kín, đơn điệu, tẻ nhạt. Hình ảnh “mây, đèn” chỉ không gian nơi nàng đang bị giam hãm. Thời gian cũng như không gian giam hãm con người. Sớm và khuya, ngày và đêm, giữa không gian nơi lầu Ngưng Bích, Kiều không có ai bầu bạn, Nàng chỉ biết làm bạn với mây sớm đèn khuya. Nàng rơi vào hoàn cảnh cô đơn tuyệt đối với một cuộc sống nhàm chán tẻ nhạt giam lỏng tuổi thanh xuân của nàng.

- Hơn thế, mây - đèn còn mang nghĩa biểu tượng: mây thanh sạch – đèn sáng tỏ. Nhìn mây, đèn, Kiều chạnh lòng nghĩ tới mình không còn trong trắng, tủi hổ với mây, với đèn.
- Trong nỗi cô đơn tuyệt đối ấy, lòng Kiều dồn tới lớp lớp những chua xót. Buồn vì cảnh hoang vu, rợn ngợp và buồn vì tình riêng khiến lòng như bị xé:

Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng

- Câu thơ chỉ có tám chữ mà chữ nào cũng chất chứa tâm trạng của nàng Kiều. Điệp từ nửa cùng nghệ thuật so sánh khiến âm điệu câu thơ day dứt diễn tả tâm trạng ngổn ngang trăm mối tơ vò của Kiều.
- “Nửa tình” là tình cảm của nàng với chàng Kim với gia đình, nửa cảnh là cảnh ngộ gia đình, cảnh ngộ của chính nàng hay cũng chính là cảnh thiên nhiên nơi lầu Ngưng Bích. Ngoại cảnh và tâm cảnh cùng một màu ảm đạm chất chứa vào trong lòng khiến cho lòng Kiều như bị xé chia đau đớn. (Một nửa phiêu diêu theo khung cảnh trống trải, một nửa ở lại với mảnh tình đơn côi) Tình cảnh đau buồn của nàng và thiên nhiên hoang vắng như phụ họa cùng nhau, đan xen nhau chia cắt lòng nàng, bào gọt tâm hồn nàng khiến nàng đau đớn xót xa, tủi sầu hơn. Tình cảnh nàng Kiều lúc này thật chẳng khác gì sống trong địa ngục: thân xác bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, tâm hồn bị giam cầm trong vòng xoay khép kín của thời gian sớm - tối, và tình cảm thì bị giam hãm trong mớ tơ lòng rối bời. Phận nàng mới đáng thương làm sao!

⇒ Có thể nói, sáu câu đầu với những nét vẽ gợi nhiều hơn tả, cảnh được miêu tả theo trình tự từ cao xuống thấp, từ gần đến xa, sử dụng linh hoạt phép tiểu đối, hình ảnh ước lệ, từ láy gợi tâm trạng, là một không gian nghệ thuật và một tâm trạng nghệ thuật đồng hiện. Cảnh lầu Ngưng Bích không đơn thuần là bức tranh thiên nhiên mà còn là bức tranh tâm trạng. Cảnh tuy đẹp nhưng hoang vắng, mênh mông. Đằng sau bức tranh thiên

nhiên là hoàn cảnh cô đơn lẻ loi, là tâm trạng buồn tủi, sầu đau của Kiều. Tác giả đã mượn cảnh để giải bày tâm trạng tạo nên những câu thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc, lấy cái rộn ngợp của thiên nhiên để cực tả nỗi cô đơn trơ trọi của Kiều.

2. Nỗi nhớ nhung về Kim Trọng (4 câu tiếp)

- Trong cảnh ngộ đốn đau ấy, Kiều đối diện với chính mình, trong tim người con gái bỗng trào dâng một nỗi nhớ thương da diết. Từng trong ký ức của quãng thời gian yên bình, của một thời sống ấm êm bên gia đình, người thân được nàng Kiều chậm rãi lật lại, và cũng từ từ nhen nhóm trong lòng nàng niềm nhớ nhung man mác mà dai dẳng khôn nguôi.

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày trông mai chờ.
Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.*

- Theo trật tự trong xã hội phong kiến, chữ Hiếu bao giờ cũng được đặt lên hàng đầu. Khi gia đình gặp nạn Thuý Kiều cũng đã trăn trở “Bên tình, bên hiếu, bên nào nặng hơn”, nhưng rồi nàng đã chọn chữ Hiếu để báo đáp cha mẹ. Thế nhưng ở đây, Nguyễn Du lại để nàng Kiều nhớ tới Kim Trọng trước. Có lẽ bởi với cha mẹ hành động bán mình chuộc cha của nàng đã phần nào báo đền được chữ hiếu, còn với Kim Trọng nàng luôn sống trong tâm trạng của một người yêu không giữ vẹn chữ tình, nàng vẫn nợ chàng một lời thề.
- Vì đây là mối tình đầu đời của Kiều, mà tình yêu đôi lứa thì thường nồng nàn mãnh liệt cho nên lúc nào Kiều cũng nhớ về Kim Trọng. Ngoại cảnh: Vầng trăng đang từ từ nhô lên gợi Kiều nhớ về đêm trăng mà hai người yêu nhau cùng nhau thề nguyện chung thủy.

⇒ Trong tâm cảnh và ngoại cảnh như thế, để Kiều Nhớ chàng Kim trước là phù hợp với lô gích tâm trạng của nhân vật đồng thời thể hiện sự tinh tế của ngòi bút Nguyễn Du. Ý thơ cũng là tư tưởng tiến bộ đi ngược lại với trật tự của xã hội phong kiến, thể hiện một cách nhìn mới, một sự bút phá của Nguyễn Du so với thời đại, muốn thoát khỏi vòng kiểm tỏa của lễ giáo phong kiến.

- Nguyễn Du đã khéo léo bày tỏ nỗi niềm của Kiều dành cho Kim Trọng qua từ

“tưởng”. “Tưởng” không chỉ là nhớ mà là hình dung tưởng tượng, là luôn mơ tưởng tới, luôn nghĩ về. Nhớ về Kim Trọng là Kiều nhớ về mối tình đầu trong sáng ngày thơ, hạnh phúc, ngọt ngào chỉ vừa mới bắt đầu đã đột ngột kết thúc. Chính vì vậy mà Kiều tưởng tượng ra hình ảnh chàng Kim cùng mình uống chén rượu thề nguyện dưới ánh trăng.

- Đó là kỉ niệm của mối tình đầu trong sáng. Hình ảnh ẩn dụ người dưới nguyệt chén đồng” đã nói lên tất cả những chua xót trong lòng Thúy Kiều. Mối ngày nào cả hai còn cùng nhau nói lời thề nguyện dưới trăng, (đã “đinh ninh hai mặt một lời song song”, đã cùng nhau nhấp cạn chén rượu tình chung “Chén hà sánh giọng quỳnh hương” thế mà hôm nay mỗi người đã lẻ loi ở một nơi khác nhau) vàng trắng vắng vặc còn đây, chén rượu thề nguyện còn chưa ráo môi mà giờ đây mỗi người một ngả. Và cái cảm giác có lỗi với người yêu cứ lẫn vào nhau, quán lấy tâm trí nàng.
- Dường như lần nào nhớ về Kim Trọng nàng cũng tưởng tượng ra cảnh Kim Trọng cũng đang nghĩ về mình, chính bởi vậy, lòng nàng bỗng quặn đau khi nghĩ đến chàng Kim ở liễu dương xa xôi đang mỗi mòn ngóng chờ tin tức nàng mà vẫn chưa biết nàng bán mình, cũng như nàng lúc này nàng vẫn còn ngóng trông tin tức người yêu.
- Các động từ “trông chờ” kết hợp với từ chỉ thời gian “mai, này” cùng nhịp thơ đa diết, thổn thức của một trái tim đang rỉ máu vừa khắc họa rõ sự ngóng trông của chàng Kim với Kiều (ngày cũng như đêm, lúc nào chàng cũng ngóng tin nàng) vừa thể hiện nỗi nhớ mãnh liệt đan xen cả sự ân hận xót xa của Kiều.
- Xót cho Kim Trọng mãi chờ đợi nàng nhưng nàng biết sự chờ đợi chỉ là tổng công vô ích, xót cho tình cảm ấm nồng mà sớm bị chia xa, Kiều càng xót hơn nữa cho cái thân phận bèo bọt nổi trôi, phải bắt đắc dĩ mà mang danh bội thề phụ nghĩa của mình. Bao nhiêu xót xa nhớ thương gửi cả vào hai chữ tưởng người. (Khi đã lỗi thề với Kim Trọng, nàng chỉ dám nghĩ đến chàng trong một chữ người. Bao nhiêu chia ly cách ngăn gửi vào chữ người ấy). Và có lẽ lúc này trong cuộc đời lưu lạc, trái tim của Kiều dường như vẫn đập những nhịp đập thổn thức của tình yêu năm nào. Trong nỗi nhớ về những kỉ niệm với chàng Kim, Kiều lại xót xa khi nghĩ đến cảnh ngộ của mình lúc này:

Bên trời góc bể bơ vơ

Tắm son gột rửa bao giờ cho phai

- Từ láy “bơ vơ” gợi cảnh ngộ của K lúc này: nàng đang trôi dạt bơ vơ, cô đơn nơi chân trời góc bể. Có lẽ ý thức được cảnh ngộ của mình nên nàng lại càng đau đớn²⁵⁹ khi: “Tắm son gột rửa bao giờ cho phai”.
- Câu thơ được viết dưới dạng câu hỏi tu từ thể hiện sự đau đớn xót xa của Kiều khi “tắm son” (tắm lòng son) của nàng bị vùi dập, hoen ố, không biết bao giờ mới gột rửa cho sạch được. Câu thơ với hình ảnh tắm son còn như một lời thề đinh ninh dù ở chân trời góc bể nào dù trải qua biến chuyển của thời gian thì tắm lòng son sắt thủy chung của nàng sẽ không bao giờ thay đổi, không bao giờ phai pha dù và dù rằng giờ đây nàng tự thấy mình không còn xứng với Kim Trọng nữa.
- Đặt vào trong cảnh ngộ của Kiều lúc này đang bơ vơ lưu lạc nơi đất khách quê người, vậy mà Kiều vẫn nhớ tới chàng Kim, vẫn nghĩ cho chàng chứng tỏ nàng là người thủy chung son sắt. Và sau này, trong suốt mười lăm năm lưu lạc, không lúc nào Kiều nguôi nổi nhớ chàng Kim; ngay cả khi sống với Từ Hải - giữa cuộc sống vinh hoa phú quý - nhưng Kiều vẫn nhớ đến chàng Kim: “Dẫu lìa ngó ý còn vương tơ lòng”

⇒ Như vậy, bốn câu thơ với ngôn ngữ độc thoại nội tâm đó diễn tả một cách tinh tế và sâu sắc nỗi nhớ Kim Trọng. Đó là nỗi nhớ day dứt không nguôi, là nỗi ân hận xót xa cho mối tình đầu đã nặng lời thề mà tan vỡ. Càng nhớ thương Kim Trọng bao nhiêu thì Kiều càng day dứt ân hận bấy nhiêu vì bản thân mình đã phụ lại Kim Trọng, không xứng đáng với chàng.

⇒ Đoạn thơ cũng cho thấy Nguyễn Du rất am hiểu tâm lý người đang yêu. Với Kiều, Kim Trọng là tất cả. Nàng đã yêu chàng bằng tất cả tâm hồn và trái tim, nàng yêu đắm đuối đến mức liều lĩnh, yêu ngay từ giây phút đầu khi thoáng gặp. Lúc Kim Trọng về Liêu Dương hộ tang chú, Kiều đã thề với chàng rằng “Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai”. Vậy mà chàng vừa bước chân ra đi hôm trước, hôm sau nàng đã phải làm vợ kẻ khác, bán mình cho Mã Giám Sinh rồi bị hấn lừa gạt vào lầu xanh. Nỗi đau này có lẽ chỉ Nguyễn Du thấu hiểu cho nàng. Giờ đây, bản thân đang ở hoàn cảnh cô đơn, đáng thương vậy mà K đó quên đi nỗi đau của mình để hóa thân vào Kim Trọng thương cho nàng yêu bị mình phụ bạc rồi

lại tự trách mình. Đó chẳng phải là biểu hiện của tấm lòng thủy chung, vị tha và giàu đức hi sinh đó sao.

3. Nỗi nhớ thương cha mẹ (Bốn câu sau)

- Sau nỗi nhớ chàng Kim, Kiều nhớ về gia đình, người thân. Mặc dù đã tự nguyện bản thân lấy tiền cứu cha và em, mặc dù gia đình đã thoát khỏi cảnh tù tội, bên trong lòng Kiều vẫn canh cánh một niềm thương khôn xiết, một nỗi nhớ cay đắng đến xót xa:

*Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?
Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.*

- Nếu như khi nhớ về chàng Kim, nỗi nhớ của Thúy Kiều được dồn nén vào chữ “tưởng” thì tình cảm thương nhớ cha mẹ của Kiều được Nguyễn Du gửi gắm qua từ “xót”.
- Từ “xót” vừa nói lên được tình thương nỗi nhớ của Kiều dành cho cha mẹ, vừa cho ta thấy tình thương ấy đã hóa thành những cảm xúc thật cụ thể (xót xa đau đớn quặn thắt) luôn nhói buốt trong lòng đến tê dại.
- Nàng xót xa khi hình dung ra song thân đã già yếu mà vẫn “tựa cửa hôm mai” ngày ngày ngóng trông tin con trong nỗi cô đơn mà Kiều cứ biên biệt nơi xứ người.
- Thành ngữ quạt nồng ấp lạnh trong câu thơ “quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ” thể hiện sự xót xa, day dứt của Kiều khi không được tự tay chăm sóc, trông nom cha mẹ lúc về già. Nàng băn khoăn không biết ai sẽ quan cho cha mẹ vào những ngày hè nóng nực, rồi vào những ngày lạnh giá, ai sẽ sưởi ấm cho cha mẹ mình ngủ.
- Nâng cao: Khi Kiều bước chân ra đi, sau nàng còn có Thúy Vân và Vương Quan chăm sóc cho cha mẹ nhưng bởi nhớ thương xót xa nên nàng vẫn lo lắng không yên. Chính vì vậy, câu hỏi tu từ “Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ” cứ cồn lên trong lòng Kiều như những cơn sóng của những lo lắng day dứt băn khoăn không nguôi về cha mẹ mà nàng không biết phải làm thế nào. Mặc dù sa chân vào chốn gió bụi đoạn trường chưa lâu, vậy mà Kiều đã thấy:

Sân lai cách mấy nắng mưa

Có khi gốc tử đã vừa người ôm.

- Những điển tích, điển cố “sân lai, gốc tử” đó thể hiện tấm lòng hiếu thảo của Kiều với cha mẹ. Dù ở nơi xa xôi chưa biết bao giờ mới trở lại đoàn tụ gia đình²⁶¹ nhưng Kiều vẫn muốn làm tròn chữ hiếu như lão Lai Tử múa cho cha mẹ vui và chăm sóc cha mẹ lúc già yếu. Nhưng trong cảnh ngộ này, Kiều chỉ biết xót xa nàng đành tự trách mình đã phục công sinh thành của cha mẹ. Chính nỗi nhớ nhung và sự đau đớn khiến cho nàng thấy thời gian như đằng đặc vô biên cách mấy nắng mưa”.
- Lời nói ẩn dụ cách mấy nắng mưa vừa nói được sức mạnh tàn phá của tự nhiên với cảnh vật và con người vừa nói được thời gian xa cách bao mùa mưa nắng của K với gà. Thực ra thời gian này, K mới xa gia đình có vài tháng nhưng K lại cảm thấy mình đã xa gia đình lâu lắm rồi, vì vậy về quê nhà. Nỗi nhớ da diết khiến nàng tưởng tượng cảnh nơi quê nhà đã đổi thay mà đổi thay lớn nhất là “gốc tử đã vừa người ôm” nghĩa là cha mẹ ngày càng già yếu.
- Mở rộng: Dường như lần nào khi nhớ về cha mẹ Kiều cũng nhớ ơn chín chữ cao sâu và luôn ân hận mình phụ công sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ. Tấm lòng của Kiều không khỏi khiến cho chúng ta xúc động. Bởi đang trong cảnh bơ vơ nơi chân trời góc bể, không ai chia sẻ, chỉ biết làm bạn với thiên nhiên chưa biết tương lai ngày mai của mình ra sao, Kiều là người đáng thương hơn cả vậy mà nàng quên đi cảnh ngộ của bản thân để nghĩ tới cha mẹ, vẫn dằn vặt vì mình chưa làm tròn chữ hiếu.
 - ⇒ Đi trọn nỗi đau khổ ấy ta đến được với phẩm chất của người con gái hiếu thảo với cha mẹ. Dường như trong tiếng lòng thổn thức của Kiều có cả khát khao được đoàn tụ, được trở về quê hương. Nhưng chúng ta đều hiểu khát khao ấy đối với Kiều lúc này có lẽ mãi chỉ là ảo vọng, bởi vậy mà càng đọc, càng lắng nghe tiếng lòng của Kiều ta lại càng thấy xót thương cho nàng.
 - ⇒ Có thể nói, tám câu thơ, cảnh đã mờ đi để nỗi nhớ còn lên nôn nao trong lòng Kiều. Nàng dường như không còn sống chung với cảnh xung quanh nữa mà đã chìm vào những không gian khác (ở Liêu Dương, ở quê nhà), những thời gian khác (rày mai, hôm mai, bao giờ), Vượt lên đạo lí phong kiến thông thường, bằng sự tinh tế và cảm thông, thấu hiểu tâm lí nhân vật,

bằng tài năng nghệ thuật trong việc khắc họa nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm, Nguyễn Du đã thể hiện rất sinh động, rất chân thật nỗi nhớ thương day dứt, xót xa của Kiều về bên những người thân yêu. Nỗi nhớ ấy vừa tha thiết vừa lắng sâu mà cũng rất chân thành của người con gái tài sắc.

- Trong biến cố gia đình, Kiều là người thiệt thòi, đau khổ nhất, đáng thương nhất nhưng nàng quên cảnh ngộ bản thân để nghĩ tới người thân. Đó không chỉ là nỗi nhớ, tình yêu mà còn là tấm lòng vị tha, hi sinh đáng trân trọng, đáng ngưỡng mộ.
- Viết về điều này, ngòi bút của Nguyễn Du mới sâu sắc, thấm đẫm tính nhân văn nhân đạo làm sao. Đoạn thơ không chỉ thể hiện tình cảm yêu mến, trân trọng của Nguyễn Du dành cho Thúy Kiều mà còn giúp ta thấu hiểu hơn về công lao của cha mẹ cũng như nhắc nhở chúng ta phải biết kính trọng và hiếu thảo với cha mẹ, những người đã sinh thành ra mình.

Câu 2: Phân tích nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong 8 câu cuối

- I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận
- II. Giới thiệu chung về đoạn trích (A)
- III. Giải thích: Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình là một bút pháp tiêu biểu của thơ ca thời trung đại, lấy việc tả ngoại cảnh làm phương tiện để biểu đạt nội tâm con người. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình do đó làm cho thời ca thêm sức gợi, khiến mỗi bức tranh thành bức tâm cảnh (bức họa tâm) đa nghĩa đa sâu.
- IV. Phân tích chứng minh
 1. Luận điểm 1: Qua bức tranh chiều hôm cửa bể, Nguyễn Du đã gợi tả nỗi buồn nhớ của Kiều.
 - Càng “tưởng” chàng Kim, càng “xót” cha mẹ, nàng Kiều càng buồn hơn cho số kiếp éo le, cho cảnh ngộ bi kịch của mình. Một lần nữa nàng lại gửi gắm tâm sự vào khung cảnh: 8 câu thơ cuối đoạn là tâm trạng đau buồn, lo âu của Kiều thể hiện qua cách nhìn cảnh vật:

*Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu
Buồn trông nội cỏ rầu rầu*

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh

Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

- Điệp ngữ “buồn trông” xuất hiện bốn lần đứng đầu câu sáu ở mỗi cặp lục bát.²⁶³ “Buồn trông” là nỗi buồn đã có sẵn ở trong lòng, vì buồn mà trông ra bốn phía nhưng càng trông lại càng buồn. Kiều trông ngóng một cái gì mơ hồ sẽ đến làm thay đổi hiện tại, nhưng trông mà vô vọng.
- Điệp ngữ “buồn trông” kết hợp với các hình ảnh đứng sau đã diễn tả nỗi buồn, với nhiều tốc độ khác nhau. Điệp ngữ tạo âm hưởng trầm buồn, trở thành điệp khúc của đoạn thơ cũng là điệp khúc của tâm trạng.
- Câu thơ đầu mở ra cả một thời gian và không gian nghệ thuật. Không gian là “cửa bể” - nơi muôn con sông đổ về biển lớn, nơi đây sóng cả, gió to, cảnh trí thật dữ dội. Không gian ấy ngày xưa đã từng khiến cho nhiều chàng trai vang lên nỗi bần thần vì tình duyên cách trở:

Thương em anh cũng muốn vô

Sợ chuông nhà Hồ, sợ phá Tam Giang.

- Còn Thuý Kiều trước không gian ấy sao tránh khỏi cô đơn lẻ loi nơi đất khách quê người.
- Nếu “cửa bể” là không gian thì “chiều hôm” là thời gian. Đây là thời điểm ngày tàn giờ tận, là thời khắc con chim về tổ, con thuyền neo về bến cũ, con người sum họp đoàn viên. Cảnh chiều hôm vì thế mỗi khi đổ bóng xuống thơ ca có mấy khi vui nên dễ chạnh lòng, kẻ tha hương, lữ thứ:

“Vẳng nghe chim vịt kêu chiều

Bâng khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột đau.”

Hay:

“Chiều chiều ra đứng ngõ sau

Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều”

- Đặt trong tình cảnh của Thuý Kiều lúc này thì thời gian chiều hôm còn gọi ra cái buồn gấp bội bởi ấy là khoảng thời gian con chim tìm về tổ ấm, con người trở về với mái ấm đoàn tụ sum vầy. Vậy mà Kiều lại đang cô đơn một mình nơi đất khách quê người. Khát khao trở về, người ta thường tìm đến bóng dáng một con thuyền, một cánh buồm đưa đón. Nhìn ra xa, Kiều cũng thấy một con thuyền

nhưng lại là “*Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa*”.

- Từ láy “thấp thoáng, xa xa” gợi hình ảnh con thuyền lúc ẩn, lúc hiện, khi tỏ, khi mờ, nhỏ nhoi cô đơn giữa mênh mông trời nước trong ánh sáng cuối cùng của hoàng hôn khi mặt trời sắp tắt, Hình ảnh cánh buồm dễ gợi nên nỗi buồn nhớ của Kiều về gia đình về quê hương đồng thời thức dậy trong lòng niềm mong ước khát khao được trở về đoàn tụ gia đình.
- Hai chữ “thuyền ai” với đại từ phiếm chỉ ai đã đẩy con thuyền về một miền xa xôi lạnh lẽo, lênh đênh trên mặt nước không biết bao giờ mới tìm được bến neo đậu. Chính hình ảnh con thuyền nhỏ bé gợi cho Kiều nghĩ đến thân phận mình đang bơ vơ giữa dòng đời nơi đất khách quê người không biết đến bao giờ mới được trở về đoàn tụ gia đình.

⇒ Như vậy, hai câu thơ tả cảnh nhưng cũng đầy ắp tâm trạng của con người được diễn tả một

cách tự nhiên và sâu sắc nhờ nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.

2. Luận điểm 2: Qua bức tranh hoa trôi mặt nước, Nguyễn Du miêu tả nỗi buồn thương của Kiều

- Từ lầu Ngưng Bích, dõi trông theo sườn núi, Kiều thấy “ngọn nước mới sa”:

Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu.

- Hai câu thơ gợi lên hình ảnh “ngọn nước mới sa”, “sa” là để ập là rơi từ trên cao xuống. Chỉ một từ “sa” nhưng cũng đã gợi lên một cảnh trí thật dữ dội, không còn cái vẻ êm đềm của dòng nước nao nao chảy trong buổi du xuân ngày trước
- “Ngọn nước mới sa” cuốn theo những cánh hoa. “Hoa” ở đây có thể là hình ảnh thực nhưng cũng có thể là hình ảnh ẩn dụ chỉ người con gái. Cánh hoa thân phận ấy trôi man mác mà không biết là về đâu.
- Từ láy “man mác” vừa gợi hình vừa gợi cảm, nó vừa gợi ra đàn hoa trôi lặng lẽ giữa dòng nước người đọc (man mác vừa thấm đẫm nỗi buồn của người Nhìn thấy những cánh hoa đang trôi dập dề trên sóng nước, bị sóng nước vùi dập không biết tôi là phương, tranh đồng nghĩ đến phận mình đến bao giờ. Ngọn nước mới sa hay cũng chính là dòng đời đầy cạm bẫy đang xô đẩy Kiều.
- Cụm từ “biết là về đâu” kết thúc câu hỏi tu từ như một lời than, một tiếng thở dài càng trào dâng nỗi niềm xót xa thương cảm của Kiều cho chính thân phận mình

hay cũng chính là nỗi lòng thương cảm của Nguyễn Du đối với nhân vật của mình. Câu hỏi ấy nhu nhĩ vào tâm người đọc về một kiếp người tài hoa niềm xót xa thương cảm của Kiều cho chính thân phận mình hay cũng chính là nỗi lòng thương cảm của gian truân.

3. Luận điểm 3: Qua bức tranh nội cỏ chân mây mặt đất, Nguyễn Du diễn tả nỗi buồn tủi của Kiều.

“Buồn trông nội cỏ rầu rầu

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”

- Nàng chỉ thấy trên cái nền xanh mịt mờ bao la là màu sắc tàn úa. Từ láy “rầu rầu” gợi ra màu xanh héo úa, ảm đạm, màu xanh không còn sức sống, hoàn toàn khác với sắc xanh tràn ngập nhựa sống của tiết trời mùa xuân.

Tuyết in sắc ngựa câu giòn

Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.

- Sự tàn úa đó lại trải dài đến tận chân mây mặt đất. Những hình ảnh ẩn dụ “chân mây mặt đất” kết hợp với cụm từ “một màu xanh xanh” gợi ra một không gian bao la, rộng lớn của nội cỏ; bầu trời, mặt đất và biển cả như nối liền không có đường đi. Bao trùm lên cánh đồng cỏ là sự đơn điệu, không một gò cao, không một bóng người, không một ngôi nhà. Cảnh tẻ nhạt, ảm đạm, màu sắc tê tái thê lương gợi về một tương lai mịt mờ, bế tắc, một mối bị thương vô vọng kéo dài.
- Cảnh nội cỏ rầu rầu kia phải chăng chính là hình ảnh của cuộc sống nhàm chán đơn điệu khép kín trong vòng tuần hoàn thời gian của K. Hình ảnh thơ gợi ra tâm trạng chán chường có đơn lẻ loi. Thực tế thì Kiều đang bị giam hãm ở lầu NB, quá khứ thì tủi nhục, tương lai lại mịt mờ.

4. Luận điểm 4: Qua bức tranh gió cuốn mặt duềnh, Nguyễn Du đã diễn tả nỗi buồn lo của người con gái.

“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh

Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”.

- Hình ảnh “gió, sóng, mặt duềnh” là những hình ảnh thực bày ra trước mắt Kiều khi nàng ngồi trông ra biển đồng thời còn là hình ảnh biểu tượng cho những truân chuyên bất trắc, tai ương đang rình rập, trực chờ.
- Ngôn từ: động từ mạnh “cuốn, kêu” kết hợp từ láy tượng thanh “ầm ầm” đã diễn tả một cảnh tượng dữ dội đến hãi hùng.

- Hình ảnh sóng gió “kêu quanh ghé ngời” là hình ảnh thực gợi ra sóng gió tai ương đang bủa vây, không còn trong mơ hồ, lo lắng mà đã là hiện thực nhõn tiền.
- Nghệ thuật nhân hóa qua động từ “kêu”: Sóng nơi này không vỗ, không xô, chẳng cuốn mà “kêu”. Động từ “kêu” đã khiến cho con sóng vô tri thiên địa mang cả một linh hồn, một tâm trạng, một thân phận rất Kiều. Ấy là tiếng kêu đau, kêu khổ, kêu thương, kêu hãi sợ, kêu cầu cứu. Đó là tiếng kêu của sóng hay cũng là tiếng lòng của người con gái khi xa vào miệng sói hang hùm/ khi xa chân xảy bước vào miệng sói hang hùm.
 - ⇒ Như vậy, ngay lúc này đây, trong lòng Kiều đau chỉ buồn bã, cô đơn mà chính là sự lo lắng kinh hãi của Kiều về số phận bất hạnh của mình trong tương lai, Cảnh tượng thiên nhiên hải hùng ấy như bao trước những tai hoạ sắp đổ xuống đầu Kiều. Qua thật sau đó Kiều bị Sở Khanh lừa gạt để rồi rơi vào cảnh khổ đau “Thanh lâu hai lượt thanh y hai lần”.
 - ⇒ Như vậy, bức tranh thiên nhiên buổi chiều được hiện lên qua cái nhìn đầy tâm trạng của Kiều và được miêu tả theo một trình tự hợp lí. cùng cảnh vật, Kiều cũng từ những nỗi buồn man mác đến những nỗi lo âu, kinh sợ, mỗi lúc một Cảnh được miêu tả từ xa đến gần, từ cao xuống thấp, màu sắc từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động. Tất cả gợi lên bức tranh thiên nhiên rất thực, rộng lớn và đa chiều và tất cả hiện lên đều buồn vắng lạnh lẽo. Từ đó tâm trạng Kiều cũng như đồng hành thêm nhức nhối, bế tắc.
- Tám câu thơ với âm hưởng trầm buồn kết hợp với một loạt từ láy gợi tả, gợi cảm cùng phép điệp ngữ liên hoàn “buồn trông”, hệ thống ngôn ngữ ước lệ đã mở ra một trường liên tưởng vô cùng bị thương của đời Kiều. Tám câu thơ này đã thể hiện ngòi bút tả cảnh ngụ tình đặc sắc nhất của Nguyễn Du trong “Truyện Kiều” mà ở đó tác giả đã thể hiện được sự hài hòa trong ngòi bút của mình khi đặt “tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này”.
- Đây là những câu thơ réo rắt bậc nhất trong nỗi buồn về số phận của Kiều, mỗi câu nào cũng vừa là tâm cảnh vừa là ngoại cảnh khắc họa nỗi buồn chồng chất, trùng điệp trong lòng người con gái tài hoa bạc mệnh”. Đằng sau bức tranh tâm trạng ấy là tấm lòng thương cảm của Nguyễn Du trước số phận của Kiều nói riêng và những người phụ nữ nói chung, gợi cho ta niềm xót xa thương cảm với kiếp người tài hoa bạc mệnh. Đó cũng là giá trị nhân đạo sâu xa trong tác phẩm

“truyện Kiều”.

V. Đánh giá tổng hợp

- Có thể nói rằng, lần đầu tiên trong lịch sử văn học dân tộc Việt Nam ta, bức tranh tâm tình thể lương của nhân vật lại được vẽ nên một cách trọn vẹn, gợi cảm và xúc động như vậy.
- Bằng ngòi bút thiên tài của mình, Nguyễn Du đã làm nổi bật lên nỗi buồn thương da diết đan xen cùng hàng bao niềm nhớ của nàng Kiều bằng một tấm lòng cảm thương thấu hiểu và một nhiệt huyết tràn đầy, sôi nổi, say sưa. Đó chính là biểu hiện của cảm hứng nhân văn nơi con người có tấm lòng nhân đạo to lớn, mệnh mông như đại dương biển cả, bao la như vòm trời xanh thẳm nhà đại thi hào của dân tộc Tố Như.
- Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” thể hiện sự tài tình không ai sánh bằng trong nghệ thuật tả cảnh tình của nhà thơ Tố Như, xuất phát từ vốn hiểu biết sâu rộng có được từ cuộc đời từng trải, đi nhiều, tiếp xúc nhiều, hiểu nhiều, và cũng gặp nhiều khó khăn của ông. Tất cả đã làm cho đoạn thơ “Kiều ở lầu Ngưng Bích” trở nên đặc sắc, tuyệt diệu. Các biện pháp nghệ thuật được lồng ghép khéo léo, kết hợp đan xen với nhau trong từng câu thơ. Từ ngữ được trau chuốt kỹ càng đến mức đạt trình độ cao nhất của sự điêu luyện. Nhờ đó mà đoạn trích như tỏa sáng hơn, và đọng lại nhiều hơn trong tâm trí, tư tưởng người đọc.
- Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một trong những đoạn miêu tả nội tâm nhân vật đặc sắc nhất, thành công nhất trong “Truyện Kiều”, đặc biệt là bằng bút pháp tả cảnh tình. Đoạn thơ có giá trị nhân bản sâu sắc đồng thời thể hiện tấm lòng nhân hậu, cảm thương chia sẻ của Nguyễn Du với nỗi đau của Thúy Kiều.
- Nó đã góp phần đưa “Truyện Kiều” trở thành một trong những tác phẩm bất hủ trong nền văn học nước nhà, và nếu rộng ra hơn nữa, là của toàn nhân loại. Tác phẩm sẽ mãi như viên minh châu tỏa sáng lấp lánh trong lòng bao thế hệ độc giả yêu thơ, như nhận định của Dương Quảng Hàm: *“Trên từ các bậc văn nhân thi sĩ, dưới đến các kẻ thường dân phụ nữ, ai cũng thích đọc, thích ngâm và thuộc được ít nhiều”*
- Đoạn trích như chứa đầy lệ, lệ của người người con gái lưu lạc, đau khổ vì cô đơn, lẻ loi, buồn thương chua xót về mối tình đầu tan vỡ, xót xa vì thương nhớ²⁶⁸ cha mẹ, lo sợ cho thân phận mình; lệ của nhà thơ, một trái tim nhân đạo bao la,

đồng cảm thương xót cho người thiếu nữ tài sắc, hiếu thảo mà bạc mệnh.

C. Tham khảo các đề bài sau

1. Cảm nhận của em về tám câu thơ cuối đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”
2. Có ý kiến cho rằng: “Tám câu thơ cuối đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích đã thể hiện tài năng của Nguyễn Du bút pháp tả cảnh ngụ tình”. Em hãy phân tích tám câu thơ để làm sáng tỏ ý kiến trên.
3. Thơ là tiếng lòng”. Hãy lắng nghe tiếng lòng của Thuý Kiều qua tám câu thơ giữa đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”.
4. “Thơ là tiếng lòng”. Hãy lắng nghe tiếng lòng của Thuý Kiều qua tám câu thơ cuối đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”.
5. Nhà văn Anh, A.L. Huxley cho rằng: “Văn học giống như ánh sáng, nó có thể xuyên thấu mọi thứ”. Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến và bằng hiểu biết về kiệt tác Truyện Kiều của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du hãy làm sáng tỏ ²⁶⁹quan điểm

ĐỒNG CHÍ

A. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả
 - Chính Hữu (1926 – 2007) quê ở huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
 - Làm thơ từ năm 1947, là một nhà thơ quân đội hoạt động trong suốt hai cuộc kháng chiến của dân tộc.
 - Thơ ông hầu hết chỉ viết về người lính trong suốt hai cuộc kháng chiến của dân tộc.
 - Đặc biệt Chính Hữu đi sâu vào khai thác những tình cảm cao đẹp của người lính như tình đồng chí, đồng đội, tình yêu quê hương, sự gắn bó giữa tiền tuyến với quê hương Thơ ông dồn nén cảm xúc, ngôn ngữ và hình ảnh chọn lọc, hàm súc như ông từng tâm sự: “Tôi thích những câu thơ hàm súc, cô đọng, nói rất ít nhưng gợi rất nhiều những tưởng tượng lan xa. Thơ phải ngắn ở câu chữ nhưng phải dài ở sự ngân vang...”
2. Tác phẩm
 - a. Hoàn cảnh sáng tác
 - Mùa xuân năm 1948, thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp sau

khi tác giả tham gia chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947).

- Sau chiến dịch Việt Bắc, Chính Hữu viết bài thơ Đồng chí tại nơi ông phải nằm điều trị bệnh. Cảm động trước sự chăm sóc của đồng đội, ông viết bài thơ để tặng người bạn đã chăm sóc mình. Bài thơ là sự thể hiện những tình cảm tha thiết, sâu sắc của tác giả với những người đồng chí, đồng đội.

⇒ Bài thơ được đánh giá là tiêu biểu của thơ ca kháng chiến giai đoạn 1946 – 1954. nó đã làm sang trọng một hồn thơ chiến sĩ của Chính Hữu

b. Xuất xứ: In trong tập “Đầu súng trăng treo” (1966)

c. Mạch cảm xúc

- Bài thơ theo thể thơ tự do, 20 dòng chia làm 3 đoạn. Cả bài thơ tập trung thể hiện vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội, nhưng ở mỗi đoạn có sức nặng của tư tưởng và cảm xúc được dẫn dắt để dồn tụ vào những dòng thơ gây ấn tượng sâu đậm, tiêu biểu là dòng 7, 17, 20.
- Sáu câu thơ đầu có thể xem là sự lý giải về tình đồng chí. Câu thơ thứ 7 có cấu trúc đặc biệt như một sự phát hiện, một lời khẳng định sự kết tinh tình cảm giữa những người lính. 277
- Mười dòng tiếp theo, mạch cảm xúc sau khi dồn tụ ở dòng 7 lại tiếp tục khơi mở trong những hình ảnh, chi tiết, biểu hiện cụ thể, thấm thía tình đồng chí và sức mạnh của nó
- Ba dòng thơ cuối được tác giả tách ra thành một đoạn kết, đọng lại và ngân rung với hình ảnh đặc sắc “Đầu súng trăng treo” như là một biểu tượng giàu chất thơ về người lính.

B. Luyện đề

Cảm nhận của em về vẻ đẹp tình đồng chí qua bài thơ Đồng chí của Chính Hữu,

- I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm
- II. Giới thiệu khái quát về tác phẩm
- III. Cảm nhận

1. 7 câu đầu: Cơ sở hình thành tình đồng chí

1.1 Về đẹp của sự đồng cảnh

- Dẫn: Trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, những chiến sĩ dũng cảm, kiên cường chiến đấu bảo vệ tổ quốc không ai khác chính là những người nông dân mặc áo lính. Từ già quê hương, họ ra đi tình nguyện đứng trong đội ngũ những người

chiến đấu cho một lý tưởng chung cao đẹp, đó là độc lập tự do cho dân tộc. Mở đầu bài thơ là những tâm sự chân tình về con người và cuộc sống rất bình dị mà rất quen thuộc:

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

- C₁: Câu thơ đầu ấn tượng với ta bởi hình ảnh “Nước mặn đồng chua”: Cánh đồng chiêm trũng, cánh đồng ven biển, đất nhiễm mặn, ngập phèn với cái ám ảnh ngàn đời chiêm chua, mùa thối, sống ngâm da, chết ngâm xương, cuộc sống lam lũ, cơ hàn.
- C₂: Quê hương anh thì thế, làng tôi cũng không hơn “đất cày lên sỏi đá”: đưa ta về vùng trung du vùng bán sơn địa, sỏi đá lẫn vào đất đai làm cho đất bạc màu rửa trôi khiến cho cỏ cây cằn cỗi; cuộc sống vì thế cũng gieo neo, cơ cực trăm bề.
- C₁ + C₂: Tổ chức hình ảnh thơ sóng đôi “quê hương anh – làng tôi” khiến câu thơ vượt lên nỗi ôn nghèo, kể khổ thành mối đồng cảm của những người đồng cảnh ngộ.

⇒ Đó là cơ sở đầu tiên của tình đồng chí.

278

1.2. Về đẹp của sự đồng lí tưởng

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau

Súng bên súng đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ

Đồng chí!

- Hai chữ “xa lạ” khẳng định trước đó anh với tôi vốn là người chưa hề quen biết nhau, vậy mà “tự phương trời chẳng hẹn quen nhau”, họ cùng nhau hội tụ dưới mái nhà quân ngũ. “Tự phương trời” họ về đây không phải do cái nghèo xô đẩy mà họ về đây đứng trong cùng đội ngũ do họ có một lý tưởng chung, cùng chung một mục đích cao cả chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Có lẽ chính cuộc kháng chiến chống Pháp là điểm hẹn cho Cách mạng và đại đội đã thay cho gia đình. Bởi vậy cái xa lạ ban đầu đã trở thành quen nhau. Câu thơ gợi cho ta cảm nhận cái không khí của thời đại khi cả nước lên đường đi đánh giặc “xao xuyên bờ tre từng hồi trống giục”, đến tính chất toàn diện của cuộc kháng chiến.
- Đến đây hình ảnh “anh – tôi” đã mờ nhoà đi, mà đã trở thành một “đội” song hành

thể hiện sự gắn bó tương đồng của họ trong nhiệm vụ và lí tưởng chiến đấu:

Súng bên súng đầu sát bên đầu

- Những chữ “bên, sát bên” kết hợp với cách diễn đạt đầy ấn tượng “súng bên súng”, “đầu sát bên đầu” gợi sự gắn bó khăng khít của người lính trong cuộc sống quân ngũ. Đó là sự tâm đầu ý hợp, sự quyết tâm cao trong nhiệm vụ chiến đấu.
- Hình ảnh thơ vừa mang tính chất thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng. “Súng” vừa là hình ảnh thực: vũ khí, vừa biểu tượng cho nhiệm vụ cao cả, sứ mệnh thiêng liêng của người lính ở nơi đầu trận chiến, còn “đầu” gắn kết “bên, sát bên” gợi tả chân thực về người lính giờ trực chiến những nòng súng cùng hướng về phía trước, những mái đầu xanh kề sát bên nhau; biểu tượng đẹp cho những người cùng lý tưởng, chung một chiến hào.
- Bên cạnh đó, chung lý tưởng, họ cùng nhau chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui của cuộc đời người lính:

279

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ

- Câu thơ không đi vào miêu tả cụ thể mà mang tính chất khái quát, thâu tóm, tổng kết. Chọn thời gian “đêm rét”, câu thơ không chỉ gợi mở ra thời gian mà còn khắc họa hoàn cảnh khắc nghiệt của thời tiết với cái rét cắt da cắt thịt của những đêm đông giá lạnh đồng thời gợi lên những khó khăn gian khổ của cuộc đời người lính trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến. Đó là thực tế mà ai cũng phải nếm trải trong những năm kháng chiến ấy.
- Có điều lạ là thơ ca Cách mạng Việt Nam nói tới gian khổ chỉ để khẳng định sự quyết tâm và để nhấn mạnh cái nghĩa tình. Những câu thơ nói tới cái rét mà ta không hề thấy rét ngược lại chỉ gợi cho người đọc thấy sự ấm cúng của tình đồng đội.
- Liên hệ: Ba anh bộ đội trong thơ Lê Kim chung nhau một cái chăn hẹp, đắp ngang, đắp dọc gì cũng rét, rét đến không ngủ được cứ nằm nghe tiếng lá chuối khô phàn phật trong gió. Nhưng chính vào lúc giá lạnh nhất, câu thơ lại có bao nhiêu sự ấm áp:

Ba thằng quặp chặt gió lửa vào đầu

Nửa đêm sương gọi mái đầu

Chòi cao phàn phật mấy tàu chuối khô

- Câu thơ của Chính Hữu cũng vậy. Cái rét tạo nên tình tri kỷ của hai người lính “chung chăn”. Hai tiếng “chung chăn” đặt giữa câu thơ nghe sao mà ấm áp tình người. Các anh “chung chăn” nghĩa là chung cái khó khăn gian khổ của cuộc đời người lính và họ chia sẻ cho nhau hơi ấm tình người. Chỉ một từ “chung” giản dị đã diễn tả một cách sâu sắc sự sẻ chia của người lính. Câu thơ nói về cái rét mà ấm áp tình người. Phía sau câu thơ nói về giá rét lạnh lẽo cháy một ngọn lửa ấm nồng của tình đồng chí, đồng đội. Tắm chăn ấy đắp lại, biết bao tâm tình mở ra: cảnh ngộ quê hương, niềm vui nỗi buồn được bộc bạch – các anh kể cho nhau nghe những niềm vui nỗi buồn cảnh ngộ bản thân. Đó chính là sự chia ngọt sẻ bùi.
- Không biết từ lúc nào họ trở thành “đôi tri kỉ”. Từ “đội” được dùng rất hay. Không phải hai mà là đôi. Người ta hay nói đôi dép, đôi đũa... nghĩa là đôi gọi một cái gì đó gắn bó không thể tách rời. Vậy thì tôi và anh, anh và tôi gắn bó với nhau, thấu hiểu nhau là hai mà dường như đã trở thành một. Ba chữ “đôi tri kỉ” đã gắn kết những người lính lại với nhau thành đôi bạn thân, hiểu bạn như hiểu mình, gọi tình bạn cao quý, thiêng liêng, gọi bạn là “tri kỉ” đủ cho thấy Chính Hữu²⁸⁰ trân trọng đến nhường nào mối tình đồng đội.
 - ⇒ Như vậy, sáu câu thơ với kết cấu song hành, hình ảnh thơ chân thực..., tác giả đã lý giải cơ sở làm nên tình đồng chí, đồng đội của những người lính: từ chỗ xa lạ các anh đã gặp nhau, quen nhau, họ tìm thấy mối duyên tình đồng đội từ đó làm nên “tri kỉ”. Đó là cả một quãng thời gian chia sẻ với nhau những thiếu thốn của cuộc đời quân ngũ. Tất cả kết đọng thành tình đồng chí thiêng liêng: Đồng chí!
- Nhịp thơ đang dần trải rộng cô đọng lại, giọng thơ trầm lắng thiết tha, câu thơ rút ngắn đột ngột bằng một từ hai tiếng “Đồng chí” được tách thành một dòng thơ đặc biệt.
- Câu thơ giống như một tiếng gọi của những người đồng chí cùng chiến đấu với một giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết, thân thương thể hiện tình cảm gắn gũi thân thương của những người lính.
- Đó là hai tiếng mà bộ đội ta hay gọi nhau từ những ngày đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Hai tiếng giống như một sự phát hiện, một lời khẳng định về vẻ đẹp của tình đồng chí, nhấn mạnh sự thiêng liêng cao cả trong tình cảm mới mẻ này.
- Hai tiếng như một nốt nhạc ngân nga, một nốt nhấn rung lên trong bản đàn tình

cảm của những người lính dành cho nhau. Và khi họ gọi nhau là đồng chí họ không chỉ còn là người nông dân nghèo đói lam lũ, mà họ đã trở thành anh em trong cả một cộng đồng với một lý tưởng cao cả vì đất nước quên thân để tạo nên sự hồi sinh cho quê hương, cho dân tộc. Đồng chí là những người cùng chung chí hướng, lý tưởng, đồng chí vừa là tình chiến đấu, vừa là tình bạn bè thân thiết, đồng chí đánh dấu sự trưởng thành những người nông dân mặc áo lính. Đồng chí là đỉnh cao của tình bạn, tình người, tình đồng đội. Đó là hai tiếng thiêng liêng mà những người cùng chung chí hướng gọi nhau suốt chiều dài lịch sử và đến tận hôm nay. Hai tiếng đồng chí như là bản lề gắn kết đoạn thơ đầu với đoạn hai của bài thơ, khép mở khái quát cảm xúc của hai câu thơ đầu, đồng thời mở ra, khơi nguồn mạch cảm xúc của các câu thơ tiếp theo.

⇒ Tóm lại, bảy câu thơ đầu được viết với thể thơ tự do, nhịp 1, giọng thơ bình dị, tự nhiên thủ thi tâm tình, cấu trúc sóng đôi với những hình ảnh thơ chân thực gần gũi, gợi cảm, giàu ý nghĩa biểu tượng, cách viết câu linh hoạt²⁸¹ và sáng tạo. Đoạn thơ có thể xem là cách lý giải về tình đồng chí theo cách cảm, cách nghĩ của người lính nông dân. Quê hương của Chính Hữu không phải vùng nước mặn đồng chua, cũng chẳng phải vùng đất cày lên sỏi đá nhưng tâm tư của người lính trong bài thơ cũng chính là tâm tư, nỗi lòng của Chính Hữu. Viết từ chính nỗi niềm của mình, từ kỉ niệm sống của chính mình với đồng đội nên những câu thơ chân chất giản dị mà vẫn có sức ngân rung. Chính Hữu đã chỉ cho ta thấy một cách cảm động những cơ sở hình thành tình đồng chí. Những câu thơ mở đầu có thể xem là những nốt nhạc dạo đầu trong bản nhạc, khúc ca về tình đồng chí đồng đội để từ đó người đọc cảm nhận sâu sắc hơn sức mạnh và biểu hiện cụ thể của tình đồng chí ở những câu thơ sau

2. 10 câu tiếp: Những biểu hiện của tình đồng chí

2.1. Vẻ đẹp của sự đồng cảm

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính

- Rời nhà đi kháng chiến, họ cùng chung nỗi nhớ quê hương da diết nhớ về “giếng nước, gốc đa, ruộng nương” – những tài sản hết sức quen thuộc gắn bó với người dân làng quê Việt Nam. Đối với họ, đó là những tài sản quý báu nhất vậy mà anh

lính đã sẵn sàng “gửi” lại bạn thân cày” để lên đường đi đánh giặc theo tiếng gọi thiêng liêng của tổ quốc.

- Từ “gửi” đặt giữa dòng thơ cho ta thấy được sự tin tưởng gần như tuyệt đối của những chàng trai cày đối với hậu phương. “Gian nhà không mặc kệ gió lung lay” là hình ảnh thơ gây xúc động mạnh mẽ đến độc giả. “Gian nhà không” là gian nhà nghèo hay gian nhà vắng chủ, nó không đủ sức chống chọi với gió mưa, nên chỉ có thể “mặc kệ gió lung lay”. Từ “mặc kệ” đặt giữa dòng thơ thể hiện thái độ dứt khoát và đầy quyết tâm của người lính khi ra đi vì nghĩa lớn. Họ sẵn sàng hi sinh tình cảm vật chất và hạnh phúc cá nhân vì tình yêu tổ quốc. Đó là sự hy sinh thầm lặng mà cao cả. Tinh thần ấy phần nào giống hình ảnh của những người trượng phu ra đi đánh giặc cứu nước trong thi Nguyễn Đình Thi:

Người ra đi đâu không ngoảnh lại

Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy

282

Hay hình ảnh của người lính trong thơ Thâm Tâm:

Người đi ừ nhỉ người đi thật

Mẹ thà coi như chiếc lá bay

Chị thà coi như hạt bụi

Em thà coi như hơi rượu say...

(Tống biệt hành)

- Song dù dứt khoát, mạnh mẽ ra đi, dù mặc kệ tất cả nhưng trong sâu thẳm tâm hồn những người nông dân chân thật ấy vẫn nặng lòng với quê hương. Các anh ra đi mang theo nỗi nhớ quê hương vào trong chiến đấu. Nỗi nhớ ấy kín đáo gửi gắm qua hình ảnh:

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính

- Hình ảnh “giếng nước gốc đa” gợi ra hình ảnh mộc mạc, bình dị mà quen thuộc nơi làng quê. Giếng nước là không gian dân làng tụ họp sớm chiều, gốc đa đầu làng là nơi ta hẹn hò, điểm cuối cùng của cuộc tiễn đưa và cũng là điểm đầu tiên của ngày gặp lại. Có thể nói, “giếng nước gốc đa” là hình ảnh hoán dụ chỉ xóm làng, quê hương, hậu phương -những gì gần gũi, thân thương - nhớ các anh, tin cậy và truyền thêm sức mạnh cho các anh để các anh được “chân cứng đá mềm”.
- Bên cạnh đó, “giếng nước gốc đa” còn được nhân hóa qua từ “nhớ” gợi lên tình cảm hai chiều giữa người lính và quê hương: Quê hương nhớ người ra lính hay

cũng chính là người ra lính không nguôi nhớ về quê hương. Câu thơ cho ta cảm nhận hình ảnh quê hương luôn sống trong trái tim người lính, là sức mạnh và động lực cho các anh chiến đấu. Lời thơ ngập tràn ngọn gió của nỗi nhớ thương quặn luyến, người chiến sĩ và quê hương có mối giao cảm tuyệt vời. Có phải vì tình yêu quê hương là biểu tượng cao nhất của tình yêu tổ quốc.

⇒ Như vậy, ba câu thơ với hình ảnh “ruộng nương, gian nhà, giếng nước gốc đa”, hình ảnh nào cũng thân thương, cũng ấm áp một tình quê, một nỗi nhớ thương vui đầy. Nhắc tới nỗi nhớ da diết này, Chính Hữu đã nói đến sự hi sinh không mấy dễ dàng của người lính. Ở ba câu trên, Chính Hữu không viết về mình mà viết về bạn, không nói về tôi mà chỉ nói về anh, có lẽ bởi tôi và anh đã hòa cùng làm một, nỗi nhớ của anh cũng là của tôi, những người lính đã trở thành đồng chí của nhau, thực sự thấu hiểu tâm tư tình cảm của nhau.²⁸³ Cả hai đã hòa chung vào nỗi nhớ quê hương da diết, tình cảm đồng chí thật sâu nặng đầm thắm. Ta chợt hiểu thì ra nói nỗi lòng của bạn cũng là nỗi nhớ của chính bản thân mình. Do thương bạn mà quên mất bản thân mình hay bạn cũng chính là mình. Cả hai đã thực sự hoà làm một.

2.2. Về đẹp của tinh thần đồng cam cộng khổ

a. Cộng khổ

*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày*

- Khổ vì bệnh tật (2 câu đầu)

- “ớn lạnh, sốt run người, ướt mồ hôi” diễn tả những trạng thái dữ dội kinh hoàng, tô đậm cái vất vả, hy sinh mà người lính phải trải qua trong những năm tháng dài chinh chiến.
- “anh, tôi” kết hợp không biết”: đã trải qua, mới dễ bề thông cảm, thương xót lẫn nhau.

⇒ Những câu thơ lẫn vào cơn sốt. Tinh đồng chí đã hình thành và lớn lên từ

những kỉ niệm sống như thế. Nghệ thuật sóng đôi vẫn tiếp tục được sử dụng, chạy dọc bài thơ. Không còn anh và tôi tách biệt đứng riêng ở hai dòng mà đã là anh và tôi khi hai người cùng chung cái thiếu thốn thuốc men và bệnh tật. Thế mới biết cuộc sống người lính gian khổ biết bao nhiêu.

- Khổ vì thiếu thốn (4 câu tiếp)

- Diễn xuôi ý thơ: Áo anh rách vai, quần tôi thì có vài mảnh vá, miệng cười buốt giá vì nổi chân không giày.
- Câu thơ ngắn, nhịp thơ nhanh, giọng thơ nhẹ nhõm, tràn đầy tinh thần lạc quan, khỏe khoắn.
- Hình ảnh chân thực
- Bút pháp tả thực
- Cách tổ chức hình ảnh sóng đôi

284

⇒ Giúp Chính Hữu diễn tả môi cộng khổ đồng cam đầy sinh động của người lính cụ Hồ.

⇒ Liên hệ: Những hình ảnh thơ chân thực khiến ta liên tưởng tới những câu thơ trong bài “Ngày về”, dù ít nhiều mang màu sắc lãng mạn nhưng Chính Hữu cũng đã từng viết về những anh lính với những khó khăn, thiếu thốn:

Rách tả tôi rồi đôi giày vạn dặm

Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa

- Vậy mà vượt lên trên tất cả, các anh cùng trao nhau nụ cười: “Miệng cười buốt giá”. Câu thơ có kết cấu đối lập, tương (đối lập giữa nụ cười với sự khắc nghiệt của thời tiết, giữa sự lạc quan với khó khăn gian khổ) thể hiện sâu sắc tinh thần lạc quan vượt lên trên hoàn cảnh của người lính. Nụ cười bừng sáng lên trong giá rét, nụ cười của nghị lực, của lý trí của niềm tin chiến thắng, nụ cười làm ấm lòng người chiến sĩ, nụ cười động viên nhau vượt qua khó khăn.

b. Đồng cam

Thương nhau tay nắm bàn tay

- “Tay nắm bàn tay”: Thông thường, ở tình bằng hữu, người ta nắm tay nhau lúc chia li hoặc khi hội ngộ. Người lính của Chính Hữu lại nắm tay nhau ở bên nhau, họ nắm tay nhau không phải để tạm biệt, không phải để chào mừng mà nắm tay nhau để xua đi giá lạnh đêm rừng, truyền cho nhau hơi ấm, động viên nhau vượt qua thử thách, gian lao.

⇒ Cái nắm tay đồng đội đã nói giùm người lính những điều không phải giờ nói hết được bằng lời:

Phút chia tay, ta chỉ nắm tay mình

Điều chưa nói, thì bàn tay đã nói

(Lưu Quang Vũ)

⇒ Đánh giá luận điểm: Những câu thơ với những hình ảnh thơ chân thực trong phép liệt kê với những câu thơ kết cấu sóng đôi (nghệ thuật) đã thể hiện xúc động về đẹp của tình đồng chí trong hoàn cảnh gian lao thiếu thốn của cuộc kháng chiến chống Pháp (nội dung). Đồng chí không chỉ là hiểu tâm tư nỗi lòng của nhau, đồng chí còn là chia sẻ những giao lao cả những bệnh tật.²⁸⁵ Đoạn thơ gieo vào lòng độc giả niềm yêu thương cảm phục với anh bộ đội cụ Hồ thời kì đầu kháng chiến chống Pháp. Chính cuộc đời người lính sống trong tình đồng chí đồng đội đã cho Chính Hữu một tâm hồn thi sĩ để biết rung động và biết yêu thương. Sự trải nghiệm thấm thía của bản thân đã giúp Chính Hữu viết nên những câu thơ hay và giàu sức gợi lấp lánh niềm tin, lạc quan, sự sẻ chia mà những người lính dành cho nhau.

⇒ Những con người “một thời và mãi mãi”

3. 3 câu cuối: Vẻ đẹp của đồng đội tâm hồn

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo

- “Đêm nay” gợi thời gian chiến đấu, giáp mặt với kẻ thù đã là muôn vàn khó khăn, bây giờ lại giáp mặt với chúng trong cảnh đêm rừng. Bên nỗi khó khó, các anh phải đối mặt với nguy hiểm rập rình.
- “Rừng hoang sương muối” gợi không gian lạnh lẽo thấu xương, không gian hoang vu của chốn núi thẳm rừng sâu của nơi ma thiêng nước độc của chốn hùm beo, thú dữ rập rình.

⇒ Câu thơ đầu giản dị như một lời kể nhưng đã dựng lên cả một hoàn cảnh chiến đấu vô cùng gian khổ, khó khăn để nhà thơ lấy đó làm điểm tựa cho vẻ đẹp của người lính tỏa sáng.

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

- Trãi ra cả bài thơ là hình ảnh “anh - tôi” có khi đứng trong một câu thơ, có khi

tách ra làm hai dòng nhưng đến đây không còn “anh” cũng chẳng còn “tôi” mà “tôi” với “anh” đã hòa làm một. Không có bất kì đại từ xưng hô nào, tình đồng chí đồng đội trở nên gắn bó keo sơn trong chiến đấu.

- Họ lặng lẽ “đứng cạnh bên nhau” giữa đêm giá rét như để truyền cho nhau hơi ấm, sức mạnh đoàn kết để vượt qua gian khó. Từ “chờ” đã nói rõ cái tư thế, tinh thần chủ động sẵn sàng bình thản đánh giặc của họ. Cái chủ động trong dáng đứng, trong cái nhìn và cả trong tâm hồn.
- Hình ảnh người lính “đứng cạnh bên nhau” làm mờ đi cái gian khổ ác liệt tạo nên tư thế thành đồng vách sắt trước quân thù. Rõ ràng khi những người lính ²⁸⁶đứng cạnh bên nhau vững trãi, truyền cho nhau hơi ấm thì tình đồng chí đã trở thành ngọn lửa sưởi ấm để họ có sức mạnh vượt qua cái gian khổ, khốc liệt, giá rét ấy... Tầm vóc người chiến sĩ bỗng trở nên lớn lao anh hùng.
- Hai câu thơ đối nhau rất chính: Đối lập giữa khung cảnh lạnh lẽo buốt giá với tình cảm ấm nồng của người lính và đồng đội. Người lính đứng sừng sững trên nền cảnh thiên nhiên của rừng già như những nét khắc, nét tạc vào không gian. Người lính trở thành hình tượng trung tâm của bức tranh núi rừng. Câu thơ đã tạo dựng một bức tượng đài về anh bộ đội cụ Hồ hiên ngang và dũng cảm. Lời thơ ca ngợi sức mạnh đồng đội giúp người lính vượt lên trên gian khổ khó khăn khắc nghiệt của thời tiết sưởi ấm lòng anh giữa rừng hoang mùa đông và sương muối buốt giá
- Và trong đêm phục kích chờ giặc ấy, người lính phát hiện vẻ đẹp bất ngờ của vầng trăng: “*Đầu súng trăng treo*”
- Đây là hình ảnh thực mà Chính Hữu cùng đồng đội nhận ra trong những đêm hành quân phục kích giặc như nhà thơ đã từng tâm sự: Đêm khuya, những người lính trong tư thế chờ giặc, họ hướng mũi súng về phía trước, trong giây phút ấy trăng trên vòm trời đã sà xuống thấp dần, ở vào một vị trí và tầm nhìn nào đó, vầng trăng như treo trên đầu mũi súng của người chiến sĩ
- Bốn chữ “Đầu súng trăng treo” chia làm hai vế làm nhịp thơ đột ngột thay đổi (2/2), dồn nén, như nhịp lắc của một cái gì đó chông chênh gây sự chú ý cho người đọc. Từ “treo” kết hợp với nghệ thuật đảo ngữ đã nên một mối quan hệ bất ngờ độc đáo, nối liền hai sự vật vốn ở cách xa nhau – mặt đất và bầu trời, gợi những liên tưởng thú vị, bất ngờ.
- Hình ảnh thơ còn mang ý nghĩa biểu tượng gợi nhiều liên tưởng phong phú,

"Súng" là biểu tượng của chiến tranh khói lửa, biểu tượng cho tinh thần quyết chiến bảo vệ hoà bình, còn "trăng" là biểu tượng cho cái đẹp, cho niềm vui lạc quan, cho sự bình yên của cuộc sống. Súng thuộc về người chiến sĩ, trăng thuộc về tâm hồn nghệ sĩ. Sự hoà hợp giữa súng và trăng làm toát lên vẻ đẹp tâm hồn người lính tổng lạc quan. Súng và trăng tưởng như trái ngược và tương phản nhưng lại hoà hợp với nhau kết hợp hài hòa giữa hiện thực và lãng mạn, chất chiến sĩ và thi sĩ trong tâm hồn người lính. Súng và trăng là "một cặp đồng chí tô đậm vẻ đẹp của những cặp đồng chí đang "đứng cạnh bên nhau. Chính tình đồng chí đã làm cho người chiến sĩ cảm thấy cuộc đời vẫn đẹp, vẫn thơ, tạo cho họ sức mạnh chiến đấu và chiến thắng. Họ tham gia chiến đấu là bảo vệ hoà bình, bảo vệ vàng trăng.

- Bình: Chỉ một khoảnh khắc thưởng thức ánh trăng thôi nhưng ta có thể thấy tâm hồn lãng mạn của những anh lính. Khi bước vào đời lính, có lẽ đây chính là những giây phút thanh bình làm cho tâm hồn người chiến sĩ dịu bớt đi những lo lắng đời thường, cho họ thêm sức mạnh để chiến đấu, chiến thắng kẻ thù, ước mơ về một ngày độc lập. Có thể nói câu thơ như nhãn tự của cả bài thơ, là biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí.
- Hình ảnh "Đầu súng trăng treo" ta đã bắt gặp nhiều trong thơ ca: "*Ánh sao đầu súng, bạn cùng mũ nan*" (Tố Hữu), "Heo hút cồn mây súng ngửi trời" (Quang Dũng). Nhưng liên tưởng của tác giả vẫn khiến người đọc không khỏi bất ngờ, thú vị. Hình ảnh thơ là một sáng tạo thi ca mang vẻ đẹp lãng mạn của thơ ca kháng chiến được Chính Hữu đặt tên cho tập thơ đầu tay của mình. Hình ảnh này giúp người đọc hiểu được tâm hồn cao cả lấp lánh ánh lạc quan của cuộc đời người lính. Các anh xứng đáng là những con Người đẹp nhất trong cuộc kháng chiến trường trường kì.
⇒ Đoạn thơ kết thúc bài thơ là một bức tranh đẹp về tình đồng chí của người lính tráng lệ mộc mạc giản dị nhưng rất cao cả, thiêng liêng.

IV. Đánh giá tổng hợp

- Nghệ thuật Thể thơ tự do, giọng thơ thủ thỉ tâm tình kết hợp giữa tự sự, biểu cảm. hình ảnh thơ chân thực, giản dị, mộc mạc, ngôn ngữ thơ cô đọng, lần số, kết cấu bài thơ sáng tạo sử dụng nhiều hình ảnh sóng đôi,
- Nội dung: Ca ngợi vẻ đẹp của tình đồng chí giữa những người lính từng tham gia

chiến đấu từng trải qua thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp, trở thành một trong những trái tay đã sắc về hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ. Có thể nói chính cuộc kháng chiến chống Pháp, đã khiến cho tình đồng chí, đồng đội được tôi luyện và củng cố thêm vững chắc Tình đồng chí mãi là tình cảm thiêng liêng, là sự kết tinh của tình người, tình tre, tình tri kỷ.

- Nếu không phải là một người lính từng tham gia chiến đấu từng trải qua những gian khổ của cuộc kháng chiến thì có lẽ Chính Hữu sẽ không thể viết về tính cá đồng chí chân thực và cảm động đến vậy. Đặt tác phẩm trong hoàn cảnh ra đời và tình hình văn học hồi ấy ta càng thấy giá trị của nó. Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống pháp, phần lớn các tác giả khi viết về người lính cách mạng thường chỉ khai thác cảm hứng lãng mạn anh hùng với những hình ảnh mang dáng dấp anh hùng trượng phu như Đèo cả - Hữu Loan, Tây Tiến - Quang Dũng, hay ngay bản thân Chính Hữu vào đầu năm 1947 cho ra tác phẩm mang tên “Ngày về” với những câu thơ mang đậm chất lãng mạn.
- “Đồng chí” của Chính Hữu đã góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của người lính, mở ra khuynh hướng khai thác viết về quần chúng kháng chiến, cảm hứng thơ hướng về chất thực của cuộc sống, khai thác chất thơ về đẹp của người lính trong cái bình dị chân thật, đời thường. Có lẽ chính vì vậy mà bài thơ đã đi vào lòng bạn đọc một cách tự nhiên và đã được phổ nhạc thành bài hát “Tình đồng chí đã làm đắm say biết bao thế hệ người nghe.
- Bài thơ gọi trong người đọc sự khâm phục, trân trọng và xúc động trước những tình cảm cao đẹp của người lính trong cuộc kháng chiến chống Pháp, giúp ta hiểu sâu sắc về cuộc sống kháng chiến đầy gian khổ của quân đội ta, biết ơn công lao của các thế hệ cha anh đi trước đã chiến đấu bền bỉ, gian khổ đem lại độc lập tự do cho dân tộc.

C. Tham khảo các đề bài sau

1. Phân tích bảy câu đầu bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu.
2. Nêu ý nghĩa nhan đề của bài thơ “Đồng chí” - Chính Hữu.
3. Có ý kiến cho rằng: “Bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu là một bức tranh tráng lệ, cao cả, thiêng liêng về người chiến sĩ trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp”. Em hãy phân tích bài thơ để làm sáng tỏ ý kiến trên.

4. Phân tích bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu để thấy bài thơ diễn tả sâu sắc tình đồng chí gắn bó thiêng liêng của anh bộ đội thời kháng chiến.

5. “Trong muôn vàn nốt nhạc của tình cảm con người, phải chăng tình đồng chí là cung bậc tình cảm đẹp nhất, lý tưởng nhất?”. Em hãy phân tích bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu để trả lời cho câu hỏi trên.

6. Bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu là một bài thơ trữ tình tha thiết. Hãy cho biết ý kiến của em về bài thơ. 7. Cảm nhận hình tượng người lính trong khổ cuối bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu. 289

8. “Thơ là thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp” (Sóng Hồng). Qua bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên. 9. Cảm nhận của em về hình ảnh trăng trong những câu thơ sau

*Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo*

(“Đồng chí” của Chính Hữu)

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giết mình*

(“Ánh trăng” của Nguyễn Duy)

10. Vẻ đẹp bình dị, tự nhiên mà sâu sắc của bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu.

11. Cảm nhận sức mạnh đoàn kết của tình đồng chí giữa những người nông dân mặc áo lính trong bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu. Từ đó nêu suy nghĩ của em về sức mạnh đoàn kết của thế hệ trẻ ngày nay. 12. Phân tích hai đoạn thơ sau:

*Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo*

(“Đồng chí” của Chính Hữu)

*Những chiếc xe từ trong bom rơi
Đã về đây họp thành tiểu đội
Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới
Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi*

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật)

Từ đó, chỉ ra điểm gặp gỡ trong cách thể hiện hình tượng người lính của hai nhà thơ.

13.“...*Nền tảng của bất kỳ tác phẩm nào phải là chân lý được khắc họa bằng tất cả tài nghệ của nhà văn. Cần phải hát đúng giai điệu về thời đại mình và phải miêu tả nó một cách trung thực bằng những hình ảnh hấp dẫn, không một chút giả tạo*” (Ra-xun Gam-da-tốp)
290

Em hiểu như thế nào về ý kiến trên? Phân tích bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu để làm sáng tỏ ý kiến ấy.

CHIẾC LƯỢC NGÀ

A. Kiến thức cơ bản

1. Tác giả

- Nguyễn Quang Sáng (1932 – 2014) là cây bút truyện ngắn xuất sắc, một nhà văn của vùng đất Nam Bộ mến thương.
- Ông chủ yếu hướng ngòi bút đến cuộc sống và con người Nam Bộ trong chiến tranh và sau hoà bình.
- Truyện của ông thường có cốt truyện hấp dẫn, xoay quanh những tình huống khá bất ngờ nhưng tự nhiên hợp lý.
- Nghệ thuật kể chuyện, dẫn chuyện của tác giả thường thoải mái, tự nhiên với giọng thân mật, dân dã.
- Ngôn ngữ truyện rất gần với khẩu ngữ và đậm màu sắc Nam Bộ.

2. Tác phẩm

1. Hoàn cảnh sáng tác

- Năm 1966
 - Thời điểm cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra cam go, quyết liệt.
 - Những năm 1966 khi cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra vô cùng ác liệt lúc bấy giờ, tất cả mọi người đều nêu cao chủ nghĩa anh hùng, đều nhiệt tình tham gia kháng chiến
 - Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” mặc dù được viết năm 1966 nhưng thời gian của các sự kiện được kể trong câu chuyện trải dài từ cuộc kháng chiến chống Pháp (1946 -1954) và những ngày sau hiệp định giơ-ne-vơ cho đến cuộc kháng chiến chống Mỹ.
2. Chủ đề: Qua tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên, truyện đã thể hiện một cách cảm động tình cha con cao đẹp, sâu nặng. Tình cảm của người cha đối với con được khắc họa qua nhân vật ông Sáu.
3. Tình huống truyện
- ◆ Tình huống 1: Sau tám năm, anh Sáu về phép thăm nhà, bé Thu không chịu nhận ra anh là cha. Đến lúc nhận ra thì anh Sáu phải lên đường trở lại chiến khu.
 - ◆ Tình huống 2: Ở nơi chiến khu, anh Sáu dồn hết tâm sức làm chiếc lược ngà để tặng con gái nhưng đã hy sinh khi chưa kịp trao món quà ấy cho con. ⁴²⁴
4. Ý nghĩa tình huống truyện
- ◆ Về nghệ thuật: Giúp cho câu chuyện diễn ra một cách tự nhiên và hợp lý nhưng cũng đầy kịch tính, đầy yếu tố bất ngờ, thể hiện một cách rõ nét diễn biến tâm trạng cũng như tính cách của nhân vật.
 - ◆ Về nội dung: Nếu tình huống thứ nhất thể hiện sâu sắc tình cảm mãnh liệt của bé Thu dành cho ba thì tình huống thứ hai đã giúp Nguyễn Quang Sáng làm nổi bật tình yêu thương con thắm thiết của người cha.
5. Ngôi kể
- ◆ Ngôi thứ nhất - xưng tôi, người kể chuyện là bác Ba - một nhân vật tham gia và chứng kiến toàn bộ câu chuyện cha con giữa ông Sáu và bé Thu, đồng thời là một người bạn, người hàng xóm, người bạn chiến đấu, đồng chí đồng đội của ông Sáu.
 - ◆ Tác dụng
 - Tạo cho câu chuyện trở nên đáng tin cậy, lời kể khách quan, chân thực

giúp người kể bộc lộ sự đồng cảm, chia sẻ với các nhân vật khác trong truyện

- Giúp người kể chuyện chủ động điều khiển nhịp kể theo cảm xúc cá nhân, và có thể xen vào những ý kiến bình luận, suy nghĩ để dẫn dắt sự tiếp nhận của người đọc.
- Qua ý nghĩ và cảm xúc của người kể chuyện, các chi tiết sự việc, các nhân vật trong truyện hiện lên một cách rõ nét hơn, và bộc lộ rõ hơn những ý nghĩa và tư tưởng của truyện giúp cho câu chuyện trở nên thuyết phục, hấp dẫn.

B. Luyện đề

B.1. Cảm nhận về tình yêu thương con của nhân vật ông Sáu.

I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận

II. Giới thiệu khái quát về tác phẩm (A)

- Cuộc chiến tranh tàn khốc đã gây ra bao cuộc sinh li tử biệt, vợ xa chồng, cha xa con, cả gia đình ly tán... Chiến tranh đã cướp đi sinh mạng, xương máu của biết bao người con Việt Nam, nhưng cũng trong chiến tranh, những tình cảm thiêng liêng nhất của con người đã được bộc lộ một cách mãnh liệt nhất: tình yêu đôi lứa, tình đồng chí đồng đội, tình yêu quê hương, và đặc biệt là tình cảm gia đình⁴²⁵. “Chiếc lược ngà” là một tác phẩm tiêu biểu cho tình cảm thiêng liêng ấy: tình cha con mãnh liệt.
- Giới thiệu chung về nhân vật: Ông Sáu là nhân vật chính, linh hồn của tác phẩm, góp phần thể hiện tư tưởng của tác phẩm. Ông Sáu là một người chiến sĩ cách mạng kiên trung, chiến đấu ngoan cường, trung thành với cách mạng, gắn bó với quê hương. Nhưng viết về ông Sáu, nhà văn không đi sâu khai thác khía cạnh ấy mà chủ yếu tô đậm và làm nổi bật tình phụ tử trong hoàn cảnh éo le của cuộc chiến tranh.

III. Phân tích, chứng minh *tình thương con của ông Sáu*

a. Nỗi khao khát được gặp con

- Chiến tranh xảy ra, cũng giống như bao người con của quê hương, ông Sáu cũng từ giã gia đình đi chiến đấu. Khi ông đi đưa con gái đầu lòng và cũng là đứa con duy nhất của ông chưa đầy một tuổi. Rồi nhà đi kháng chiến từ năm 1946 và suốt cả tám năm ông chưa một lần được về thăm nhà.

- Người vợ có vài lần lặn lội lên tận chiến khu miền Đông thăm chồng. Lần nào vợ lên, ông cũng bảo vợ đưa con đến. Nhưng cái cảnh đi thăm chồng ở chiến trường miền Đông không đơn giản. Người vợ không dám đưa con qua rừng. Nghe vợ nói có lí ông Sáu không trách được dù rất nhớ con. Ông chỉ có thể nhìn thấy con qua tấm ảnh vợ mang đến. Vậy là, suốt ngần ấy năm người cha ấy chưa một lần được gặp con.
- Có hiểu sự xa cách dài đằng đẵng ấy ta mới cảm nhận hết được nỗi lòng ông Sáu khi ông được trở về. Kháng chiến chống Pháp kết thúc, hoà bình lập lại, lúc này ông Sáu mới có dịp về thăm vợ con nhưng chỉ là vài ngày ngắn ngủi. Giây phút trở về tình người cha cứ nôn nao”. Đó là sự hồi hộp xen lẫn niềm vui sướng khi niềm mơ ước gặp con đã sắp thành hiện thực.
- Xuống vào bên “thấy một đứa bé đỏ tám tuổi tóc cắt ngang vai, mặc quần đen, áo bông đỏ đang chơi nhà chòi dưới bóng cây xoài trước nhà. Linh tính của người cha đã mách bảo ông đó chính là con gái mình”.
- Đoán biết là con “không chờ xuống cập bên”, ông “nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra”, “bước vội những bước dài, rồi dừng lại kêu to”. Một loạt những hành động cuống quýt, vội vã cho thấy sự nóng lòng muốn được gặp con của ông Sáu. Người cha có thể chờ đợi tám năm nhưng khi thấy con ông không thể chờ thêm phút giây nào nữa. Lúc này ta cảm nhận được ông Sáu đang khao khát được ôm con biết nhường nào?
- Cái tiếng gọi “Thu! Con xiết bao thân thương trĩu mền biểu lộ bao niềm yêu thương, khao khát, đợi chờ sau bao năm chờ đợi. Đó là tiếng gọi của tình phụ tử, tiếng gọi chứa đựng niềm xúc động và hạnh phúc của một người cha sau bao nhiêu năm xa cách mới được gặp đứa con yêu.
- Cùng với tiếng gọi của tình phụ tử là những cử chỉ đón đợi của người cha “vừa bước vừa khom người đưa tay đón chờ con”. Niềm xúc động dâng trào trong phút giây gặp mặt khiến cho vết sẹo trên mặt ông đỏ lên, gằn gặt. Vẫn với vẻ xúc động ấy, hai tay vẫn đưa về phía trước, ông chậm chậm bước tới, giọng lập bập run run “Ba đây con! Ba đây con!”.Cánh tay mở rộng chờ đợi được ôm cái hình hài máu mủ, tiếng gọi lập bập run run của người cha trước đứa con thơ. Một loạt cử chỉ, hành động miêu tả diễn biến tâm trạng ông Sáu hết sức tinh tế khiến người đọc xúc động.

- Trớ trêu thay, con bé đã không nhận ra ông là cha nó. Nó kêu thét lên và bỏ chạy. Nếu như lúc trước ông mong mỏi, xúc động bao nhiêu thì giờ đây ông đau đớn bấy nhiêu. Cái cánh tay đưa ra đợi chờ đón nhận tình yêu thương thì giờ đây “buông thõng xuống như bị gãy”. Nỗi đau tinh thần được cụ thể hoá bằng nỗi đau thể xác thật khéo léo và tinh tế. Ta có thể hình dung ra sự sâu khổ, đau buồn trong lòng ông Sáu lúc này. Nó đã dập tắt đi nỗi nhớ thương khao khát suốt tám năm đằng đẳng.

⇒ Ông rơi vào trạng thái hụt hẫng, thất vọng. Một nỗi buồn tê tái như xé nát cõi lòng ông. Một nỗi đau ngoài sức tưởng tượng. Ông không thể ngờ rằng chính bom đạn chiến tranh vừa là nguyên nhân gián tiếp vừa là nguyên nhân trực tiếp của nỗi đau đớn ấy.

b. Nỗi niềm trong những ngày ở nhà

- -Dẫn: Tám năm xa vợ xa con nhưng ông chỉ được ở nhà có ba ngày rồi lại lên đường, và ra đi mãi mãi. Bởi thế những ngày nghỉ phép là giây phút quý giá vô ngần.
- Ông Sáu “suốt ngày chẳng đi đâu xa”, ông luôn tìm cách gần gũi vỗ về để bù đắp⁴²⁷ những ngày xa con. Ông “mong được nghe một tiếng gọi ba” từ con bé. Nhưng con bé kiên quyết không chịu gọi. Lòng người cha đau đớn biết nhường nào khi đứa con là máu mủ của mình gọi mình bằng “người ta”. Đau khổ nhưng phải kìm nén, ông chỉ biết cười vì “khổ tâm đến nỗi không khóc được”.
- Ông Sáu quan tâm săn sóc con từng li từng tí. Trong bữa cơm, ông gấp cho nó một cái trứng cá to vàng bỏ vào chén. Nhưng con bé so đĩa vào bát, bất ngờ hất tung cái trứng ấy ra, cơm văng tung toé cả mâm. Giận quá ông đã vung tay đánh con. Đôi bàn tay giang ra đón đợi tình yêu thương, đôi bàn tay mong chờ được ôm con vào lòng. Giờ đây phải vung lên đánh đứa con ấy.

⇒ Hành động thể hiện sự bất lực của người cha trước thái độ ương ngạnh của bé Thu. Đứa con gái đã hoàn toàn lạnh lùng trước mọi tình cảm vỗ vập của người cha. Ông càng xích lại gần, nó càng lùi xa. Ông càng chiều thương, nó càng lảng tránh. Ông càng khao khát được nghe tiếng gọi ba từ lòng con, nó càng cố tình cự nự. Ngọn lửa nồng nàn của lòng cha cứ bị những đối xử xa lánh, ương ngạnh của con dội xuống những gáo nước lạnh.

- Có những tình huống tưởng chừng như con bé không thể tương đương được nữa, ấy thế mà nó vẫn quyết liệt. (lúc cơm sôi một mình nó không thể nhắc nồi nồi để chất nước). Nó không chịu nhượng bộ, không chịu thua cuộc. Điều ấy đã làm cho ông Sáu đau khổ hết sức. Còn gì đau lòng cho bằng một người cha yêu thương con mà lại bị chính đứa con ấy kiên quyết chối bỏ.

⇒ Đi qua bao năm tháng chiến tranh, người cha ấy đã phải chịu bao nỗi đau về thể xác. Những nỗi đau đó có thấm gì so với nỗi đau tinh thần mà ông đang phải chịu.

c. Giờ phút ông Sáu lên đường

- Mấy ngày nghỉ phép rồi cũng trôi qua, ông Sáu phải lên đường trở lại chiến trường Nam Bộ. Ông cũng muốn ôm con, hôn con nhưng sợ con bỏ chạy nên thôi. Trái tim yêu thương, bao dung, độ lượng, sâu khổ của người cha thể hiện thật rõ đôi mắt “Ông chỉ còn biết đứng nhìn con với đôi mắt trù mến lẫn buồn rầu”.Chao ôi hình ảnh đôi mắt hai cha con trong giờ khắc chia xa có lẽ sẽ ám ảnh lòng người.
- Đúng giây phút ông không ngờ tới nhất thì con bé đã nhận ra cha. Ông hạnh phúc⁴²⁸ sung sướng đến rơi nước mắt khi nghe một tiếng gọi ba của con bé “Ba...a...a...ba”. Tiếng gọi ba đầu tiên và ông cũng không thể ngờ rằng đó cũng là tiếng gọi ba cuối cùng mà ông được nghe. Chỉ giây phút cuối cùng ông mới được hưởng hạnh phúc làm cha. Hạnh phúc được nghe tiếng con gọi, được ôm con đã xoa dịu tất cả những nỗi đau và sầu khổ của ông những ngày trước. Hạnh phúc khiến ông không cầm được nước mắt. Trong khoảng cách giữa hy vọng và tuyệt vọng, ông đón nhận được tình cảm thiêng liêng. Là một con người đã từng trải qua lúc đắng cay, khó khăn của cuộc chiến.
- ⇒ Tất cả bom đạn, khói lửa của chiến tranh không bao giờ khiến ông khuất phục. Vậy mà trước con ông đã khóc. Đó là giọt nước mắt của niềm hạnh phúc, vui sướng vô bờ. Giọt nước mắt yêu thương của tình phụ tử trong hoàn cảnh éo le của cuộc chiến tranh khi hạnh phúc đến với người ta quá đột ngột.
- Giờ phút ngắn ngủi, vì nhiệm vụ ông phải từ biệt đứa con gái yêu dấu của mình cùng lời hẹn ước “ba về ba mua cho con cây lược nghe ba”. Ông đã mang lời hứa ấy với con gái vào chiến.

d. Khi ông Sáu trở lại chiến khu

- Những đêm ở rừng, nằm trên võng mắt chỉ thấy tấm ni lông nóc, lúc nhớ con ông ân hận vì đã đánh con. “Nỗi khổ tâm đó cứ giày vò anh”.
- “Ba về! Ba mua cho con một cây lược nghe ba!”. Đó là mong ước đơn sơ của đứa con gái bé bỏng trong giây phút cha con từ biệt. Nhưng đối với người cha ấy, đó là mong ước đầu tiên và cũng là duy nhất. Cho nên, nó cứ thôi thúc trong lòng.
- Kiếm cho con cây lược trở thành bổn phận của người cha, thành tiếng gọi cầu khẩn của tình phụ tử trong lòng. Ông đã làm công việc ấy bằng tất cả sức mạnh và sự cố gắng của tình phụ tử. Ông đã ngồi bật dậy như loé lên một sáng kiến lớn: làm lược cho con bằng ngà voi. Có lẽ không đơn thuần vì ở rừng rú chiến khu, ông không thể mua sắm được lược cho con. Làm lược từ ngà voi là một cách khắc phục khó khăn? Mà cao hơn thế và sâu hơn thế, ngà voi là thứ quý hiếm – chiếc lược cho con của ông phải được làm bằng thứ quý giá ấy. Và ông không muốn muốn tự tay mình làm ra. Và ông sẽ đặt vào đấy tất cả tình cha con của mình.
- Kiếm được ngà voi “mặt anh hớn hờ như một đứa trẻ được quà”. Vậy đây⁴²⁹ “khi người ta hoá thành con trẻ thì lại chính là lúc người ta đang hiện lên cái tư cách người cha cao quý của mình” (Chu Văn Sơn)
- Rất sáng tạo, ông lấy vỏ đạn hai mươi li của Mỹ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, ca khúc ngà thành từng miếng nhỏ. “Những lúc rỗi, ông cưa từng chiếc răng lược, thận trọng tỉ mỉ và cố công như một người thợ bạc”. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài. Cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà ông đã gò lưng tận tâm khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân nghệ nhân chỉ sáng tạo ra một tác phẩm duy nhất trong đời. Cho nên cây lược ngà đã kết tinh trong nó tình phụ tử mộc mạc mà đậm thắm sâu xa, đơn sơ mà kì diệu làm sao!
- Chiếc lược làm xong, lời hứa với con ông đã thực hiện được. Chiếc lược đã làm dịu đi phần nào nỗi ân hận, “như gỡ rối được phần nào tâm trạng anh” và là nơi trao gửi nỗi nhớ con của ông Sáu. Những đêm nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm

rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt”.

- Khi bị đạn trúng ngực vẫn nghĩ đến mong ước của con. Ông Sáu hy sinh khi chưa kịp trao món quà cho cô con gái. Trong giờ phút cuối cùng, không đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết. Ông “đưa tay vào túi, móc cây lược” đưa cho người bạn chiến đấu thân thiết và nhìn bạn một hồi lâu. Ánh mắt, cái nhìn của ông trong giây phút cuối cùng đã nói lên tình yêu thương của ông dành cho con. Ánh mắt ấy khiến cho người bạn “không đủ lời lẽ ta lại và cho đến bây giờ vẫn “cứ nhớ lại đôi mắt” ấy.

⇒ Đó là điều trăng trối không lời, nó rõ ràng và thiêng liêng hơn cả một lời di chúc. Bởi đó là sự uỷ thác, ước nguyện cuối cùng của người bạn thân: ước nguyện của tình phụ tử. Khi người bạn – bác Ba hứa hoàn thành tâm nguyện ấy đến lúc bấy giờ ông mới nhắm mắt đi xuôi. Bắt đầu từ giây phút ấy, cây lược ngà của tình phụ tử đã biến người đồng đội thành người cha – người cha thứ hai của bé Thu.

IV. Đánh giá

- Trong văn chương, viết về tình mẫu tử dường như phổ biến hơn và dễ dàng đi vào trái tim người đọc. Bởi thế chúng ta đã có không ít những câu ca dao đẹp, những bài thơ hay và những thiên truyện cảm động viết về người mẹ và tình mẫu tử. Còn với tình cha con, không phải là không có những tác phẩm thành công nhưng dường như vẫn ít hơn và khó khăn hơn. Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng thuộc trong số không nhiều những tác phẩm thể hiện thành công và cảm động về tình cha con trong những éo le và trắc trở của chiến tranh. Chính tình cảm ấy, chính sự gắn bó ấy của các thế hệ là cội nguồn của sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, kiên cường mà cũng rất đổi nhuần nhị, nhân hậu, thiết tha của những con người trên mảnh đất Nam Bộ. Tình cảm đó là một vẻ đẹp mang giá trị nhân bản sâu sắc, được nhà văn viết bằng tất cả thái độ ngợi ca, trân trọng.
- Vẻ đẹp của tình cha con được thể hiện qua nghệ thuật xây dựng tình huống bất ngờ mà tự nhiên hợp lý. Ngôi bút miêu tả tâm lý và tính cách nhân vật khéo léo. Từng diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Sáu được thể hiện một cách rất tinh tế qua các yếu tố ngoại hình, cử chỉ, hành động, lời nói... Cách chọn người kể chuyện thích hợp cũng góp phần thể hiện một cách cảm động tình phụ tử. Người kể chuyện là bác Ba – một người bạn thân thiết của ông Sáu, người chứng kiến

toàn bộ câu chuyện tạo sự chân thực. Hơn nữa người kể dễ dàng bộc lộ cảm xúc, ý nghĩ, điều khiển nhịp kể theo trạng thái cảm xúc của mình.

B.2 Đề 2: Cảm nhận về tình yêu thương ba của bé Thu

I. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nội dung nghị luận

II. Giới thiệu khái quát về tác phẩm (A)

- Cuộc chiến tranh tàn khốc đã gây ra bao cuộc sinh li tử biệt, vợ xa chồng, cha xa con, cả gia đình ly tán... Chiến tranh đã cướp đi sinh mạng, xương máu của biết bao người con Việt Nam, nhưng cũng trong chiến tranh, những tình cảm thiêng liêng nhất của con người đã được bộc lộ một cách mãnh liệt nhất: tình yêu đôi lứa, tình đồng chí đồng đội, tình yêu quê hương, và đặc biệt là tình cảm gia đình. “Chiếc lược ngà” là một tác phẩm tiêu biểu cho tình cảm thiêng liêng ấy: tình cha con mãnh liệt.
- Giới thiệu chung: Bé Thu là nhân vật chính, có vai trò quan trọng trong việc thể hiện chủ đề tư tưởng của câu chuyện. Sinh ra trong thời buổi chiến tranh loạn lạc cũng giống như bao đứa trẻ khác của vùng đất Nam Bộ mến thương, Thu lớn lên trong sự thiếu thốn tình yêu thương của cha. Người cha xa nhà đi chiến đấu khi chưa tròn một tuổi. Tám năm trời, người con chưa một lần được gặp cha. ⁴³¹Tất cả những gì Thu biết về ba chỉ qua một tấm hình ba chụp với má ngày cưới. Xây dựng nhân vật bé Thu tác giả đi sâu vào khắc họa một cô bé cá tính, yêu thương ba tha thiết.

III. Phân tích, chứng minh tình yêu thương ba của bé Thu

❖ LD1: Tình yêu thương ba và sự hồn nhiên cá tính của bé Thu được thể hiện rõ nét trước khi nhận ra ông Sáu là Ba.

- Giây phút hai cha con gặp nhau ở bến xuồng

- Tám năm ba đi kháng chiến xa nhà, bé Thu lưu trong hình ảnh người cha thân yêu trong trái tim non nớt ngây thơ của bé. Bởi vậy nên khi ông Sáu bất ngờ xuất hiện bến xuồng với vết sẹo dài, “giàn gập”, “đỏ ửng”, “dễ sợ” cùng lời gọi “Thu! Ba đây con”, con bé đã giật mình, tròn mắt nhìn “ngơ ngác, lạ lùng”. Sau đó, có lẽ do sợ quá, nó đã bỏ chạy và kêu thét lên: “Má! Má.”

⇒ Bằng một loạt những chi tiết chân thực, sống động, nhà văn đã miêu tả tâm trạng, thái độ của nhân vật qua ánh mắt, hành động và lời nói. Tất cả những chi tiết ấy đã diễn tả sự ngỡ ngàng ngạc nhiên hoảng hốt sợ sệt của

bé Thu.

- Lý giải: Đây là một phản ứng rất tự nhiên, hợp lý của một đứa trẻ khi nhìn thấy người lạ, với em người đàn ông đứng trước mặt chỉ là một người xa lạ. Chiến tranh đã khiến cho ông Sáu quá khác so với bức hình chụp ngày cưới nên ngày trở về đứa con chẳng thể nhận ra cha. Nhà văn đã vô cùng tinh tế khi miêu tả tâm lý của bé Thu với sự am hiểu tâm lý trẻ thơ.
 - ⇒ Tất cả những hành động cử chỉ ấy vừa cho ta thấy sự ngây thơ con trẻ, đồng thời khẳng định trong trái tim non nớt của bé chỉ có hình ảnh người ba nên không thể thay thế bằng một người khác.
- Tình cảm đối với ba của bé Thu và cá tính hồn nhiên ương ngạnh của bé thể hiện qua những phản ứng dữ dội quyết liệt trước người đàn ông lạ trong suốt ba ngày ông Sáu nhà.
- Những ngày nghỉ phép ở nhà, đáp lại sự vô vập của người cha, con bé tỏ ra vô cùng ương ngạnh và bướng bỉnh. Ông S càng xích lại gần, nó càng đẩy ông ra xa. Ông càng chiều thương, nó càng lảng tránh. Ông càng khao khát nghe một tiếng gọi ba từ con bé, nó lại càng không chịu gọi. Tác giả khéo léo đặt bé Thu trong những tình huống khác nhau, tình huống mỗi lúc một khó khăn để Thu cất tiếng gọi ba nhưng ở tình huống nào nó cũng cự tuyệt - cả trong thái độ, lời nói và hành động - không chấp nhận sự quan tâm của ông Sáu.
 - Trong lời nói: Theo dõi toàn truyện ta thấy bé Thu luôn nói trống không với mẹ sai nó gọi ba vào ăn cơm “Vô ăn cơm”; khi bị đẩy vào tình huống chất nước nồi cơm, nó nhất định không gọi ba “Cơm sôi rồi, chất nước ông Sáu: khi dùm cái, nhão bây giờ. Khi nói với người lớn, trẻ con nói trống không là hết sức vô lễ nhưng đặt trong hoàn cảnh của bé Thu, ta hoàn toàn có thể cảm thông bởi đó chỉ là cách phản ứng quyết liệt, trẻ con với người đàn ông nó không biết là cha. Nhưng có lẽ, càng né tránh tiếng gọi ba bao nhiêu, tình cảm bé Thu dành cho ba sâu sắc bấy nhiêu. Đặc biệt, bé Thu còn gọi ông Sáu là “người ta” – hai tiếng đầy xa lạ càng tạo khoảng cách vời vợi ngăn cách tình cảm cha con. Nó không chịu gọi ba bởi đối với nó đó không chỉ là tiếng gọi bình thường mà là tất cả tình yêu thương trọn vẹn dành cho một người. Nó không để gì chia sẻ tiếng gọi ấy cho bất kì người nào khác ngoài ba nó.

- Trong thái độ: Đi liền với lời nói, phản ứng của bé Thu còn thông qua thái độ. Nó tỏ ra lạnh lùng, thờ ơ đến khó chịu trước sự quan tâm của ông Sáu. Ông càng quan tâm vỗ về thì con bé lại càng đẩy ra. Thông thường, trẻ con rất thích được quan tâm và khi đó thì rất dễ mềm lòng nhưng với Thu, nó vẫn cứng cỏi, quyết liệt đến đáng sợ. Sự đáng sợ ấy nó dành để bảo vệ tình cảm thiêng liêng nó dành cho ba.
- Trong hành động: Có lẽ phản ứng quyết liệt nhất là ở hành động cự tuyệt trước mọi sự quan tâm chăm sóc. Khi không nhờ được ông Sáu chắt nước nồi com, dù sợ bị mẹ đánh nhưng nó kiên quyết không gọi ba mà tự mình làm lấy. Nó nghĩ ra cách lấy vá múc từng gáo nước. Hành động đó không chỉ thể hiện sự ương ngạnh đáng sợ đầy bản lĩnh mà còn cho ta thấy sự thông minh nhanh trí để thoát khỏi khó khăn.
- Tình huống thể hiện rõ nhất tình cảm bé dành cho ba và cũng là đẩy câu chuyện lên đỉnh điểm đó là việc bé Thu cự tuyệt những cử chỉ quan tâm chăm sóc của ông Sáu trong bữa ăn. Đối với tâm lý của một đứa trẻ, khi được quan tâm chăm sóc, chúng rất dễ mềm lòng, đặc biệt là miếng ăn ngon. Nhưng với bé Thu, ⁴³³cử chỉ quan tâm dù ám áp đến đâu cũng không làm thay đổi được nó. Có thể nói, phản ứng của bé Thu thể hiện sự căm ghét tột độ về người đàn ông lạ. Trong suy nghĩ của nó lúc này, không ai có thể thay thế người cha nó lưu giữ trong tâm trí. Thậm chí khi bị đánh, nó cũng không khóc mà lẳng lặng bỏ về nhà bà. Khi xuống xuồng, nó cố ý làm cho dây cột xuồng kêu thật to. Những hành động ấy không chỉ khẳng định thái độ lạnh nhạt thờ ơ, thể hiện sự tức giận với ông Sáu mà còn làm rõ cá tính bướng bỉnh nhưng cũng rất trẻ con của trẻ thơ.
- ➔ Đánh giá: Như vậy, có thể thấy tất cả những hành động của bé Thu cho ta cảm nhận về một cô bé hồn nhiên, ngây thơ, có cá tính. Phản ứng của Thu hoàn toàn phù hợp với tâm lý một đứa trẻ, hợp với hoàn cảnh xa cách éo le của chiến tranh. Những cử chỉ ấy không hoàn toàn đáng trách. Thu còn quá nhỏ có thể hiểu hết những éo le khắc nghiệt của cuộc sống trong hoàn cảnh xa cách của chiến tranh. Hơn nữa, người lớn cũng chưa kịp chuẩn bị cho những bất ngờ xảy đến nên nó không tin ông Sáu là ba chỉ vì vết sẹo đã làm biến dạng mặt ông. Phản ứng tâm lý ấy còn thể hiện tình cảm sâu sắc em dành cho ba. Có lẽ trong cái cứng đầu ương bướng ẩn chứa sự kiêu hãnh trẻ thơ về tình cảm dành cho người ba chập chững với má. Đó cũng chính là cái

mầm của một cá tính mạnh mẽ, bản lĩnh cứng cỏi của cô giao liên tên Thu sau này.

❖ LD2. Tình yêu thương ba của bé Thu được thể hiện sâu sắc mãnh liệt nhất trong giờ phút ông Sáu trở lại chiến trường.

- Trong buổi sáng hôm ấy, trước lúc ông Sáu lên đường, thái độ của bé Thu hoàn toàn thay đổi.

- Trong lúc mọi người đang chuẩn bị cho ông Sáu, bé Thu như bị bỏ rơi, nó đứng góc nhà, nhìn mọi người vây quanh ba nó. Bác Ba quan sát thấy “đôi mắt nó to hơn”, cái nhìn không ngờ ngạc, vẻ mặt “sầm lại buồn rầu”, nhìn ba với vẻ “nghĩ ngợi sâu sa”.

⇒ Những dòng miêu tả ngoại hình của Thu đã thể hiện rõ tâm trạng của bé lúc này. Không còn vẻ ngờ ngạc như mới đầu gặp ông Sáu, không còn thái độ xa lánh, lạnh lùng, nghi ngờ, bướng bỉnh như mọi ngày. Ngược lại, trong nó rất buồn. Phải chăng đó là sự nuối tiếc ân hận khi trong ba ngày qua nó đã không gọi ông Sáu là ba.

⇒ Ta nhận ra trong ánh mắt “xôn xao” của cô bé bao ý nghĩ, suy tư như ⁴³⁴ xáo trộn trong lòng nó lúc này. Có lẽ nó muốn nói một điều gì với ba nhưng lại sợ bởi vì nó đã trót có những hành động vô lễ với ba trong những ngày trước.

- Đến khi ông Sáu nhìn con tràu mếu, buồn rầu và khẽ nói: “Thôi! Ba đi nghe con” thì thật bất ngờ, tình yêu thương, sự nuối tiếc của con bé bị dồn nén bấy lâu nay bỗng như vỡ tung trong lòng. Trong lúc không ai ngờ đến, nó thét lên: “Ba...a...a... Ba!”.

⇒ Tiếng “ba” với những âm “a” kéo dài đứt quãng là bao nhiêu nỗi niềm xúc động nghẹn ngào của con bé. Vậy là tình yêu thương và nỗi mong nhớ đã được bật ra thành tiếng gọi thiêng liêng tiếng gọi bình dị như ẩn chứa cả một trời yêu thương sâu sắc và có cả sự ân hận. Tiếng gọi ba như cơn mưa mát lành trải xuống tâm hồn đang khát khao tình cảm của ông Sáu. Đó là giây phút vô cùng thiêng liêng xúc động, bất ngờ với ông Sáu và tất cả mọi người. Đó là giây phút trở về với cội, sông trở về với nguồn, máu thịt trở về với máu thịt.

⇒ Có lẽ vì thế, Bác Ba đã cảm nhận “tiếng kêu của nó như xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa”. Lời bình luận trữ tình của tg càng

cho ta cảm nhận sâu sắc hơn tình cảm Thu dành cho ba.

- Đằng sau tiếng gọi ba là một loạt những hành động “chạy xô tới”, “nhanh như một con sóc, nó “đang hai tay ôm chặt lấy cổ ba”, nó gọi ba gấp gáp trong tiếng khóc “Ba! Không cho ba đi nữa. Ba ở nhà với con!” Rồi sau đó “nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa”. Đặc biệt, bác Ba còn nhận thấy làn tóc tơ.
- ⇒ Bằng một đoạn văn với việc sử dụng một loạt các điệp từ, tính từ liên tiếp, liệt kê một loạt cử chỉ hành động của bé Thu, nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã cho ta thấy những hành động rất nhanh đến cuống quýt hồi hả của bé Thu trong giây phút nhận ra ba. Dường như cô bé đang chạy đua cùng thời gian để có thể bày tỏ hết mọi tình cảm yêu thương dồn nén chờ đợi cất giấu trong tám năm. Tất cả đã minh chứng cho tình yêu thương cha sâu sắc, cho những khao khát mong chờ cháy bỏng những giây phút được ở bên cha.
- ⇒ Đặc biệt, chi tiết “làn tóc tơ sau ót của nó như dựng đứng lên” cho ta cảm nhận được rõ hơn sự xúc động mãnh liệt của Thu khi được sống trong tình yêu thương⁴³⁵ của ba. Tiếng gọi ba gấp gáp, dồn dập càng thể hiện sâu đậm nỗi mong chờ cũng như sự sung sướng hạnh phúc của bé Thu lúc này. Có lẽ, bé Thu đã thấu hiểu được tình yêu thương ba dành cho mình. Bởi vậy mà trong một loạt những hành động của Thu, người đọc đặc biệt chú ý, xúc động trước chi tiết bé Thu “hôn lên vết thẹo” trên má ông Sáu.
- Một cử chỉ đơn giản nhưng lại thể hiện được nhiều tự hào kiêu hãnh của bé Thu về người cha cách mạng kiên trung. Phải chăng đó cũng là lời xin lỗi, niềm ân hận day dứt của Thu vì đã có thái độ không phải với ba những ngày trước. Hôn lên vết thẹo có phải chăng cũng là sự chia sẻ những mất mát hy sinh gian khổ của Thu với ba. Người đọc có lẽ không cầm được nước mắt trước cử chỉ của Thu khi ông Sáu nói “Ba đi, ba sẽ về”. Con bé hét lên, “hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ chặt được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy nó”.
- ⇒ Những cử chỉ hành động ấy không chỉ là sự vội vã, cuống quýt mà còn thể hiện tình yêu ba cháy bỏng. Trong đó chứa đựng cả những lo sợ, sợ ba sẽ đi mất. Chỉ khi bé nhận được lời hứa khi ba về mua cho nó cây lược thì nó mới chịu để anh Sáu về chiến trường.

- Thái độ của mọi người trước cảnh chia tay: Chứng kiến cảnh đó, có người đã không cầm được nước mắt. Nhân vật bác Ba như có cảm giác “bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim”. Rõ ràng tình yêu thương của bé Thu đã chạm đến chỗ cao sâu của lòng người khiến ai nấy đều xúc động.

→ Như vậy, đoạn văn tả cảnh chia tay xúc động với lối viết tự sự xen lẫn bình luận, miêu tả đã thực sự gây xúc động, không chỉ giúp ta cảm nhận rõ tình yêu ba của Thu mà còn chứng tỏ tình cảm yêu quý nhân vật của tác giả, thái độ trân trọng tình cảm cha con của ông Sáu. Phải là một nhà văn có sự am hiểu, đồng cảm với nhân vật thì Nguyễn Quang Sáng mới có thể.

- (Đoạn trích kết thúc trong ánh mắt thiết tha của ông Sáu trước lúc hi sinh nhờ bác Ba trao cây lược ngà cho Thu. Với bé Thu, cây lược nhỏ mang dòng chữ đầy yêu thương “Yêu nhớ tặng Thu con của ba” là kỉ vật chứa đựng tình yêu thương, nỗi nhớ, hình bóng, tấm lòng người cha. Chiếc lược ngà đã động viên em vững vàng trong cuộc chiến đấu. Khi bác Ba tình cờ gặp lại Thu và trao cây lược, thì cô bé bừng tỉnh, cá tính ngày nào đã trở thành cô giao liên dũng cảm. Cô đã quyết tâm bước tiếp con đường cha cô đã đi để đánh đuổi kẻ thù của gia đình, kẻ thù của dân tộc.

❖ LD3: Lý giải sự thay đổi thái độ, hành động của bé Thu

- Hành động của bé Thu trước khi nhận ba và sau khi nhận ba tuy trái ngược nhau nhưng có sự thống nhất trong tình yêu thương ba mãnh liệt. Nguyễn Quang Sáng khéo léo lý giải sự thay đổi đó một cách hợp lý.
- Tác giả để bé Thu nhận ra ba không phải do một phép màu nhiệm mà là do bà ngoại - người rất gần gũi bé, giúp Thu tháo bỏ tất cả những khúc mắc trong lòng. Bà ngoại đã lý giải được nguyên nhân vì sao bé không nhận ba. Khi được nghe giải thích về vết sẹo, bé Thu “nằm im, lẩn lộn, thở dài như người lớn”. Có lẽ trong cử chỉ lẩn lộn, trong tiếng thở dài là những ân hận day dứt, dằn vặt, là sự thông cảm đối với những mất mát đau đớn ba phải chịu ngoài chiến trường.
- Qua đoạn trích, ta nhận thấy tình cảm cha con rất đẹp nhưng hết sức éo le bởi lúc em nhận ra ba thì cũng là lúc chia tay ba vĩnh viễn. Tình cảm của bé Thu mang tố cáo chiến tranh bởi nó khiến gia đình bé Thu phải sống trong xa cách.

IV. Đánh giá tổng hợp

1. Nghệ thuật xây dựng nhân vật

- Tác giả đặt bé Thu vào những tình huống khác nhau, từ đó làm sáng ngời lên tình yêu thương ba sâu sắc của bé Thu trong hoàn cảnh éo le cũng như cá tính bướng bỉnh, hồn nhiên, ngây thơ của con bé.
- Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật phù hợp với tâm lí của một đứa trẻ hồn nhiên ngây thơ qua những lời văn miêu tả từ ngoại hình, hành động, lời nói và cả những bình luận trữ tình.
- Ngôn ngữ nhân vật: mang đậm màu sắc địa phương, phù hợp với đứa bé tám tuổi, thể hiện cá tính bướng bỉnh, ương ngạnh.
- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất ở vai nhân vật bác Ba là người trực tiếp chứng kiến, tham gia câu chuyện, vì vậy dễ dàng giúp tác giả quan sát cụ thể khách quan tất cả những thay đổi của nhân vật.

2. Khái quát toàn bộ đặc điểm nhân vật

- Bằng sự am hiểu tâm lí trẻ thơ, tấm lòng yêu quý cảm thông, bằng tài năng ⁴³⁷ trong việc xây dựng tình huống truyện, diễn biến tâm lí nhân vật, nhà văn Nguyễn Quang Sáng thành công trong việc khắc họa hình ảnh bé Thu với sự hồn nhiên ngây thơ, cá tính mạnh mẽ cứng cỏi, đặc biệt là tình cảm chân thật bé dành cho ba.
- Hình ảnh bé Thu gợi cho người đọc về những mất mát đau thương mà bao trẻ thơ như bé Thu, bao gia đình phải chịu đựng trong chiến tranh, nhận rõ tình yêu thương của tình phụ tử, giá trị nhân văn sâu sắc của tác phẩm.
- Ta nhận ra một chân lí chiến tranh có thể gây nên bao mất mát đau thương về tinh thần, tình cảm, tính mạng con người nhưng bom đạn chiến tranh không thể nào hủy diệt được tình cảm cao quý thiêng liêng của con người – tình cha con.
- Hình ảnh Thu, tình cảm hai cha con và toàn bộ truyện ngắn đã thể hiện rõ phong cách văn chương của Nguyễn Văn Sáng, khẳng định vai trò vị trí của tác phẩm trong dòng văn học Việt Nam làm phong phú thêm cho nền văn học kháng chiến với cách nhìn nhận mới về tình cảm của con người trong chiến tranh.
- Qua nhân vật Thu, ta cảm nhận được tình yêu thương tác giả dành cho trẻ thơ đồng thời gợi trong lòng người đọc thái độ trân trọng tình cảm gia đình, hạnh phúc. Tác phẩm đã đề cập đến một thứ tình cảm muôn thuở mang tính nhân bản bền vững nên đã chạm đến những chỗ cao, chỗ sâu nhất của lòng người, khơi gợi

trong mỗi chúng ta tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, đất nước.

C. Tham khảo các đề bài sau

1. Chiếc lược ngà - Nguyễn Quang Sáng chính là bài ca về tình phụ tử. Hãy phân tích Chiếc lược ngà - Nguyễn Quang Sáng để thấy rõ bài ca thiêng liêng ấy.
2. Ông Sáu và tình cha con bất diệt. Cảm nhận về nhân vật ông Sáu trong truyện ngắn Chiếc lược ngà - Nguyễn Quang Sáng
3. Bé Thu và tình thương cha đầm thắm. Cảm nhận về nhân vật bé Thu trong truyện ngắn Chiếc lược ngà - Nguyễn Quang Sáng
4. Có ý kiến cho rằng: *Nhà văn sáng tạo nhân vật để gửi gắm tư tưởng, tình cảm và quan niệm của mình về cuộc sống*. Em hãy phân tích nhân vật Nhĩ qua tác phẩm “Chiếc lược ngà” – Nguyễn Quang Sáng để làm sáng tỏ ý kiến trên.
5. Trong văn bản Chiếc lược ngà, nhân vật bác Ba từng nói: “Trong cuộc đời kháng chiến của tôi, tôi chứng kiến không biết bao nhiêu cuộc chia tay, nhưng chưa bao giờ tôi bị xúc động như lần này”. Dựa vào văn bản Chiếc lược ngà, em hãy làm rõ lời nhận xét của nhân vật bác Ba.
6. Truyện ngắn Chiếc lược ngà đã thể hiện thật cảm động tình cảm cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Qua việc phân tích văn bản Chiếc lược ngà, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.
7. “*Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp bằng câu chuyện do chính cuộc sống viết ra*” (An-đéc-xen). Chúng ta có thể nhận thấy rằng tác phẩm Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng chính là một câu chuyện cổ tích giữa đời thường, một câu chuyện cổ tích hiện đại. Từ câu nói của An-đéc-xen và những hiểu biết của em về tác phẩm, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.
8. “*Trong Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng, vẻ đẹp tình cảm cha con là nét nổi bật và tình cảm gia đình hoà quyện với tình yêu đất nước*”. Qua việc phân tích truyện ngắn, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.
9. Phân tích tình cảm cha con của ông Sáu và bé Thu trong đoạn trích tác phẩm Chiếc lược ngà. Từ câu chuyện trên, em rút ra được bài học gì?
10. “Chi tiết nghệ thuật trong truyện ngắn là những người tí hon mang nhiệm vụ không lồ”. Bằng việc phân tích một vài chi tiết tiêu biểu trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.
11. “Điều quan trọng hơn cả là sau mỗi cách kết thúc, tác giả phải gieo vào lòng

người đọc những nhận thức sâu sắc về quy luật đời sống và những dự cảm về tương lai, về cái đẹp tất yếu sẽ chiến thắng”. (Bùi Việt Thắng). Em hiểu như thế nào về ý kiến trên. Qua truyện ngắn “Chiếc lược ngà” - Nguyễn Quang Sáng, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.